

Viên Giác, 1995

# VỤ ÁN MỘT NGƯỜI TU

Thích Như Điển

# Mục Lục

Lời vào sách

## Phần 1

Chương 01: Ngài đã đến, mang lại một nụ cười.

Chương 02: Những chuyện hàm oan

Chương 03: Hoa đồng cỏ nội

Chương 04: Cuộc sống của một chú tiểu Sa di

Chương 05: Câu chuyện tình dưới bóng từ bi

## Phần 2

Chương 06: Chữ tài

Chương 07: Thi thố tài năng

Chương 08: Anh hùng hội ngộ, ân oán giang hồ

Chương 09: Nguyên nhân của mọi nguyên nhân

Chương 10: Miệng lưỡi thế gian

## Phần 3

Chương 11: Cánh cửa tù đã mở

Chương 12: Bí mật lại được bật mí

Chương 13: Thời gian tại ngoại

Chương 14: Không hẹn mà gặp

Chương 15: Đám tang của Sư Tịnh Thường

## Phần 4

Chương 16: Thế phát xuất gia

Chương 17: Câu chuyện giữa đường

Chương 18: Kết luận

## Lời Vào Sách

Tôi đặt bút bắt đầu viết "Lời Vào Sách" này đúng vào lúc 7 giờ sáng ngày 21 tháng 6 năm 1995 sau khi tụng một thời kinh Lăng Nghiêm và tọa thiền tại Chánh điện.

Trời hôm nay nóng quá, quạt máy đã được bật lên và tôi bắt đầu châm trà, uống theo kiểu người ta, sau 3 tuần thẩm giọng, bắt đầu viết.

Ngoại cảnh rất quan trọng trong cuộc sống; nên ngày xưa những bậc thâm nho, đạo cốt thường hay tìm đến chốn non bồng nước nhược để vui với cỏ cây, làm bạn với thiên nhiên, để cho tâm hồn của mình được thư thả là vậy đó.

Bây giờ, tôi đang ở tại xứ văn minh vật chất, đối diện với ngựa xe, với cơ giới, muốn tìm một cuộc sống an tịnh, thật là khó. Bởi vậy mỗi năm tôi cố dành hết mọi thời giờ để làm sao có được một mùa an cư kiết hạ. Trong 3 tháng đó, tôi trở lại với chính con người của mình và cũng chính trong 3 tháng đó có nhiều thì giờ để tu học và viết sách nhiều hơn.

Năm 1994 vừa qua, vào mùa thu, tôi đã có dịp viếng Montréal và có hứa với quý Phật Tử tại đây rằng, sang năm 1995 tôi sẽ đến đây để an cư trong vòng một tháng. Cũng chính vì lời hứa ấy mà tôi đã có mặt tại đây và quyển sách này được viết ra trong hoàn cảnh ấy.

Trong những năm trước đây ở Đức, tôi bắt đầu viết sau những giờ công phu sáng trong mùa an cư và ngay sau ngày bắt đầu vào hạ rồi, tôi mới bắt đầu viết; nhưng hy vọng ở đây có nhiều thì giờ, nên sẽ viết được nhiều hơn và sau một tháng ở Canada, trước khi về lại Đức, tôi sẽ có một quyển sách bản thảo cầm tay mang về. Đây là tác phẩm thứ 19 của mình. Nếu năm nay Hạnh Tân dịch xong tác phẩm "Chùa Viên Giác" của tôi sang tiếng Đức, thế là tác phẩm thứ 20 đã xuất hiện.

Cuộc sống của con người ngắn ngủi quá và khổ đau tràn lụy lại nhiều; nên phải cố gắng làm sao dùng thật nhiều thời giờ vào việc tu học cũng như hãy mang tình thương thật nhiều đến với tất cả mọi người, thì cuộc sống mới có giá trị.

Mới năm rồi, khi đến đây, tôi còn đi thăm hai Đạo Hữu kỳ cựu của Chùa Quan Âm, mà nay khi đến lại, sau gần một năm, họ đã không còn nữa. Đó là Cụ Nguyễn Bình Tuyên, Cựu Hội Trưởng sáng lập Hội Phật Giáo Quan Âm và Đạo Hữu Trần Văn Đức. Hôm đám tang của Cụ Cựu Hội Trưởng; Thượng Tọa Thích Minh Tâm và tôi vì xa xôi không đến được nên đã đi một câu đối để tặng Cụ lúc vĩnh biệt ngàn thu.

Đối rằng:

"Sanh mà chi, tử mà chi, tử sinh đều rõ lối".

"Đời là thế, Đạo là vậy, Đạo Đời cũng thế thôi."

Đúng là vô thường thật. Ở đời đâu có gì tồn tại mãi đâu, con người, sự vật, còn đó rồi mất đó, trẻ đó rồi già đó. Sung sướng đó rồi khổ đau cũng đó. Thánh thiện đó rồi tục lụy cũng đó— ai biết được, ai hiểu được và ai hành được, mới là việc đáng nói ở đời sau. Nếu chỉ biết mà không hành, đối với tha nhân và vạn hữu cũng chẳng có một giá trị gì.

Cũng chính vì những lý do nêu trên nên tôi đã cố gắng viết, viết để lại cho đời, viết cho mình thổ lộ được hết tâm tư của mình nơi giấy trắng mực đen và viết cho đời sau biết rằng, người đi trước đã làm được những gì, vì vậy cho nên viết rất cần thiết.

Năm nay tôi định viết về một Vụ Án Một Người Tu, nên đầu đề của quyển sách này có tên như thế. Có thể nhiều người tò mò sẽ tìm đọc. Tại sao tu rồi mà còn có án? Mà người tu nào như vậy? Đạo nào thế cơ? vân vân và vân vân. Câu chuyện ở đây cũng có thể là có thật mà cũng có thể là giả tưởng. Vì đã gọi là tiểu thuyết thì không có gì để tin chắc là 100% được. Tuy nhiên nếu có những nhân vật và hoàn cảnh trong cuộc sống của ai đó, giống như những gì tôi đem ra viết trong quyển sách này, đó chẳng qua là sự trùng hợp và hoàn toàn không có chủ ý.

Khi chọn lựa đề tài và sắp đặt câu chuyện, tôi mong rằng sẽ đi sâu từng chi tiết một, để câu chuyện hữu lý hơn; nhưng trước khi đi Canada lần này đã cung đón Đức Đạt Lai Ma về Chùa Viên Giác, nơi tôi đang trụ trì; nên có lẽ Chương đầu của quyển sách này, chỉ nói về bậc Thánh nhân ấy, không liên quan trực tiếp đến câu chuyện của quyển sách. Vì con người ấy cũng là một người tu; nhưng người tu ấy thế giới phải kính phục, nhân

loại phải tung hô. Còn câu chuyện của tôi sắp viết cho quý vị đọc, cũng một nhà tu; nhưng câu hỏi còn nằm trong vòng nghi vấn.

Vậy mong rằng, quý vị đọc sách này hãy hiểu ý, quên lời, ấy mới đúng là dụng tâm của Tác giả muốn gửi gắm đến quý vị độc giả xa gần. Mong lắm thay.

Thích Như Điển.

## **Phần 1**

### **CHƯƠNG MỘT**

#### **NGÀI ĐÃ ĐẾN, MANG LẠI MỘT NỤ CƯỜI. ĐÓ LÀ ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA**

Viết về Ngài đã có nhiều sách vở đã viết, bằng đủ mọi thứ tiếng, kể cả ngôn ngữ tiếng Việt. Trong đó nhà văn Nguyên Phong ở Canada chuyển ngữ hai quyển bằng tiếng Anh "my land and my People", Nước Tôi và Dân Tôi. Cũng như quyển "Freedom in Exil", Tự Do Trong Lưu Đày. Nguyên Phong đã dịch xuất thân và mọi người đọc những quyển sách này, ai cũng muốn tìm hiểu sâu hơn nữa về bậc Thánh Tăng ấy.

Cách đây khoảng 7 năm, Ngài đã đến Hamburg, một thành phố lớn thuộc miền Bắc xứ Đức, có hơn 3 triệu dân cư ngụ. Nơi đó người Việt Nam mình sinh sống cũng đông và nơi đó có một Trung Tâm Phật Giáo Tây Tạng, do vị Đại Sư Geshe Thuben Ngawang hướng dẫn tinh thần. Đa số là những người Đức theo học Phật và cũng đã có nhiều người xuất gia mặc áo hoại sắc theo Tây Tạng.

Cũng vì nơi đây có Trung Tâm Phật Giáo Tây Tạng nên họ đã tổ chức buổi giảng công cộng cho Ngài và chúng tôi, Tăng Ni Việt Nam tại Đức đã được mời đến dự. Lúc ấy Ngài giảng ở một Hội Trường lớn của Đại Học Hamburg. Hội Trường chứa chừng 4 đến

5 ngàn người. Đầu tiên Ngài làm lễ theo truyền thống Tây Tạng, sau đó thuyết pháp. Sau 2 giờ, nghỉ giải lao để dùng trưa. Buổi chiều tiếp tục thuyết giảng. Trong suốt 5 giờ đồng hồ nghe giảng, cả Hội Trường 4-5 ngàn người đã chú tâm thành kính, không có một tiếng động, làm cho tôi có một suy nghĩ, một ấn tượng sâu đậm về bậc giác ngộ này.

Hôm ấy, vào lúc nghỉ trưa chúng tôi chỉ được phép chào Ngài và Ngài đưa tay cho bắt thế thôi. Khi xong buổi thuyết pháp, về lại chùa, tôi đã kể lại chuyện này cho bao nhiêu Phật Tử nghe và có người bảo tại sao Thầy không mời Ngài về Chùa mình giảng.

Lúc ấy nghe để mà nghe bậy thôi, chứ làm sao trả lời được câu hỏi ấy. Vì lễ Chùa Viên Giác còn bé nhỏ quá, và vị trí của tôi lúc bấy giờ chưa xứng đáng để cung thỉnh Ngài về Hannover, nên tôi đã nói rằng: "chắc chắn một ngày nào đó Ngài sẽ đến Hannover, nhất là lúc mà chùa của mình đã được xây xong". Mà quả thật như thế, Chùa Viên Giác thật sự hoàn thành vào cuối năm 1994, thì năm nay 1995 chúng ta, Phật Tử Việt Nam tại Đức lại có duyên may để đón Ngài. Đây là câu chuyện.

Vào giữa tháng 3 năm 1995, ông Helmut Hanefeld người Phật Tử Đức đã ở Chùa Viên Giác hơn 2 năm, có thưa với tôi rằng:

- Bà Iris HeiB, đại diện tổ chức thân hữu Đức Tây Tạng muốn gặp tôi để bàn về việc Đức Đạt Lai Lạt Ma nhân chuyến công du tại Koeln vào ngày 8 tháng 5 năm 1995 sắp tới, có ý tới thăm Chùa Việt Nam tại Hannover và Thầy nên cố gắng dàn xếp một cuộc họp nhỏ với ông Galtag, đại diện ngoại giao của Tây Tạng tại Thụy Sĩ, cũng sẽ đến Hannover để bàn về việc ấy" Đó là khởi đầu của công việc này.

Sau khi đi Indonésia về vào ngày 31 tháng 3 năm 1995 (xin đọc thêm bài "*Một Chuyến Đi Vội*" đăng trong Viên Giác số 87 xuất bản tháng 6 năm 1995 để hiểu thêm). Ngay trưa hôm đó tôi đã tiếp ông Galtag, bà Iris HeiB và có cả ông Helmut Hanefeld tại phòng họp của Chùa Viên Giác. Trên nguyên tắc, chúng tôi đã

đồng ý việc cung đón Ngài đến Chùa Viên Giác tại Hannover, sau những nguyên tắc nghi lễ và ngoại giao đã được thông qua.

Trong dãy nhà Tây của Chùa Viên Giác, tôi có cho một Hội Phật Giáo Đức theo Tây Tạng có tên là "Choeling" một phòng lớn để làm chỗ lễ bái và tọa thiền. Hội "Choeling" cũng nhân cơ hội đó có ngỏ ý rằng sẽ hợp tác chung trong việc tổ chức đón rước ấy. Thế là chúng tôi đã đi đến một điểm chung là phải họp nhau lại để bàn bạc các chi tiết.

Một ngày giữa tháng 4 năm 1995, ba tổ chức đã họp lại để bàn bạc về việc đón tiếp Ngài. Đó là Chùa Viên Giác, Hội Phật Giáo Tây Tạng "Choeling" và Hội thân hữu Đức Tây Tạng.

Chúng tôi ban đầu bàn và đã thống nhất với nhau là Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ tiếp các chính trị gia và đại diện 2 Tôn Giáo lớn Tin Lành và Thiên Chúa Giáo tại Chùa Viên Giác. Sau đó Ngài sẽ giảng pháp cho các Phật Tử nghe và về lại Koeln.

Hội Phật Giáo thân hữu Đức Tây Tạng sẽ lo liên lạc với các chính trị gia của Đức. Phần mời đại diện các Tôn Giáo do Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Đức và Hội "Choeling" đảm nhận. Về vấn đề hình thức tiếp đón như thế nào, sẽ họp thêm một phiên họp chi tiết nữa.

Sau khi đi họp tại Chùa Viên Giác về, bà Iris HeiB vui mừng quá nên loan báo liền với các báo chí tại Hannover về tin tức trên. Do đó vào sáng ngày hôm sau 17.4.1995 đã thấy báo Hannoversche Allgemeine Zeitung loan tin ở trang đầu là; "Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ đến Chùa Viên Giác vào ngày 7 tháng 5 năm 1995". Sau đó có không biết bao nhiêu cú điện thoại hỏi về việc đến của Ngài. Chúng tôi lo lắng và phải tiên liệu cho những vấn đề khác nữa, nên cũng chưa giải thích được gì.

Đùng một cái, được điện thoại từ Thụy Sĩ của ông Galtag gọi sang là máy bay của Ngài đã đổi lộ trình, nên không còn đến Hannover được nữa. Tôi nghe như sét đánh vào đầu mình và có

một cảm tưởng chán chường lại đến trong một trạng thái chẳng vui về tí nào cả. Tất cả đều buồn xả ...

Xem như việc đã định vào ngày 7 tháng 5 năm 1995 Ngài không đến được nữa thì phải nhờ báo chí loan tin là Ngài không đến! Chuyện ấy cũng không sao; nhưng thấy như có cái gì không ổn. Chúng tôi yên chí làm việc ấy. Cách đó một ngày sau, chúng tôi lại nhận được điện thoại của ông Galtag báo tin rằng Ngài có thể đến như dự định vào ngày 7.5.95. Tôi lại càng uể oải hơn nữa để phải trả lời cho ông rằng: Tại sao nói đến rồi không đến, không đến rồi đến? Chúng tôi chẳng biết phải làm sao cả.

Sau đó tôi có hỏi ý kiến của 2 tổ chức kia, họ đều đồng ý rằng: Thôi để lúc khác tiếp đón cũng không sao.

Sau khi Ngài ở Koeln về Ấn Độ, chúng tôi được biết là Quốc Hội Đức đã đồng ý tiếp kiến Ngài tại Bonn vào ngày 19.6.1995 để Ngài điều trần về vấn đề vi phạm nhân quyền của Trung Cộng tại Tây Tạng và lần này chắc chắn Ngài sẽ đến Hannover.

Khi nghe được tin ấy tôi vẫn vui; nhưng cũng phải họp hết lại 3 tổ chức một lần nữa vào ngày 20.5.1995 để quyết định có nên tổ chức hay không? Tất cả đều lệ thuộc vào tôi. Riêng ông Helmut Hanefeld thì từ chối không thể tiếp tục làm việc này trong trạng thái căng thẳng nữa. Nghĩa là giờ giấc quy định quá cận, ông ta không thể làm tiếp được. Và sau này việc ấy giao lại cho bà Iris HeiB và Frank Salzubecker lo liệu.

Sau đó tôi liên lạc với ông Galtag xác nhận là chúng tôi sẽ tổ chức cho Ngài thăm viếng Hannover và nói chuyện tại đây vào ngày 18 tháng 6 năm 1995.

Mọi hình thức giống như trước, không có gì thay đổi. Nhưng bây giờ, lần này Ngài có nhiều thì giờ hơn, Ngài có thể ghé Tòa Thị Sảnh Hannover để trị gia tại đó; nên khỏi phải mời họ về Chùa.



Tôi đã phải hỏi đi hỏi lại ông Galtag nhiều lần là việc ấy đã chính xác chưa? Nếu lần này mà thất hứa với bà con Phật tử Việt Nam cũng như Đức nữa, quả là điều khó ăn nói vô cùng. Người lớn, dầu bất cứ hoàn cảnh nào, họ cũng có quyền thay đổi; nhưng đám bồng dân thiên hạ ở dưới thì cực khổ trăm điều. Chúng tôi cũng mong rằng việc này sẽ xong suốt và lần này chắc chắn phải tổ chức. Nếu không, cơ hội thứ hai sẽ khó đến một lần nữa. Mặc dầu thời gian đã quá cận kề.

Theo ý kiến của bà Iris HeiB thì nên tổ chức tại một rạp lớn để đón nhận nhiều người Đức đến nghe thuyết giảng hơn. Tôi có đưa ra 2 lý do để bác bỏ việc ấy:

- Một là với tôi, một Tăng sĩ, đi đến bất cứ một nơi nào đó trên thế giới này. Nếu chỗ nào chưa có chùa tôi đồng ý sẽ ra rạp tụng kinh, làm lễ và giảng pháp. Ngược lại, nơi đó đã có chùa chiền và nhất là khang trang như chùa mình thì tôi thích giảng ở chùa hơn.

- Hai là lần trước chúng ta cũng chỉ có ý định tổ chức ở chùa chứ không tổ chức ở rạp hát.

Qua 2 lý do đã nêu ra, mọi người đã thuận và sau đó những vấn đề như an ninh, nghi lễ tiếp rước v.v... đã được đặt ra.

Nhân ngày lễ Phật Đản từ 18 đến 20 tháng 5 năm 1995 do Chùa Viên Giác tổ chức để mừng Đản Sinh lần thứ 2539 của Đức Phật, tôi đã thông báo bằng miệng cho mọi người tham dự lễ hôm đó về tin trên rằng:

- Chắc chắn lần này Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ đến thăm Chùa Viên Giác chúng ta vào ngày 18.6.1995.

Sau đó tôi phải dời chuyến bay đi Canada thay vì 12.6 như đã định, mà đến ngày 19.6.95 tôi mới đến được Montréal.

Nhận bữa dùng sáng, tôi có đưa ra ý kiến này với quý Thầy quý Cô trong Chi Bộ về việc thăm viếng của Ngài và nhờ mỗi Chùa nấu 2 món để cúng dường Ngài cũng như phái đoàn và đại diện các Tôn Giáo.

"Cái gì đến, nó sẽ đến". Đó là câu nói tự ngàn xưa và bây giờ vẫn còn có giá trị thực tiễn lắm.

Và đây là chương trình của Ngài khi đến Hannover:

- 7 giờ 10 phút, Ngài đến phi trường Frankfurt. Ngài nghỉ ở phòng VIP (Very Important Person) tại phi trường.

- Đến 9 giờ 10 phút, Ngài và phái đoàn lấy phi cơ Lufthansa đi Hannover.

- Đến Hannover vào lúc 10 giờ 15 phút ngày 18 tháng 6 năm 1995. Ngài sẽ được bà Bộ Trưởng Tư Pháp của Tiểu Bang Niedersachsen đón về Tòa Thị Chính để ký vào sổ vàng lưu niệm và gặp gỡ các chính trị gia của Đức tại đó.

- Đến 11 giờ 45, Ngài rời Tòa Thị Chính về Chùa Viên Giác.

-Đúng 12 giờ trưa, chính tôi và chư Tăng Ni cùng Phật Tử thân hành đón tiếp Ngài tại cổng chùa, đưa Ngài vào Chánh điện, sau đó đến phòng Tổ và về phòng VIP của chùa để Ngài nghỉ ngơi. Sau đó dùng cơm trưa với đại diện của các Tôn Giáo tại phòng hội họp.

- 13 giờ 30, Ngài về phòng nghỉ.

- 13 giờ 45, Ngài làm lễ quán đảnh cho Hội Phật Giáo Tây Tạng "Choeling" trên lầu 3 của Tây Đường.

- Đúng 14 giờ, Ngài sẽ xuống Chánh điện Chùa Viên Giác. Nơi đó Ngài sẽ giảng về Tứ Diệu Đế, Quy y Tam Bảo và phát bồ đề tâm.

- Đến 16 giờ, Ngài sẽ rời Chùa và đi Bonn bằng xe hơi.

Đó là chương trình tổng quát. Sau đó, chúng tôi in ra 604 vé vào cửa nơi Chánh điện để có thể vào nghe Ngài thuyết giảng. Vì Chánh điện chỉ có thể dung chứa với số người tối đa như thế mà thôi. Trong 604 vé ấy phải chia cho 2 Hội Phật Giáo Đức 120 vé. Số còn lại, Bác Thị Tâm Ngô Văn Phát, Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam tại Đức gọi về các Chi Hội và các chùa tại các địa phương, mỗi nơi từ 10 đến 20 vé, tùy theo nhu cầu từng nơi.

Có nơi về 50 người nhưng chỉ có 20 vé. Vì ai cũng muốn vào Chánh điện để diện kiến Ngài. Nhưng rồi chuyện đâu cũng vào đấy. Người nào không có vé vẫn được xem trực tiếp truyền hình dưới Hội Trường của Chùa cũng như tại nhà Tổ.

Tôi lo liên lạc với bãi đậu xe của Messagelaende.

Frank lo liên lạc với Cảnh sát địa phương về vấn đề an ninh và trật tự.

Bà Iris HeiB lo liên lạc với chính quyền.

Peter Hollig lo nội bộ của tổ chức v.v... và v.v...

Từ chiều thứ sáu ngày 16 tháng 6 năm 1995 và ngay cả trước đó một tuần đã có nhiều Phật Tử về chùa làm công quả. Kê nấu bánh, người lau chùi, kẻ dọn dẹp, người trang hoàng. Một khung cảnh của ngày hội đã tung bừng khai mở.

Hiền, một Phật Tử đã tận tụy lau những bộ ghế cần xa cừ và những bộ ghế cắm lai một cách kỹ lưỡng, láng bóng để cung đón

Ngài. Các anh em công quả khác trong chùa cũng đã làm hết phận sự của mình.

Theo chương trình đã định sẵn, Hạnh Tấn, Peter, bà Iris HeiB, ông Phunksok, Hội Trưởng Hội Phật Giáo Choeling đã đi tới phi trường Hannover để cung đón Đức Đạt Lai Lạt Ma vào lúc 10 giờ 15 phút.

Ở chùa vào lúc 10 giờ sáng, mọi người đã phải ra hết bên ngoài, để cho Cảnh sát an ninh đem chó vào tất cả mọi phòng ốc để cho Cảnh sát an ninh đem chó vào tất cả mọi phòng ốc để kiểm tra có an toàn không. Cổng chùa cũng được đóng lại tất cả và mọi người đi vào chùa đều được kiểm soát bằng "máy rà" tự động để kiểm soát chặt chẽ về vấn đề an ninh.

Trước đó 2 tuần, tôi có gặp Thượng Tọa Thích Minh Tâm tại Na Uy nhân lễ an vị Phật chùa Khuông Việt, có ý mượn mấy cái "máy rà" để làm việc kiểm tra ấy. Vì trước đây chừng 5 tháng, Thượng Tọa cũng đã tổ chức một buổi nói chuyện cho Đức Đạt Lai Lạt Ma với Hội Phật Giáo Tây Tạng tại rạp Maubert ở Paris. Vé vào cửa 70FF cho một người. Lúc ấy có nhiều người Phật Tử Việt Nam bảo rằng: "Đi nghe thuyết pháp tại sao phải mua vé?". Cho đến khi vé phòng A bán đã hết, qua đến phòng B bán gần hết khoảng 4.000 chỗ ngồi, thì người Việt Nam mình mới hỏi mua. Lúc ấy chỗ tốt không còn nữa, họ cũng than phiền. Đến khi vào cửa. Vì vấn đề an ninh, bị soát vé và qua hệ thống máy rà, mấy người Việt Nam mình lại than phiền lần nữa. Tại sao đi nghe thuyết pháp phải bị rà?

Ai cũng phải tự biết rằng Ngài là cái gai nhức nhối trong vết thương của Trung Cộng khi chiếm Tây Tạng, nên Trung Cộng tìm đủ mọi cách để hạ uy tín của Ngài, nên bằng mọi thủ đoạn, Trung Cộng có thể làm được. Còn chúng ta, bằng mọi giá chúng ta phải bảo vệ Ngài. Ngài không những chỉ là một Thánh Tăng, mà Ngài còn là một bậc Quốc Vương của quốc gia Tây Tạng nữa. Tuy dân số chỉ có 6 triệu người; nhưng diện tích của Tây Tạng bị Trung

Cộng chiếm đóng lớn gấp mấy chục lần nước Việt Nam của chúng ta. Nên việc bảo vệ Ngài là điều hiển nhiên.

Vào lúc 10 giờ sáng ngày 18.6.95, tôi cũng phải ra khỏi cổng chùa để cho nhân viên an ninh kiểm soát. Sau đó tôi có gặp Ngài Geshe Thuben Ngawang đến từ Hamburg với 1 Ngài Geshe nữa người Tây Tạng và 4 Tu sĩ Đức tu theo Tây Tạng đang ở chung với Ngài. Chúng tôi chào hỏi và chờ đợi. Có người ra báo cho tôi biết là an ninh bảo phải dọn cái ghế trong phòng hội họp của Ngài ngay vào giữa bức tường, không nên để ghế ngay giữa cửa sổ. Tuy có sáng sủa đó; nhưng thiếu an toàn. Đúng là chuyên môn. Nếu không làm an ninh, làm sao hiểu được điều đó. Những vị lớn của các quốc gia, đều có những an ninh nghiêm cứu về vấn đề đó cả.

Khoảng 11 giờ 30 mọi hàng ngũ đã được chuẩn bị chỉnh tề như sau:

Từ ngoài ngõ đi vào hai bên có Tăng Ni đứng nghinh đón, sau đó là các thiếu nữ trong Gia Đình Phật Tử mặc đồng phục áo dài màu lam, trên tay mang đĩa đựng hoa để rải cúng dường Ngài, đứng dọc lên tới tượng Đức A Di Đà, nơi đó Hòa Thượng Thích Thiên Định, Viện chủ chùa Pháp Hoa tại Marseille và Cố vấn Tối cao của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất A□Châu chờ đón Ngài. Bên cạnh đó một thiếu nữ mang bó hoa đứng chờ. Trong khi tôi đứng sát cổng trước để cung đón Ngài.

Gia Đình Phật Tử lo vấn đề bê và tích trượng, chuông trống bát nhã cũng như làm hàng rào danh dự thẳng tắp từ ngõ vào Chánh điện, từ Chánh điện vào hậu Tổ và từ hậu Tổ vào Tăng phòng VIP của chùa. Kế đó mỗi một cửa ra vào của chùa đều có hai em trong Gia Đình Phật Tử đứng lo vấn đề an ninh. Ngoài ra an ninh chìm nổi của Đức và Tây Tạng đều có mặt mọi nơi tại chùa. Phải thành thật mà nói rằng, lần này các anh chị em trong Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức đã làm việc hết mình, có tinh thần trách nhiệm rất cao độ, tuyệt đối, rất đáng tán dương và khích lệ.

Đúng 12 giờ trưa, các chiếc xe Cảnh sát mở đường, với đèn chớp đi trước, sau đó chiếc xe Audi màu xám đã trở tới trước đường Karlsruhe. Tôi trong trạng thái cung kính chấp hai tay lại và chuẩn bị trao hoa cho Ngài. Một vài người Đức đứng bên cạnh chuẩn bị cung đón Ngài với hai hàng nước mắt rung rung vì cảm động. Có người đã trao cho tôi một dải lụa trắng, mà theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng, nếu được Ngài choàng lên cổ cho, là một dấu hiệu an lành. Tôi quay nhìn lại thấy Hòa Thượng Thích Minh Lễ đến từ Paris trong tay cũng có dải lụa trắng ấy và quý Thầy, quý Cô, quý chú, ngay cả quý vị sư Tây Tạng và Đức đến từ Hamburg cũng đã chuẩn bị những dải lụa trắng sẵn sàng rồi. Tôi đỡ lấy một khăn trắng từ tay một người Đức và để chồng lên trên bó hoa, khi một thiếu nữ Gia Đình Phật Tử đã quỳ xuống và tôi đã dâng bó hoa lên Ngài cùng dải lụa trắng, sau khi ông Galtag đại diện Bộ Ngoại Giao của Tây Tạng ở Thụy Sĩ giới thiệu tôi cho Đức Đạt Lai Lạt Ma. Tôi cứ ngỡ rằng dải khăn trắng tôi vừa trao lên tay Ngài, Ngài sẽ choàng lên cổ tôi như tục lệ Tây Tạng; nhưng ở đây thì không, Ngài đã tự lấy dải lụa trắng ấy choàng lên cổ Ngài. Sau này tôi mới phát hiện ra trên một hình màu của tờ báo Neue Presse đã đi tin vào ngày 19.6.95 như vậy. Ngay lúc đó tôi lại không để ý đến điều đó. Tôi cúi đầu thật sát và Ngài đã đem đầu Ngài cung vào đầu tôi, đưa tay cho tôi bắt và một điều ngạc nhiên vô cùng, khi tôi muốn thi lễ càng sâu chừng nào để tỏ ra sự kính trọng của mình, thì Ngài càng cúi sâu xuống chừng đó. Quả thật thế gian này hiếm có những con người thật người như thế.

Ngài vẫy tay chào mọi người, Ngài cười, Ngài dang tay rộng ra và áp sát vào đầu vào cổ, vào tay mọi người thân hình của Ngài để cho mọi người được hưởng phước lây. Trong khi mặt mày của mấy ông giữ an ninh thì xám ngắt. Vì quần chúng bao vây đông nghẹt. Nhưng Ngài vẫn cười, vẫn bắt tay và vẫn tiến tới. Khi đến cầu thang, chuông trống bát nhã đã vang lên để cung đón Ngài, trong khi đó các nhiếp ảnh gia, phóng viên truyền thanh, truyền hình làm việc không ngớt tay.

Thầy Từ Trí đi sau mang lọng che Ngài. Đi phía trước có 3 chú Hạnh An, Hạnh Từ và Hạnh Vân, đánh khánh, mang mâm

huong đèn cũng như mâm trầm đi trước cùng với 6 em bánh trai trong các Gia Đình Phật Tử tay mang găng màu trắng với các bê, tích trượng nặng trĩu cả tấm lòng để cung đón Ngài.

Ngài lên tới sân thượng, thay vì đi thẳng để gặp Hòa Thượng Thích Thiên Định, Ngài lại đi qua phía bên trái "balkon" để vẫy tay chào các Phật Tử ở phía dưới, mọi người quá cảm động, có người đã khóc nức nở vì quá sung sướng đã gặp được một vị Phật sống rồi.

Khi Ngài đến tam cấp lên Chánh điện, Hòa Thượng Thích Thiên Định đã trao cho Ngài một bó hoa, đoạn Ngài tiến sát đến Hòa Thượng và cúng đầu vào nhau. Một cử chỉ rất thân mật, như đã gặp nhau từ mấy độ luân hồi.

Đoạn Ngài ngẩng mặt lên nhìn tôn dung của Đức Phật A Di Đà và Ngài đã cúng đầu mình xuống tòa sen nơi Đức Phật A Di Đà đang đứng đó. Tâm tôi xao xuyến lạ lùng. Hành động của một vị Thánh Tăng làm cho mình phải cảm động. Ngài từ tôn quá, Ngài cao siêu quá; nhưng Ngài cũng rất bình thường quá. Bàn chân của Ngài khi chạm vào thảm, Ngài đã lo cởi bỏ giày lại liền. Có một người hộ vệ lo cho Ngài việc này.

Chuông trống vẫn vang rền nơi Chánh điện, các đèn pha quay phim của anh Phạm Cường, anh Bình, anh Chinh đã rọi thẳng vào mọi người, nóng bỏng. Ngài và Hòa Thượng Thích Thiên Định tiến vào Đại điện, trong khi quan khách hai Tôn Giáo đã đứng chờ sẵn hai bên hông của Chánh điện. Ngài nhìn lên cao thấy chiếc Ngai vàng và chư Phật, đoạn Ngài đánh lễ 3 lạy. Hòa Thượng Thích Thiên Định cũng thi lễ với Ngài.

Chiếc Ngai này do anh Dũng, thợ mộc, ở Hildesheim đóng một bệ lớn và 1 tam cấp. Trên bệ đó Sư cô Thích Nữ Diệu Ân đã bỏ rất nhiều công sức để kết các hạt cườm màu trắng, may thành nhiều nếp trên vải ni màu nâu, rất trang trọng và đẹp đẽ. Phía trước Sư cô cho cắm những bông hoa cúc hoa hồng, hòa lẫn với các cây thông và bạch dương, trông như một vườn hoa nhỏ xinh xinh,

nhiều màu, nhiều sắc. Trên bệ ấy đặt một chiếc Ngai chạm trổ tinh vi gồm "Ngũ Long Tranh Châu". Ghế này phải 4 người khiêng mới nổi. Trên Ngai ấy có để hai gối nệm và một tấm cừ phẩm liên hoa trải dài suốt từ thành ghế bên trên, xuống dưới chân ghế, dài độ chừng 2 thước. Hoa sen màu hồng, lá màu xanh, thêu nổi trên nền vàng và 4 phía được kết chung với màu vải nâu, rất hợp mắt. Trông như Ngai vàng của các Chúa Thượng ngày xưa cũng chưa chắc bằng và ngày nay, hôm nay đây đã ngự trị nơi Chùa Viên Giác để một bậc Quốc Vương vừa là một Thánh Tăng an tọa trong chốc lát nữa đây.

Ngài và chư Tăng Ni đứng xoay mặt về hướng trước, sau đó Đại diện các Tôn Giáo bạn đến bắt tay chào Ngài và chụp hình lưu niệm chung. Đây cũng là cơ hội cho các phóng viên làm việc. Vì họ không được phép đi sâu vào bên trong Đại điện nhiều hơn nữa.

Sau đó bê tích, khánh được hướng dẫn Ngài tiếp tục đến Tổ Sư đường. Ngài hỏi tôi phòng này là phòng gì? và long vị ở giữa thờ ai vậy?

Tôi trả lời rằng:

- Đó là long vị của Tổ Lâm Tế và Ngài không nhất thiết phải thi lễ nơi đây.

Tôi nói lời ấy trong khi Ngài chuẩn bị thi lễ. Bởi lẽ một bậc Thánh Tăng không nhất thiết phải làm điều đó. Vì Ngài là hóa thân của Bồ Tát Quan Thế Âm, và bên trên bàn thờ Tổ đó vẫn hình ảnh những vị phàm Tăng.

Tôi tiếp tục hướng dẫn Ngài về Tăng phòng VIP của chùa. Lúc này chỉ còn Ngài, một Thị giả của Ngài, Hòa Thượng Thiên Định, Hòa Thượng Thích Minh Lễ, tôi và một vài cận sự của Ngài vào đây.



Tôi đưa tay mời Ngài ngồi vào ghế bành thật lớn cho xứng đáng với vị trí của Ngài; nhưng Ngài chỉ về 1 trong 4 ghế nhỏ hơn kê đối diện và Ngài đòi ngồi vào đó. Tôi và Hòa Thượng có ý khẩn khoản mời Ngài ngồi ghế lớn bên này. Đoạn Ngài cười và tôi hỏi:

- Xin lỗi Ngài có muốn dùng nước gì không?

Ngài trả lời:

"No"

Nhưng Hòa Thượng Thiền Định một mặt sai người đi lấy nước, mặt khác Hòa Thượng tự tay lấy chai nước suối gần đó để rót một ly và mời Ngài.

Ngài đã ngậm hai ngậm, rồi cười. Tiếp theo đó Ngài hỏi rằng:

Trong tu viện này có bao nhiêu Tu sĩ?

Tôi trả lời:

- Có 10 người Tăng và Ni.

Ngài cười

Tôi hỏi Ngài có phải đi rửa mặt không?

Ngài bảo không cần thiết. Chỉ có vị Thị giả của Ngài vào phòng rửa mặt mà thôi.

Trong khi chúng tôi hầu chuyện Ngài, nhân viên an ninh vẫn đứng đó và ngoài cửa các anh em Gia Đình Phật Tử canh gác thật chu đáo, không cho một ai vào hết, chỉ có máy quay phim anh Phạm Cường quay cho Chùa Viên Giác và máy của Chùa Thiện Hòa là được phép vào đây mà thôi.

Tôi và Hòa Thượng Thiên Định, Hòa Thượng Minh Lễ hướng dẫn Ngài vào ghế ngồi, trong khi đó mọi vị khách quý đã đứng dậy để cung đón Ngài. Bàn tiệc hôm nay có 33 vị. Mỗi vị Đại diện một Tổ chức quan trọng của mình trong 3 Tôn Giáo có mặt tại Hannover. Thêm sự có mặt của ông Dr. Meihorst, người Cố vấn cho Chùa Viên Giác và là Chủ Tịch của các Kỹ Sư tại Tiểu Bang Niedersachsen.

Đồng thời bà vợ ông Thị Trưởng thành phố Hannover, Schmalstieg cũng có mặt tại đây, trong buổi tiệc này. Trong một bài báo ngày hôm sau 19.6.95, bà đã tuyên bố với phóng viên báo chí Neue Presse rằng:

*"Bà đã gặp một con người trọn vẹn như chưa bao giờ bà gặp được một con người như thế. Ngài là người tượng trưng cho cõi mở, vị tha và từ bi vô lượng".*

Bên Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức có tôi, Thượng Tọa Thích Minh Phú, Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm và Sư Cô Thích Nữ Diệu Ân. Thầy Từ Trí, Thầy Hạnh Tấn, Sư Cô Thích Nữ Như Viên và Sư Cô Thích Nữ Diệu Hạnh lo điều khiển cho 12 em thiếu nữ Chùa Phật Bảo mặc áo dài màu vàng dâng vật thực để cúng dường. Chị Mỹ Anh một thông dịch viên dững đã nói tiếng Anh giới thiệu các món ăn cho quan khách.

Sau khi tôi giới thiệu với Ngài về Đại diện của các Tôn Giáo và các Tổ chức, thì các thiếu nữ Phật Tử mang món tráng miệng vào. Theo thực đơn hôm đó có 4 món khai vị (thông thường chỉ 1 hay 2 món là đủ); nhưng hôm đó quý chùa và quý Sư cô đã trở tài nên màu mè hoa lá đã được phô trương một cách hoan hỷ lạ thường.

Theo dự định chỉ có 8 món thôi; nhưng qua thực đơn cho thấy hơn 15 món. Chùa Phật Bảo 5 món. Chùa Quan Âm 3 món, Chùa Bảo Quang 3 món, Chùa Viên Giác 3 món, Chùa Thiện Hòa 1 món và cuối cùng là món trái cây của nhà hàng Jasmin Carten của Thị Chơn cúng dường.

Món khai vị thứ hai có 4 con rồng làm bằng củ cải trắng. Rồng phun lửa thật sống động, sau khi lửa cháy hết, các cô thiếu nữ lại mang vào bàn tiệc. Ai cũng hoan hô về mặt tổ chức lịch duyệt này.

Đến món "Én liệng quả địa cầu" của Sư cô Diệu Ân cũng được mọi người trầm trồ và nói với nhau rằng: Họ chưa bao giờ dùng được những món chay ý vị như thế. Trong khi đó một ông cận vệ sơ ý như thế nào đó đã đụng phải một bình bông, vỡ tan, nghe giòn tai như tiếng pháo. Một người Đức bên cạnh thốt lên "*sehr gut*" (rất tốt) là ý nghĩa của người Tây phương khi đám cưới tiệc tùng, chén đĩa không bê, họ phải tự đập cho bê để thấy điềm hên. Trong khi đó, người Á Châu mình thì kiêng cử điều này nhiều lắm.

Cứ thế tiếp tục món này lên, món khác xuống, thoăn thoắt như thoi đưa. Một số vị trong Bộ Ngoại Giao Tây Tạng ở Thụy Sĩ và vị Thị giả ngồi một bàn bên cạnh để dùng trưa, chứ không ngồi chung bàn với Đức Đạt Lai Lạt Ma và quan khách.

Tôi có nói với Thầy Từ Trí là tôi đã đến 1 giờ 25 phút mọi món phải được mang lên để cho Ngài và khách dùng. Vì Ngài còn phải về phòng nghỉ nữa.

Trước khi dùng đến phần tráng miệng, tôi có đứng lên thưa rằng:

Hôm nay quả là một nhân duyên chúng con mới cung đón được Ngài và xin Ngài cũng như những vị khách quý xin ghi vãi lời vào Sổ Vàng Lưu Niệm này để kỷ niệm.

Ngài hoan hỷ để viết ngay vào sổ bằng tiếng Tây Tạng. Tôi chẳng biết Ngài đã viết những gì. Vì sau khi tiễn đưa Ngài đi, tôi không có thì giờ để hỏi những người Tây Tạng khác về nội dung của những chữ ấy. Vì ngày hôm sau 19.6.95 tôi đã phải đi Canada rồi. Hy vọng khi về lại Đức tôi sẽ hỏi anh Phunksok, Hội Trưởng Hội Phật Giáo Choeling về ý nghĩa của những dòng này.

Tiếp đó là Hòa Thượng Thích Thiên Định, Hòa Thượng Thích Minh Lễ và những vị khách quý đã ký tên vào Sổ Lưu Niệm này. Đây là một bảo vật của Chùa Viên Giác lưu niệm về sau, để cho biết rằng dấu chân của vị Thánh Tăng đã có mặt tại chùa này vào ngày tháng ấy.

Đoạn, Ngài đứng dậy để chuẩn bị rời khỏi phòng, Sư cô Diệu Hạnh hướng dẫn các em quỳ xuống thi lễ Ngài, trên tay mỗi người có một khăn choàng trắng. Ngài đã ân cần cúi sát người xuống lấy tay xoa đầu, hoặc nắm tay của các Phật Tử để ban cho một hồng ân từ ái.

Tôi đưa Ngài ra ngoài cửa phòng, bên hành lang có một số anh em Phật Tử đứng canh gác. Một số khác đang cúi đầu xuống để chờ Ngài đi qua. Đến chỗ bàn vong, Ngài hỏi hình ai mà nhiều quá vậy? Và vị nào đứng đó.

Tôi trả lời Ngài:

- Bạch Thánh Tăng (His Holiness). Đó là những người đã quá vãng và hình Bồ Tát Địa Tạng ở dưới địa ngục để cứu khổ độ sanh.

Trở lại căn phòng VIP, tôi mời Ngài ngồi và thưa hỏi Ngài một vài việc cần thiết. Sau đó tôi nhờ Ngài ký cho một số sách bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Đức đã viết về Ngài mà trước đó mấy ngày họ đã nhờ tôi làm việc ấy. Trong ấy có một quyển của một người Đức viết về nước Tây Tạng năm 1959 với nhan đề là: "*Tôi đã ở Tây Tạng 7 năm*". Tôi lật một số trang và nói rằng: những hình ảnh này đây xưa lắm Ngài có nhớ chăng?

Ngài nói:

- Đây là anh của tôi. Đây là mẹ của tôi và đây là em gái của tôi.

Sau đó tôi nhờ Ngài chú nguyện vào 2 khăn lau mặt để gửi về Việt Nam cho các Phật Tử họ thờ. Có lúc tôi điện thoại về Việt Nam để thăm, tiện thể báo tin việc Ngài sẽ viếng Chùa Viên Giác. Có người nhờ các Phật Tử khác mang các khăn này tới để Đức Đạt Lai Lạt Ma chú nguyện để họ thờ. Quả thật tiếng tăm của Ngài và lòng từ bi của Ngài đã bay xa quá, hơn mấy tầng mây và mấy tầng không gian cách trở; nhưng nó không dừng lại ở đó. Đúng là phép Phật nhiệm mầu. Mặc dầu quê hương Ngài đã bị mất; nhưng trong hiện tại Ngài đã có tất cả. Ngược lại, Trung cộng đã có được đất đai; nhưng đã làm mất hết lòng dân. Vì thế, sớm muộn gì rồi Ngài cũng sẽ trở về quê hương xứ sở của Ngài, như người Việt, một ngày không xa, họ sẽ đoàn tụ trong tình tự quê hương của họ.

Tôi quỳ xuống trước mặt Ngài để thưa về chương trình chiều nay:

"13 giờ 45 phút Ngài sẽ đi làm lễ trên phòng Phật Giáo Tây Tạng.

Đúng 14 giờ con sẽ đón Ngài ra Đại điện để thăng tòa thuyết pháp.

Cuối giờ kính mong Ngài làm lễ chú nguyện vào 2 đĩa gạo để phía trước dùm. Vì bao nhiêu người Phật Tử muốn có được ơn pháp như ấy. Nếu còn thì giờ xin Ngài cho chúng con xin đặt một số câu hỏi và cuối cùng con sẽ dâng quà kỷ niệm và cúng dường Ngài".

Tôi thưa Ngài, Ngài sẽ nói bằng tiếng gì?

Ngài bảo: Tiếng Tây Tạng.

Tôi tiếp, vậy sẽ được dịch sang Đức ngữ và Việt ngữ.

Ngài trầm ngâm một chút rồi nói: Vậy là 3 ngôn ngữ, rồi cười.

Trong khi tôi lay hoay xếp đặt mấy quyển sách mà Ngài đã ký, thì những vệ sĩ mang thêm một số sách và sổ lưu niệm khác vào để cho Ngài ký nữa. Ngài dở sổ lưu niệm trong ấy óc viết chữ Tây Tạng, Ngài đọc và nói gì đó với mấy người Tây Tạng, nhưng rồi cũng nắn nót viết từng chữ vào.

Tôi mời Ngài lên long sàan nghỉ 10 phút, nhưng Ngài bảo: Thôi, được rồi. Đoạn, Ngài vào phòng tắm để rửa mặt và chuẩn bị đi làm lễ trên phòng Tây Tạng. Khi Ngài bước ra, các người cận vệ đưa Ngài lên lầu ngã sau để đi đến Tây Đường. Vì ngã trước đã chật. Có hơn 45 người Đức đã ngồi chờ sẵn trên đó rất thành kính. Tôi không biết 15 phút trên ấy Ngài đã làm gì, nhưng chắc chắn là có chú nguyện và thiền định. Vì lúc ấy tôi phải ở dưới để chuẩn bị đón Ngài lên Đại điện.

Chiều hôm trước tôi đã lên phòng này để thăm, thấy mấy Phật Tử người Đức này đã tụ họp lại để chung dọn bàn thờ và dọn dẹp sạch sẽ. Họ cũng đã làm cho Ngài một cái Ngai theo lối Tây Tạng truyền thống.

15 phút trôi qua, Ngài đã trở xuống, tôi đón Ngài lên Đại điện. Trên đường đến bàn thờ vong, có Ni sư Thích Nữ Diệu Tâm và Sư cô Thích Nữ Diệu Ân đang đứng đó, gặp Ngài, nhị vị này qui xuống chấp tay thi lễ. Ngài đã lấy tay xoa lên đỉnh đầu hai vị, ôm sát họ vào lòng như tình mẹ thương con. Đúng là Quan Âm tái thế. Ngài hỏi Bishuni? Tôi "Yes! his Holiness". Các vị này chắc cảm động lắm và biết đâu nhờ định lực của Ngài mà họ sẽ đắc quả trong tương lai.

Tôi hướng dẫn Ngài lên Phật điện, tất cả chư Tạng Ni đồng loạt đứng lên, toàn thể đồng bào Phật Tử Việt cũng như Đức đã đồng nghệt cả Chánh điện, trang nghiêm thành kính đứng lên. Tôi đưa Ngài đi đến Ngai vàng, hướng dẫn ngài lên tam cấp; nhưng Ngài đi trệt qua phía trước, đỡ một Phật Tử đang thi lễ nằm sát đất tại đó. Đoạn Ngài bước ra ngay trước giữa Ngai vàng và Chánh điện lay 3 lay, sau đó Ngài mới thăng tòa, ngồi bán già và bắt đầu cười với mọi người. Một không khí trang nghiêm kính cẩn hướng

về Ngài. Còn nơi Ngài tỏa ra một tình thương vô biên rộng lớn cũng như một trí tuệ sâu thẳm của một bậc Đại Giác Ngộ, đã chinh phục hầu hết tất cả mọi người Việt cũng như Đức tham dự buổi thuyết giảng hôm đó.

Tôi đứng ngay ngắn trước mặt Ngài và cúi mình xuống thật sâu, quỳ xuống thật vững và nắm mọp người xuống để đánh lễ Ngài 3 lần và trở về vị trí bên cạnh.

Trong khi đó Hòa Thượng Thích Thiên Định đứng lên đọc lời tán dương Ngài bằng tiếng Việt và tiếng Pháp, còn bản tiếng Anh, Hòa Thượng bảo tôi đọc. Nội dung của bài tán dương nói lên việc thế giới ngày nay đang băng hoại về mọi lãnh vực của tinh thần. Còn ngài là hiện thân của từ bi và chân lý. Mong rằng Ngài sẽ luôn luôn tiếp tục tranh đấu cho đường hướng bất bạo động ấy. Mọi người đã vỗ tay tán thưởng.

Tôi trở về lại chỗ ngồi của mình, ngồi gần với Thượng Tọa Thích Minh Phú. Nơi đó đã để sẵn một bức tranh sơn mài Chùa Một Cột để kính tặng Ngài và trước mặt tôi có để một khay càn xà cừ, trên ấy có để một cái đĩa.

Trên đĩa ấy có để một bì thư trắng, trong đó có 10.000 Đức Mã để cúng dường Ngài. Ngồi từ đây tôi có thể quan sát được hết mọi người, từ trên hàng ghế cạnh tường có các vị Giám mục, Tu sĩ, cho đến ông Dr. Meihorst. Phía bên kia tường óc ghế ngồi của phu nhân ông Thị trưởng Thành phố Hannover và những khách quý.

Câu nói đầu tiên Ngài bảo rằng:

"Hôm nay tôi đến đây không phải với tư cách của một Đạt Lai Lạt Ma, mà là với tư cách một người tỵ nạn như những người Việt Nam hiện ở nơi đây".

Thế là một tràng pháo tay vang dội cả Đại điện chứa 604 người có giấy mời, 30 quan khách, hơn 100 đoàn sinh Gia Đình Phật Tử và hơn 30 Tăng Ni.

Ngài nói rằng:

Những người Phật Tử truyền thống, có nghĩa là khi sinh ra đã là Phật Tử, xin cố gắng gìn giữ nề nếp tôn giáo của mình. Vì đây chính là sợi dây vô hình gắn chặt mình với quê hương và nguồn cội.

Rồi Ngài chuyển qua đề tài "Tứ Diệu Đế" một cách linh hoạt. Ngài nói về Khổ Đế, về Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế.

Về Khổ Đế, Ngài nói nếu cứ đóng cửa hoài như vậy thì cũng khổ lắm. Sao hôm nay nóng thế?

Thế là một tràng pháo tay lại vang lên, hai cánh cửa giữa nơi Đại điện được mở ra, ngòai bên trên này nhìn ra thấy Đức Phật A Di Đà đang ngự trị trên một tòa sen tại đó.

Không biết có phải đèn quay phim chiếu dội nhiều quá, hay lại vì người đông mà hôm đó nóng thế, trong khi đó bên ngoài nhiệt độ chỉ 10 độ C mà thôi. Theo tôi, có lẽ nhờ thần lực gia trì của Ngài mà Đại điện nơi đây đã nóng hần lên. Vì trước đó đèn pha cũng chiếu như thế nhưng Đại điện vẫn lạnh như thường. Phải chăng một vị Thánh có đủ quyền uy như thế?

Ngài nói về thánh thiện và tội lỗi và Ngài nói:

Muốn chúng được quả vị giác ngộ giải thoát chỉ cần giữ giới cho thanh tịnh và thực tập thiền định, hướng về nội tâm thì sự an lạc mới vĩnh cửu.

Ngài đã nhấn mạnh rất nhiều lần về điều này. Và đây cũng chính là đường về nội tâm của Đạo Phật vậy.



Ngài đã kêu gọi Đại diện các Tôn giáo khác hãy có trách nhiệm trong vấn đề hòa bình của nhân loại và cũng đừng nên nhân danh Tôn giáo này hay Tôn giáo nọ để chinh phục kẻ khác, mà hãy tự mình nêu cao giá trị nội tâm của mình. Đó mới là con đường hòa bình vĩnh cửu của nhân loại.

Đoạn này được vỗ tay lâu nhất, cả phần tiếng Đức và tiếng Việt. Hôm đó ông Christof dịch tiếng Tây Tạng ra tiếng Đức rất hay và Hạnh Tấn dịch từ tiếng Đức sang tiếng Việt cũng rất trôi chảy, nhuần nhuyễn.

Phần phát bồ đề tâm, Ngài không đề cập đến nhiều có lẽ vì ít thì giờ và Ngài dừng bài thuyết pháp lại vào lúc 15 giờ 40 phút.

Tôi có trờ tới để thưa Ngài là cho phép Phật Tử hỏi chừng 10 phút. Ngài đồng ý và các câu hỏi được bắt đầu.

Có một người Đức xin được đặt câu hỏi. Nhưng Ngài bảo hôm nay đặc biệt cho người Việt Nam, nên người Đức ấy lại thôi. Đây là lần thứ 3 Ngài đã lưu tâm về vấn đề ấy. Lần thứ nhất khi ở phi trường, phóng viên đài truyền hình NDR hỏi Ngài tại sao Ngài đến Hannover?

Ngài bảo rằng: Tôi đến đây vì những người Việt Nam.

Cả 3 lần như chúng ta thấy, quả Ngài đã rất quan tâm đến vấn đề của Việt Nam chúng ta rất nhiều. Chúng ta không may mắn được như nhân dân Tây Tạng, có một bậc chân tu thực chứng như Ngài, nên vấn đề hòa hợp, thống nhất vẫn còn triền miên khổ hải. Còn Ngài, là hiện thân của chân lý, nên người Âu Mỹ đã xem Ngài là một sứ giả của hòa bình, nên năm 1989 Ngài đã được lãnh Giải thưởng Nobel Hòa Bình cũng nằm trong ý nghĩa đó.

Trước đây Ngài đến Đức, các chính trị gia ít lưu tâm; nhưng sau bao nhiêu tháng ngày hoạt động kiên trì, mềm dẻo của Ngài đã làm mềm lòng những người cầm quyền tại Âu Mỹ. Bằng chứng là

ngày mai 19.6.95, Ngài điều trần trước Quốc Hội Đức về vấn đề Trung Cộng vi phạm nhân quyền tại Tây Tạng một cách trầm trọng.

Nghe qua bài pháp có người rất thấm thía. Ngồi bên trên nhìn xuống, tôi thấy có người đang ngủ gục và sau này nghe kể lại rằng dưới Hội Trường với hệ thống trực tiếp truyền hình, ban đầu đã đầy người, cũng rất trang nghiêm thành kính; nhưng vào cuối giờ chỉ còn lại những người Đức đang thành kính lắng nghe. Còn người Việt thì hầu hết đi ra ngoài và hay thích nói chuyện riêng. Đó có lẽ là dân tộc tính của người Việt Nam mình chăng?! Nhưng phải thành thật mà nói, trên Đại điện chùa Viên Giác hôm đó gần 800 con người với 800 quả tim, 800 khối óc, ai ai cũng đều cùng một nhịp thở và thấm sâu từng lời nói, từng động tác của Ngài trong khi thuyết giảng. Nhìn xuống xa hơn, tôi thấy Chánh điện bên trái và bên phải vẫn còn trống, như thế, ít nhất Đại điện chùa Viên Giác phải chứa đến 900 người mới chật hoàn toàn.

Ngài đã nói một dung bài pháp như Đức Phật đã nói tự mấy ngàn năm nay; nhưng điều căn bản ở đây, nếu có thật tu mới thực chứng được. Cũng như có ăn mới có no. Nếu không tu cũng như không ăn thì sẽ không bao giờ chứng và no được. Đó là một chân lý cần phải hiểu rõ.

Trước và sau đó có nhiều người đem con của mình tới cho Ngài xoa đầu cho bớt bệnh, hoặc muốn gần Ngài để được thần lực chở che v.v... Tôi có nói rằng: Ngày xưa Phật đã bảo ai tu cũng thành Phật cả, tự mình chẳng lo tu, khi thấy người ta thành Phật rồi, mình lại đến ké nhờ ơn đức ấy, quả thật là khó nói. Mọi người đều hiểu ý tôi, cười nhưng rồi việc đâu cũng vào đó. Vì họ thấy tu hành sao khó khăn quá, thôi cứ chờ cho ai đó tu có kết quả thì mình cậy nhờ vậy. Đó là một cái bệnh lười của chúng sanh. Chúng sanh lúc nào cũng sợ đọa vào trong 3 đường dữ; nhưng việc ác không chừa và việc thiện chẳng làm dữ; nhưng việc ác không chừa và việc thiện chẳng làm, thì làm sao tránh được lao đao trong đường sinh tử?

Khi Ngài chuẩn bị chấm dứt câu trả lời cuối, tôi và Thầy Minh Phú đại diện cho Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức mang tấm tranh và khay tịnh tài cúng dường ra phía trước, để dưới chân Ngài.

Khi Đức Thụ vừa dịch xong những câu trả lời ra tiếng Việt cuối cùng, chúng tôi lại thi lễ tạ ơn Ngài 3 lễ, đoạn trao bức tranh sơn mài và khay lễ 10.000 Đức Mã để cúng dường và làm lộ phí cho Ngài cũng như phái đoàn. Ngài đưa tay ra đỡ lấy rồi trao qua cho những nhân viên ngoại giao tháp tùng với Ngài.

Ngài đã trao tặng Chùa Viên Giác một tượng Phật bằng đồng, thếp vàng, trên ấy có bọc một dải lụa trắng và tôi đã để tượng Phật ấy lên đầu thật lâu, trong bao nhiêu tiếng vỗ tay vang dội ở phía dưới. Đây là một pháp bảo vô giá mà Chùa Viên Giác đã có được.

Ngài xuống tòa trong khi bao nhiêu tiếng vỗ tay vang dội cả Đại diện ngày hôm ấy. Suốt cả 2 tiếng đồng hồ tôi không nghe một tiếng động nào cả. Quả thật, thần lực của Ngài đã chinh phục tất cả mọi người.

Gia Đình Phật Tử đã ngồi chặn lối giữa mục đích để làm hàng rào danh dự, nên khi Ngài chuẩn bị đi ra, 2 bên nơi này đã dạt ra một lối trống ở giữa, Ngài đã bước ra trong nụ cười từ ái, với những cái vẫy tay và cái chào thân thiện.

Hòa Thượng Thích Thiện Định tiễn Ngài ra đến chỗ tượng Đức Phật A Di Đà; còn tôi và Hòa Thượng Thích Minh Lễ, Sư cô Diệu Hạnh và Tăng Ni cũng như Phật Tử tiễn Ngài ra đến đường Karlsruhe bằng chân trần không mang giày, chỉ có vớ mà thôi.

Khi Ngài ra đến nơi tượng A Di Đà, Ngài đã mang giày vào để đi tiếp con đường mà Ngài còn cần phải đi nữa để mang lại hòa bình, lợi tha cho nhân dân Tây Tạng cũng như thế giới.

Khi xuống đến những bậc thang cấp cuối cùng Ngài đã vẫy tay chào. Mọi người vỗ tay tiễn đưa Ngài một cách rất thành kính. Khi chuẩn bị lên xe có một người Đức thuộc đài truyền hình nào đó muốn đặt một câu hỏi. Ngài hoan hỷ trả lời bằng tiếng Anh và bên cạnh đó có ai đưa một bảng hiệu bằng tiếng Anh "Nhân quyền cho Việt Nam và Tây Tạng". Bảng bên kia bằng tiếng Đức cũng nội dung đó. Khi trả lời phỏng vấn xong, một số người đã đưa tay qua từ bên kia chiếc xe Audi cho Ngài bắt, Ngài đã trườn qua xe để vỗ mạnh vào bàn tay đối diện bên kia, đoạn Ngài làm lễ chú nguyện vào một đĩa gạo, rồi Ngài vào xe với 2 nhân viên ngoại giao.

Xe ngài đã đi, nhưng lòng người còn ở lại đầy ắp yêu thương của một bậc Thánh nhân đã trang trải trong suốt 4 tiếng đồng hồ qua tại Chùa Viên Giác. Một số khác lên nhặt những hạt gạo rơi nơi Chánh điện, gạo mà Ngài đã chú nguyện và chắc chắn nay mai sẽ gởi về các địa phương để biếu các Chi Hội Phật Tử những hạt gạo nhiệm màu này. Một số khác nhặt những cành hoa dưới chân Ngài và như còn luyến tiếc đây đây những gì mà họ muốn nắm giữ.

Tối hôm ấy tôi đã không ngủ được, vì quá vui mừng xúc động. Còn trước đó một đêm cũng không ngủ được, vì lo lắng cho ngày mai khi Ngài tới. Lúc Ngài đến trời mưa hoa cúng đường, lúc Ngài đi ánh sáng thái dương rọi chiếu, như mang trí tuệ đến cho tất cả mọi người.

Sáng hôm sau 19.6.95 khi lên Đại điện giờ thiền và tụng kinh Lăng Nghiêm, tôi cảm nghe như sức gia trì vẫn còn mãnh liệt đâu đây. Thế rồi tôi cũng lạy Phật, lạy Tổ để ra đi vào ngày hôm ấy.

Viết đến đây tôi lại quên một vấn đề quan trọng nữa là, hôm qua 18.6.95 sau khi Ngài đã giảng pháp xong, Ngài có tụng kinh gia trì về trí tuệ. Sau đó Hòa Thượng Thích Thiền Định bắt Bát Nhã cho đại chúng tụng và hồi hướng. Không khí thật thành kính trang nghiêm. Tại sao cũng một bài kinh Bát Nhã đó, mà hôm nay trang nghiêm thánh thiện quá vậy?

Nhìn người Việt Nam rồi nhìn người Đức khắp hết Đại điện, tôi thấy ai cũng rạng rỡ tấm lòng.

Sau khi mọi người nghe pháp, tôi có hỏi cảm tưởng của một số vị; họ bảo rằng hoan hỷ quá. Trong đời họ chưa bao giờ cảm nhận được một sự an lạc như vậy. Sự an lạc ấy do từ tha lực của Đức Đạt Lai Lạt Ma và cũng chính phần lớn đều do tự lực của chính mỗi người đã trân trọng với một thời pháp trang nghiêm như thế.

Trong quyển "*Tự Do Trong Lưu Đày*" (Freedom In Exil) Ngài có khẳng định lại một điều mà các Phật Tử Việt Nam của chúng ta cũng cần nên lưu ý. Ngài bảo: Chữ Đạt Lai Lạt Ma người Trung Quốc dịch là Hoạt Phật hay Phật Sống là sai; mà Đạt Lai có nghĩa là Trí Tuệ hay Biền Trí Tuệ hay Hoa Sen Trắng. Lạt Ma có nghĩa là một vị Thầy. Nếu dịch nghĩa chung của 2 chữ này, có nghĩa là: Một vị Thầy có đầy đủ trí tuệ. Chẳng qua đó chỉ là hóa thân của Đức Bồ Tát Quan Thế Âm. Có nhiều người chưa chứng đạo, tự khoe mình đã chứng. Ngược lại, những người đã chứng đắc như Ngài, Ngài ít khi nào nói về cái sở chứng của mình. Điều ấy cũng giống như Đức Phật còn tại thế vậy. Mặc dầu Ngài có thần thông rất đa dạng; nhưng khi Mục Kiền Liên dùng thần thông để thị triển thần lực với ngoại đạo, vẫn thường hay bị Đức Phật quở trách.

Có nhiều người hỏi Ngài bao nhiêu tuổi?

- Ngài cười.

Nhưng cũng có nhiều người trả lời thế cho Ngài rằng:

- Ngài chừng 700 tuổi.

Nếu tính trung bình cho mỗi vị Đạt Lai Lạt Ma là 50 tuổi thọ, thì qua 14 đời Đạt Lai, đều ấy quả là số tuổi hiển nhiên của Ngài.

Có nhiều người Âu Châu đặt nhiều câu hỏi thẳng thắn với Ngài rằng:

- Theo họ biết, cũng như theo truyền thuyết của Phật Giáo Tây Tạng là không có đời Đạt Lai Lạt Ma thứ 15 nữa. Điều ấy có đúng không?

Ngài bảo với các phóng viên rằng:

- "Bây giờ tôi chưa chết, làm sao biết được".

Đó chỉ là một cách trả lời khéo mà thôi.

Có lúc, một số nữ tín đồ Phật Giáo người Âu Châu hỏi Ngài rằng:

- Tại sao cho đến bây giờ đã 14 đời Đạt Lai Lạt Ma rồi mà chưa có vị nào người nữ?

Ngài trả lời rằng:

- "Tại sao không?"

Những câu trả lời của Ngài rất vi diệu và đã làm hài lòng với tất cả những ai tò mò muốn hiểu biết về Tây Tạng, về tái sinh, dầu cho đó là một Học giả, một Giáo sư Đại học, một Thư ký, một Tu sĩ, một Chính trị gia, một Thương gia v.v... và v.v...

Càng ngày người Âu Châu và Mỹ Châu càng theo Phật Giáo Tây Tạng càng nhiều hơn nữa, mà ngay cả người Việt Nam mình cũng thế. Mới đây theo, có lẽ vì tính cách huyền bí; nhưng khi đi sâu vào nội tâm, tu theo Phật Giáo Tây Tạng có sở chứng rất nhiều. Dĩ nhiên, các trường phái Phật Giáo khác, nếu chúng ta đi sâu vào thiền định hoặc nghiêm trì giới luật, chúng ta vẫn có thể chứng đắc như thường. Nhưng đa số nghiêng về phía Tây Tạng, vì

Tây Tạng có được một nhà lãnh đạo cả giáo quyền lẫn thế quyền lỗi lạc như Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Trong 2 quyển sách vừa nêu trên, Đức Đạt Lai Lạt Ma có nhận định rằng: Mặc dầu số người Tây Tạng tu hành đông; nhưng thật ra số tu và số chứng của họ cũng ít lắm. Điều ấy cho ta thấy rằng bất cứ trong một tổ chức quần chúng nào cũng thế, nó phức tạp và ô hợp lắm. Ngay cả cộng đồng Tăng lữ của Việt Nam cũng vậy, dĩ nhiên cũng có một số vị xuất sắc, nhưng không nổi bật về việc ẩn chứng cũng như việc tu trì; nên khi ra làm việc đạo tại nước này, chỉ có được bề nổi bên ngoài, phần nội tâm thì còn phải tu trì nhiều hơn nữa.

Ngài cũng đã đề cập trong sách trên rằng: Những nghi lễ tôn giáo của Tây Tạng quá rườm rà, cần phải bỏ bớt, và chính Ngài cũng có ý thay đổi về địa vị của Đạt Lai Lạt Ma, cốt làm sao cho dân tộc Tây Tạng tiến bộ nhiều hơn nữa.

Trong một quyển sách khác, nhan đề là "*Khi chim Sắt Bay*", do Vũ Nguyễn Khang ở Đan Mạch dịch, có đăng trong Viên Giác lâu nay và trong Viên Giác số 88 xuất bản vào tháng 8 năm 1995 cũng có đề cập chi tiết về cuộc sống của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Ngài có nói rằng: Tôi nói tiếng Anh được; nhưng lười học lắm, vì vậy những ngữ vựng ít ỏi lắm. Tuy Ngài nói vậy thôi vậy, nhưng Ngài rất vững vàng về ngôn ngữ này. Tôi đã có nhiều lần nghe Ngài giảng về Phật Pháp bằng tiếng Anh tại Hamburg, cũng như nghe các câu phỏng vấn trên đài truyền hình Đức và Pháp cũng như Mỹ khi Ngài trả lời.

Tháng 3 năm 1995 vừa rồi, tôi và một phái đoàn 13 người Phật Tử Việt Nam từ Đức sang Ấn Độ để chiêm bái các Phật tích. Trong 13 người ấy chỉ có 6 Phật Tử mà đến 7 Tu sĩ. Dĩ nhiên chuyên đi gặt hái được rất nhiều thành quả tốt đẹp về nội tâm; nhưng cũng đã có nhiều người muốn tìm hiểu sâu hơn về Phật Giáo Tây Tạng.

Khi đến chiêm bái Bồ Đề Tràng vào một buổi chiều, tôi tình cờ gặp một vị Lạt Ma tái sinh mà nhiều người rất ngưỡng mộ. Đó là Ngài Lin Rimpouchie. Theo ấn chứng của tái sinh cho biết rằng: Ngài là vị Thầy cũ của Đức Đạt Lai Lạt Ma tái sinh. Đức Đạt Lai Lạt Ma có hai vị Thầy, nay đều đã viên tịch và nay cũng đã tái sinh. Một vị hiền từ như người mẹ, đó là vị Lin Rimpouchie này và một vị khác khắc khe như một người cha cũng đã tái sinh và tìm lại được rồi. Cả hai vị đều có ảnh thờ chung với Đức Đạt Lai Lạt Ma, hai vị này ngồi hai bên Ngài.

Tôi, một Tăng sĩ Phật Giáo Việt Nam, dĩ nhiên là tin vào luân hồi rồi và tôi cũng đã đọc rất nhiều về sách tái sinh của Tây Tạng, nhưng tôi muốn biết chắc thực hiện tượng tái sinh ấy như thế nào, nên cũng phải tìm hiểu thêm.

Vị Lin Rimpouchie hôm đó đi nhiều tháp, tình cờ khi đến gần chỗ tôi ngồi lại bước qua và hỏi tôi bằng tiếng Anh: - What are you doing here?

Tôi trả lời:

- Im waiting any Vietnamese here.

Vị ấy mới 10 tuổi thôi. Nghe đâu đi Mỹ chỉ có 3 tháng, sau khi về nói tiếng Anh rất lưu loát. Tôi hỏi tiếp:

- Have you been in Europe?

Vị ấy trả lời rằng:

- May be!

Đoạn tôi hỏi:

May I take one picture (Photo) together With you? Vị Lin Rmpouchie trả lời rằng:



- No probleme.

Rồi vị ấy chạy đi, trông rất hồn nhiên, dễ thương như những đứa trẻ 10 tuổi khác.

Sau khi đi về Đức, tôi đưa tấm hình ấy cho mọi người xem, ai cũng vui và nói rằng tôi rất có phước nên mới được gặp vị thầy của Đức Đạt Lai Lạt Ma như thế. Tấm hình ấy Thầy Từ Trí chụp dùm rất tự nhiên. Vị Lin Rimpouchie ấy ngoẹo cổ vào mình tôi và mỉm cười rất duyên dáng trong tư thế đứng. Nơi đó là nơi mà 21 người nữ Phật Tử đầu tiên đến quy y với Đức Phật lúc Ngài mới thành Phật và chưa thành lập Tăng đoàn. Chỉ có quy y Phật, quy y Pháp mà thôi. Nơi đó ngày nay một trụ đá cò dựng ở đó và khắc ghi về sự tích này để lưu niệm.

Tôi hôm đó, quý Thầy quý Cô khác đi đến chỗ vị Lin Rimpouchie này ở để vấn đạo. Tôi ở lại chùa Phật Giáo Việt Nam tại Bồ Đề Đạo Tràng, không đi. Và lại ngỡng Thầy Cô khác cũng dấu tôi không cho tôi biết, sau này xem lại Video mới thấy được. Cung cách tiếp đón và chúc phước, nói năng bằng tiếng Anh lưu loát, chỉ học trong 3 tháng mà nói được như thế quả là một việc hết sức huyền diệu, mà một đứa trẻ ngoại quốc 10 tuổi khó có thể có được.

Tôi định đem tấm hình chụp chung với vị Lin Rimpouchie khoe với Đức Đạt Lai Lạt Ma khi Ngài đến chùa Viên Giác vào ngày 18.6.1995 vừa qua; nhưng bận quá. Và lại tự mình hiểu đủ rồi, cần gì phải sỗ sàng với Thánh vương như vậy. Dẫu biết rằng với Đức Đạt Lai Lạt Ma là một vị Thánh Tăng đơn giản chưa có ai bằng; nhưng cũng có nhiều vị Lạt Ma kiêu cách và trịch thượng lắm. Bằng chứng khi đến đánh lễ một số vị Lạt Ma, có vị thi lễ lại, nhưng cũng có vị ngồi yên trong tư thế như là chuyện đương nhiên. Trong khi đó với Đức Đạt Lai Lạt Ma, Ngài vàng và pháp tòa đã dành riêng cho Ngài; nhưng Ngài phải tự mình đánh lễ Phật và pháp tòa, sau đó mới thăng tòa thuyết pháp. Khi người khác thi lễ Ngài, Ngài cũng cúi sát xuống để cúng đầu hoạt lấy tay đỡ

người quì mọp dưới chân mình lên. Quả thật chưa có vị Thánh Tăng nào có được một cử chỉ khoáng dung độ lượng như thế và bình dân không ai bằng. Có lẽ Ngài nhờ bình dân, đơn giản như vậy mà thu phục được nhân tâm của nhân loại chẳng? Trên quả đất ngày nay có 5 tỉ người; nhưng ít nhất Ngài cũng đã chinh phục hơn phân nửa số đó. Có người đã gặp được Ngài, nhưng đa số không phải ai cũng có được nhân duyên ấy. Những người dân Tây Tạng chưa chắc đã gần được Ngài, mà chỉ sống trong tình thương yêu của Ngài. Nếu có, ngày nay đa số qua hệ thống truyền hình và báo chí, nhiều người đã biết đến ngài.

Viết đến đây tôi cũng xin mở một dấu ngoặc để nói về việc thi lễ đối với chư Tăng Việt Nam. Dĩ nhiên Việt Nam vẫn có nhiều vị Cao Tăng, Đại Đức, đạo cao đức trọng; nhưng cũng có lắm vị phạm Tăng, ham được người ta cúng dường và lễ bái mình. Đi đâu cũng muốn có sự đón đưa thật linh đình. Đến đâu nếu chưa kịp chuông trống bát nhã cung nghinh, không đánh lễ kịp thời thì có ý buồn rầu, trách móc. Khi người đối diện không xưng con, không khép nép với mình, tự nhiên thấy mình bị tự ái, hờn mát và không vui vẻ với những câu chuyện sau đó.

Nhiều vị Tăng nghĩ rằng Phật tử đánh lễ mình là chuyện đương nhiên, cứ ngòi ỉ ra đó cho họ lễ; nhưng đâu có biết rằng, vì phước mình chưa đầy đủ, làm như thế chỉ có bị trừ chứ không có cộng. Phước đức đã hao mòn mà tội lỗi mà da tăng. Chỉ khi nào người lay và kẻ được lay, không còn phân biệt bi thử thì việc lay ấy mới có ích. Tuyệt nhiên không nên ép buộc, nhất là ép buộc vì vấn đề tâm linh.

Ví dụ: Đức Đạt Lai Lạt Ma sờ vào đầu ai, ôm người đó vào lòng, lấy tay của mình ôm một số người đông, trong khi đón rước Ngài, ai ai cũng muốn được vinh dự đó. Nếu bình thường một vị tăng nào đó, làm cử chỉ ấy, trong nó hơi hề. Vì mọi người chung quanh chưa có ý tự nguyện như vậy và chính vì đức độ của mình chưa có, nên chưa ảnh hưởng đến những người chung quanh. Nhưng Ngài thì ngược lại.

Sáng hôm ấy ngày 19.6.95 tôi lạy Phật lạy Tổ xong, ra đi với một xách hành trang nặng trĩu sự vui mừng. Người ta đi đâu thường hay buồn; nhưng hôm đó sao tôi lại vui quá. Vui vì đã làm xong một bổn phận và vui rồi đây Chùa Viên Giác sẽ là nơi quy ngưỡng của nhiều người. Trong đó kể cả các Tu sĩ và các Phật Tử, Việt cũng như Đức.

Xe dừng lại dừng lại nơi bến "gare", tôi vội xuống xe đi nhanh về phía quầy bán báo. Tờ Hannoversche Allgemeine Zeitung tôi đã thấy ở Chùa rồi, có đăng hình và bài về ngày hôm qua. Tôi mua hai tờ khác nữa. Đó là tờ Neue Presse và tờ báo Bild. Tờ nào cũng tường thuật rất tỉ mỉ và rất thuận lợi cho chiều hướng phát triển của Phật Giáo tại Đức. Nhiều nhà nghiên cứu về lịch sử và triết học cũng như Tôn giáo đều phải thừa nhận rằng:

Tất cả mọi chuyển động của thế giới về các ngành này đều xuất phát từ Đức. Ví dụ triết gia Schopenhauer mở đầu cho kỷ nguyên của Phật Giáo du nhập vào Đức từ thế kỷ thứ 19. Nietzsche, một triết gia đại của Đức đã có cái nhìn không xa triết lý của Phật Giáo bao nhiêu. Hermann Hess, người đã viết tác phẩm "*Đường Về Nội Tâm*" rất nổi tiếng. Nhà Bác học Einstein đã quả quyết rằng: Tất cả những phát minh của ông đều dựa trên tinh thần khoa học của Phật Giáo. Rồi Karl Marx, cha đẻ của chủ nghĩa cộng sản cũng đều từ đất nước này phát sanh. Nhà tôn giáo cải cách Luther Martin cũng người Đức. Vì những lý do trên, nên nhiều nhà phê bình có nhận định rằng: Thế kỷ thứ 21 là thế kỷ của Phật Giáo và điều xuất phát từ nước Đức đa diện này. Có lẽ nhận xét ấy không sai. Vì trong hiện tại kinh sách Phật Giáo bằng tiếng Đức xuất hiện vô số kể trong lãnh vực học đường, khoa học hay cả tại các nhà thờ của hai Giáo Hội Thiên Chúa Giáo và Tin Lành.

Sau khi đi Ấn Độ vào tháng 3 năm 1995 về, tôi có đến gặp Đức Giám Mục Hofmeier địa phận Hildesheim, khi dùng cơm xong tại giáo xứ, Ngài có nói tôi chỉ sơ qua về giáo lý căn bản của Phật Giáo cho Ngài và ông Helmut Hanefeld đã chỉ cho Ngài và các vị Cha xứ, các Di Phước thực tập thiền hôm đó. Đoạn Ngài hỏi tôi rằng:

- Có phải Phật Giáo hay hơn Thiên Chúa Giáo hay sao mà người ta bỏ Đạo Chúa theo Đạo Phật nhiều vậy?

Tôi trả lời rằng:

- Thưa Ngài, mỗi một thứ thuốc hợp cho mỗi một căn bệnh khác nhau. Có lẽ ở Âu Châu lâu nay dùng loại thuốc giống nhau, nên căn bệnh đã quen rồi. Bây giờ có loại thuốc mới, nên họ muốn thay đổi chẳng!

Tôi cũng trấn an Ngài rằng:

- Xin Ngài đừng lo. Mỗi tôn giáo là một bông hoa đẹp, chúng tôi hiện diện ở đây chẳng khác nào làm cho vườn hoa tâm linh của quê hương nước Đức này càng đẹp đẽ hơn lên thôi.

Đức Giám Mục mỉm cười.

Ba tờ báo lớn tại Hannover đều tường thuật một cách đầy đủ và rất tỉ mỉ, tôi đã dịch ra từ tiếng Đức phía dưới bài này, xin quý vị đón xem. Về hình ảnh cả 3 tờ báo, tờ nào cũng có một số hình khác nhau.

Như tờ Hannoversche Allgemeine Zeitung, phần trang đầu đăng hình màu, Đức Đạt Lai Lạt Ma đang choàng chiếc khăn chúc phúc màu trắng cho ông Thị trưởng Thành Phố Hannover, vào trang ruột bên trong đăng 2 hình trắng đen. Hình thứ nhất là hình Đức Đạt Lai Lạt Ma chấp tay chào mọi người khi đến Tòa Thị Chính. Hình thứ 2 đăng 3 em thiếu nữ Phật Tử Chùa Phật Bảo, trên tay đang nâng 3 đĩa đồ chay có 3 con rồng làm bằng củ cải trắng.

Tờ Bild Zeitung có số độc giả bình dân tương đối nhiều tại Hannover, bên trong có đăng 4 hình màu. Hình lớn nhất là hình Đức Đạt Lai Lạt Ma ngồi trên Ngai vàng do Sư Cô Diệu Ân thiết kế rất hùng dũng. Hình thứ 2 nhỏ bên tay trái là hình ông Thị

trưởng Thành phố Hannover dắt tay Đức Đạt Lai Lạt Ma. Hình thứ 3 ở giữa chụp toàn cảnh Chùa Viên Giác có hồ sen và Bảo Tháp 7 tầng cùng Chánh điện. Hình thứ 4 chụp Ngài đang vẫy tay chào mọi người, trong khi Ngài ở trong chiếc xe Audi đời mới.

Riêng tờ Neue Presse có 4 hình màu cũng rất độc đáo. Hình thứ nhất chụp toàn cảnh cung nghinh Ngài khi mới vào cổng chính Chùa Viên Giác có mặt tất cả chư Tăng và lọng cung nghinh Ngài. Hình thứ 2 bên trái chụp hình Ngài đang đỡ một người đàn bà Thái Lan đánh lễ dưới chân Ngài ở một công trường đi bộ gần Tòa Thị Chính. Hình thứ 3 Ngài thăm hỏi trẻ em ty nạn Việt Nam khi mới vào cổng và hình thứ 4 chụp Ngài đang ký Sổ Vàng Lưu Niệm tại Tòa Thị Chính. Đứng bên cạnh Ngài là ông Thị Trưởng và các chính trị gia của Tiểu Bang Niedersachsen.

Khi tôi lên xe ICE, là một loại xe sang trọng nhất của nước Đức hiện nay. Loại xe này Nhật đã chế từ năm 1967. Tính ra Đức đi sau Nhật chừng vài chục năm về kỹ nghệ hóa. Chỉ có điều là đồ Đức chắc và bền gấp 10 lần đồ Nhật; nên nhiều người cũng rất ưa dùng đồ của Đức. Trên chiếc xe này, như một phòng khách di chuyển tự động, nơi đó họ có thể ngủ, đọc sách hoặc chuyện vãn v.v... Tôi thì không, mỗi khi lên xe này thường hay viết bài, đôi khi cũng đọc sách. Xe ICE lòng rộng, các ghế ngồi tựa như ghế trong máy bay, nhưng rộng rãi hơn. Trong xe này có thiết trí Tivi, điện thoại công cộng, cho biết xe chạy ở tốc độ bao nhiêu và trước khi xuống xe, hành khách đều có thể biết được là cửa tự động mở bên phải hoặc bên trái v.v...

Thế giới văn minh quá mà con người thì còn khổ đau nhiều quá. Biết nói sao đây? Tôi ngồi bên cạnh một người đàn bà Đức. Người ấy đang đọc tờ Hannoversche Allgemeine Zeitung, dở ngay trang trong tường thuật về Đức Đạt Lai Lạt Ma. Sau đó bà ta gọi chuyện với tôi về chuyến đi này, tôi đã đưa bà thêm 2 tờ báo khác để bà đọc. Sau khi bà đọc xong, bà ta nhìn tôi và nói rằng Hoheit (Bệ hạ) (ý chỉ Đức Đạt Lai Lạt Ma) đến thành phố Hannover và đã mang đến cho mọi người cư dân tại đây một hòa bình nội tâm miên viễn.

Tôi nghe một người Đức nói được câu nói ấy, cảm nhận sâu tận đáy lòng, tôi có nói về Ngài cho bà ta nghe và bà ta đã nghe một cách chăm chú.

Mỗi danh xưng cho mỗi người, mỗi một địa vị nó khác nhau; nhưng bà dùng chữ Hoheit ở đây không sai mấy. Vì Ngài cũng là bậc Quân Vương nữa mà. Nếu dùng tiếng Đức để chỉ cho Ngài, họ nói là Seine Heiligkeit, tiếng Anh gọi là His Holiness. Có nghĩa là Thánh Đế hoặc Thánh Vương. Nếu dùng chữ Hoheit chỉ có nghĩa là Bệ Hạ hay Hoàng Thượng mà thôi. Vì thế khi nói với Ngài thường xưng 2 chữ His Holiness trước. Nếu chỉ hỏi "How are you today?" là không ổn rồi. Cũng như khi xưng với một vị Hòa Thượng, tiếng Đức phải nói là Hochehrwuerdige, tiếng Anh gọi là The most Venerable, tiếng Pháp nói Le très Vénérable. Nếu muốn dùng nói đến Thượng Tọa thì xưng Venerable bằng tiếng Anh. Tiếng Đức nói Ehrwuerdige. Tiếp Pháp nói Vénérable. Tất cả những chữ này nó có nghĩa là "Bậc đáng Tôn kính". Nếu chỉ dùng chữ Ladies and Gentlements trong một buổi tiệc mà có mặt của các vị chức sắc Tôn Giáo quả là điều sai lầm rất lớn.

Khi xuống xe lửa để đổi xe đi phi trường Frankfurt bà ta xin địa chỉ của Chùa và nói rằng: Đây đúng là một nhân duyên và hy vọng sẽ có một ngày nào đó tôi sẽ đến Chùa để thăm Thầy.

Đạo Phật như thế đó. Đơn giản lắm, đi vào lòng người một cách nhẹ nhàng, không bằng dao to, búa lớn. Không bằng bạo lực, không bằng chiến tranh và thù hận, mà bằng tình thương miên viên đối với mọi người và mọi loài.

Tôi đã miên man suy nghĩ về một con người. Con người đã thật là Người và chính Người ấy hôm nay ngày 19.6.95 đang điều trần trước Quốc hội Đức về vấn đề vi phạm nhân quyền của Trung Cộng nơi quê hương của Ngài. Nơi đó giờ đây có 6 triệu người Tây Tạng; nhưng có đến 7 triệu người Trung Cộng. Đúng là lấy số đông để đi áp chế thiểu số. Để xem rồi đây sự thật sẽ trở lại bên nào? Chắc chắn một điều nó không đến với người có quyền thế,

mà sự thật bao giờ cũng sẽ trả về cho lẽ phải của nó. Đó là chân lý từ ngàn xưa.

Bản án ở đây không nằm ở người tu, mà bản án sẽ kể tội vào Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã vi phạm Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Ban đầu tôi nghĩ nếu để câu chuyện này vào Chương Một của quyển sách này nó không phải lắm. Tuy nhiên sau khi viết gần hết Chương này, tôi thấy nó hay hay và ý vị làm sao. Cũng một nhà tu nhưng là một bực Thánh. Cũng là một nhà tu nhưng phải chịu ở tù. Cũng là một nhà tu nhưng phải vương vòng tục lụy. Cũng một nhà, rất thoát tục; cũng là một nhà tu; nhưng oan trái phũ phàng? Phải chăng tất cả đều do nghiệp lực của mình và phước duyên của mình đã tạo? Tạo phước và tạo tội thì dễ tạo. Nhưng tạo ra cho có cái Đức để đời noi theo không phải là chuyện giản đơn thuần khiết.

Đến phi trường Frankfurt sau khi cân hành lý xong, tôi đi mua 7 tờ báo khác tại đây để tìm thêm có tờ nào đăng về việc Đức Đạt Lai Lạt Ma đến Hannover không? Nơi đây tôi có hơn một tiếng đồng hồ, nên tôi đã ngồi xem kỹ từng trang báo một.

Trong 7 tờ ấy có 3 tờ đăng tin và không có tờ nào đi hình. Đó là tờ Die Welt "Thế Giới Thời Báo", có số độc giả khá đông, có đi tin. Tờ Frankfurter Rundschau và tờ Frankfurte Neue Presse. Cả 3 tờ đều nói về sự hiện diện của Đức Đạt Lai Lạt Ma tại xứ Đức, về Chùa Viên Giác và Trung Tâm Phật Giáo Tây Tạng tại Hannover.

Hơn 8 tiếng đồng hồ có được trên máy bay, bay từ Frankfurt tới Toronto, rồi từ Toronto đến Montréal tôi đã ngồi dịch hết phần tường thuật về Đức Đạt Lai Lạt Ma của 6 tờ báo trên. Một phần vì tính cách thờ sự của nó. Phần khác, khi đến Montréal đọc cho các Thầy và các Đạo Hữu nghe về công việc Phật sự mà tôi đã làm vào ngày hôm qua.

Ngồi trên mây, bồng bênh như nơi tiên cảnh, đầu óc tôi cứ mơ màng về Ngày Hội Lớn hôm qua và mãi cho đến ngày nay cũng

như mai hậu, hình ảnh của Đức Đạt Lai Lạt Ma đã in đậm dấu nơi tâm khảm của tôi.

Hy vọng rằng với một ít tâm tư chân thành này con xin dâng lên Ngài để hiểu rõ cho đàn hậu học, luôn luôn hướng về chân lý và tình thương. Mong rằng Dân Tộc và quê hương của Ngài sắp thoát ra khỏi vòng lao lý và quê hương, tình người cũng như Đạo Pháp nơi xứ sở của con tình thương cũng sẽ được trải rộng, như sở của con tình thương cũng sẽ được trải rộng, như cánh tay của Ngài đã dang đón nhân loại và người người thường yêu nhau và hiểu biết nhau hơn.

## CHƯƠNG HAI

### NHỮNG CHUYỆN HÀM OAN

Khi nói đến vấn đề gì có tính cách ngang trái, bẽ bàng, khó khăn để diễn tả sự việc, oan ức cho người trong cuộc, người ta thường đề cập đến câu chuyện "*Nỗi Oan Thị Kính*" hay câu chuyện "*Quan Âm Diệu Thiện*", hoặc giả câu chuyện "*Tình Duyên Tái Thế*" được phóng đại từ cốt truyện "*Thoát Vòng Tục Lụy*" hay "*Thiên Kim Tiểu Thu, Vạn Kim Hòa Thượng*" để cho người đời biết rằng, đi tu chưa hẳn đã là thành Phật. Đi tu chưa hẳn đã là dứt hết nợ trần và đi tu cũng chưa hẳn đã là quên mình trong quá khứ để tìm đến một tương lai yên tĩnh đẹp đẽ hơn.

Ở đây người viết sẽ lần lượt đưa các độc giả lui về quá khứ, xem lại chuyện xưa, để hiểu cho chuyện nay và thiết nghĩ nhắc lại chuyện xưa ở đây cũng chẳng phải là một việc thừa thãi. Vì quá khứ bao giờ cũng là một chiếc cầu bắt nhịp với tương lai và hiện tại.

Câu chuyện thứ nhất được kể lại như sau:

Có một người con gái tên là Thị Kính. Khi lấy chồng đã hết mực thờ chồng, nhân một hôm người chồng đang ngủ, Thị Kính



thấy chồng mình là Thiện Sĩ có cái râu mọc dưới cằm trông khó coi; vì thế nên mới lấy kéo định hớt cái râu kia. Nào ngờ đâu bà già chồng độc ác nghi quấy cho nàng dâu rằng: Thị Kính có ý giết chồng. Nỗi oan này biết tỏ cùng ai, có biện minh thế nào đi chăng nữa thì mẹ chồng mình cũng chẳng hiểu được chút nào! Không biết đây có phải là nỗi oan ức giữa mẹ chồng nàng dâu chăng? Người mẹ vì thương con trai mình mà nghi oan giá họa cho con dâu? Và người vợ vì thương chồng mà không dám nói lên sự thật mà mình đã làm như thế, như thế đó. Cũng là tình thương, nhưng hai thứ tình thương này lại không gặp được nhau? Tại sao lại ít kỹ quá như vậy?

Câu chuyện không dừng ở đây. Để cho nỗi oan ức của mình được vơi đi, nàng quyết chí vào chùa xuất gia tầm đạo, để quên đi nỗi niềm cay đắng của trần gian. Nhưng quan niệm ngày xưa cũng cay đắng đủ điều, vì trọng nam khinh nữ, nên nàng không chọn bên chùa ni đi tu, mà chọn qua chùa nam để cải trang thành nam nhi mà tu cho dễ.

Ở đây một trong hai lý do nêu trên không biết có đúng được phần nào không? Chỉ có người đương thời mới hiểu được. Nếu ngày ấy Thị Kính vào chùa nữ để xuất gia học đạo, tu hạnh giải thoát thì đâu có cái oan thứ 3 là Thị Mầu trêu ghẹo.

Cái oan thứ hai của người con gái thuở bấy giờ là bị chèn ép nhiều quá, nên nàng đã không chọn giải pháp quyên sinh mà là đi tu để cho nhân tâm thế đạo có thay đổi được chăng?

Khi đã cải nam nhi để đi tu có được pháp danh là Kinh Tâm, vẫn bị một người đàn bà trác nết tên là Thị Mầu, đã tư tình với ai đó, bụng mang dạ chửa, không biết đổ tội cho ai, nên mới lên chùa tìm cách lân la với chú tiểu Kinh Tâm và đổ thừa cái bào thai kia là tác phẩm của chú tiểu trong bao ngày chẳng gió. Làm như là người tu ai cũng dễ đổ thừa được như thế. Đây là nỗi oan thứ 3 của nàng Thị Kính. Ai biện bạch được cho mình đây? Không lẽ bây giờ tự dung mình khai là nữ nhân mạo nhận nam nhân để vào chùa xuất gia học đạo? Nói như vậy chẳng khác nào thú tội với người ta

là: "lạy ông tôi ở bụi này". Chi bằng lặng yên để nhận tội với dăng làng và Sư Cự rằng cái bào thai ấy chính do mình gây nên. Vì thế dây chuông oan nghiệt mới kết thúc cuộc đời của một người trai không thành trai mà gái cũng chẳng thành gái.

Điều nầy cũng dở mà hay. Cũng hay mà dở. Dở ở điểm nhứt nhất không dám nói lên sự thật; nhưng hay ở điểm thực hiện được điều trong *Luận Bảo Vương Tam Muội* đã dạy là: *Oan trái không cần biện bạch. Vì còn biện bạch là nhân ngã chưa xả*. Đúng là hạnh của Bồ Tát Quan Thế Âm. Chỉ có Bồ Tát mới chịu đựng được như thế. Chịu đựng cho đến cuối cùng rồi sự thật sẽ trả về cho sự thật, nam nữ, đen trắng, thật giả... đời sẽ luận công tội khi nhân chứng không còn hiện hữu trên cuộc thế này nữa.

Tuy rằng hay như vậy, nhưng dở ở chỗ là yếu đuối quá, nhiều khi đến nhu nhược không nói lên được tất cả những sự thực cho thế nhân biết rõ về mình đương thực hành hạnh Bồ Tát để độ sanh.

Còn câu chuyện thứ hai là câu chuyện của một nàng Công chúa. Vì muốn đi tu, đã làm cho mẹ mình thương nhớ quá phải bị mù lòa. Phụ vương giận dữ, nên bắt nàng làm đủ điều như nhặt thóc, gánh nước, bửa củi v.v... mục đích không phải để đày đọa Công chúa nhưng vì muốn rằng, sức chịu đựng không nổi, nàng phải hồi gia. Nhưng tâm Công chúa đã quyết nên đã ở lại chùa luôn. Phụ vương quá bức tức cho nên mới cho quân lính đến đốt chùa. Vì tội đốt chùa nên phụ vương bị bệnh phong đơn. Trong khi đó Công chúa được siêu sinh về cõi Tịnh Độ. Đức Phật A Di Đà vì muốn cứu khổ chúng sanh, nên mới sai Công chúa Diệu Thiện trở lại trần gian để độ cho cha mẹ mình sớm quy y Tam Bảo và trở về con đường chân thiện mỹ.

Nhờ giọt nước cành dương và nhờ hồi tâm của phụ hoàng và mẫu hậu, nên mắt của mẹ đã sáng, và bệnh phong của cha cũng đã hồi phục. Câu chuyện đến đó là chấm dứt, nói lên nỗi vui mừng của vua và hoàng hậu khi đã hồi tâm; nhưng cũng đã diễn tả được sức chịu đựng kiên nhẫn dẻo dai của một nàng Công chúa và Tăng chúng trong chùa. Dầu cho chùa có bị đốt nhưng quyết không thối

bỏ đề tâm. Điều ấy đã làm cho vua cha bực tức. Kết quả như trên đã rõ. Đây cũng là một hạnh từ bi lợi tha của Bồ Tát Quán Thế Âm muốn độ cho cha mẹ của mình trở về con đường lương thiện.

Câu chuyện thứ ba hơi rắc rối một chút; nhưng chỉ xin tóm lược cốt chuyện mà thôi. Nguyên trước đây 700 năm có một người học trò nghèo, thi không đậu; nhưng chữ rất tốt và hay vào chùa làm công quả, giống chuông niệm Phật và đặc biệt là hay tụng kinh Dược Sư để cầu nguyện cho kiếp sau được đẹp đẽ hơn.

Trong làng ấy có một nàng tiểu thư cũng hay đi chùa và mê thơ họa. Một hôm thấy bản Tâm Kinh chép tay đẹp quá nên mới muốn gặp người ấy để giải bày tâm sự. Sư Cụ biết là cả hai không nên gặp; nhưng có lẽ vì tiền duyên nghiệp báo nên hai người đã phải gặp nhau để cuối cùng rồi thề với nhau rằng kiếp sau phải đẹp trai hơn và người khác thì mong rằng kiếp sau sẽ giàu có hơn.

Đến kiếp này chàng tuổi trẻ đã xuất gia học đạo. Nàng đầu thai vào ngôi nhà trưởng giả giàu có trong làng. Một hôm nàng đi chùa đã gặp vị Hòa Thượng Hương Đăng có pháp danh là Ngọc Lâm, có đôi mắt tuyệt trần, sao mà giống đôi mắt người xưa của 700 năm về trước quá? Nàng về nhà, với Thiên Kim Tiểu Thư, với cảnh vàng lá ngọc; nhưng đã mê mẩn tinh thần một Hòa Thượng có biệt danh là Vạn Kim Hòa Thượng.

Mối tình ngang trái ấy, một tăng một tục, đã không được cha mẹ nhà gái đồng ý. Vì làm như thế lỗi đạo và không hợp với nề nếp gia phong của gia đình giàu có; nhưng cuối cùng vì thương con nên phải cưới rể cho nàng.

Đêm tân hôn là một đêm quá hấp dẫn và lôi cuốn mọi người vào câu chuyện tình có một không hai trong cuộc thế này. Nhiều người đã về vờ suy nghĩ, không biết một gã Hòa Thượng sẽ cư xử với một Tiểu thư như thế nào trong đêm động phòng hoa chúc? Người khác thì thêm dặt gắm hoa, thêm mắm dặm muối cho câu chuyện được đượm nồng.

Cuối cùng thì hương đã tàn và tình đã nguội, nên chàng đã về lại chùa với bao nhiêu lời dị nghị đấng cay của Tăng chúng nơi bốn tự. Ngày lại tháng qua thì người con gái ấy đã thấm thía cho chuyện tình, nên muốn xuất gia đầu Phật. Còn chàng thì đã thành Quốc sư khi đã cứu được vua nhân một lúc chìm thuyền. Bây giờ chàng là tột đỉnh của triều đình. Nàng là người yêu của 700 năm trước đã trở về với Đạo. Nhưng không biết có phải đây là diệu kế để dễ cận kề chàng và đưa vị Quốc sư này về lại lời thề xưa hay đó chỉ là một hình ảnh giấu che một tâm sự nào nề nào?

Tác giả cốt truyện trên đây là Hòa Thượng Thích Tinh Vân, người rất có uy tín với Phật Giáo Đài Loan ngày nay. Ngài đã xây chùa Phật Quang Sơn tại Đài Loan như là một thế giới cực lạc nhỏ nhỏ. Ngài cũng đã xây ở Mỹ một chùa lấy tên là "Tây Lai Tự" gần 30 triệu Mỹ kim và ngày nay khắp nơi trên thế giới nơi nào cũng có chùa của Ngài xây dựng. Hòa Thượng Thích Quảng Độ đã dịch sách của Ngài trên đây lấy tên là "*Thoát Vòng Tục Lụy*", mới đây Việt Nam đã dựng thành phim. Còn ở Đài Loan dựng một cuốn phim dài 35 tiếng đồng hồ có tựa đề là "*Tinh Duyên Tái Thế*". Xem cũng lắm ly bi đất lấm; nhưng kết cuộc của câu chuyện không giống như trong sách của Ngài đã viết là nàng Tiểu Thư kia đã đi tu và có pháp danh là Giác Chúng. Ở đây, phim này, các nghệ sĩ cứ cho Tiểu Thư đi theo Quốc sư Ngọc Lâm dài dài cho đến kết cuộc câu chuyện: nhưng rồi cũng chẳng biết là nàng đã làm sao về sau này.

Dĩ nhiên đã là tiểu thuyết, trong đó phải có nhiều giả sử; nhưng nếu Tác giả trong cốt chuyện phải là một ông quan tòa công bình nhất thì mới mong vụ xử kiện thành công một cách vẹn toàn, ai cũng chẳng thiệt hại nhiều hơn, mà cân cân công lý bao giờ cũng phải công bình và chính trực thì mới nói lên được hết ý nghĩa của một phiên tòa.

Đó là những câu chuyện của người Trung Quốc dựng lên, còn chuyện của Việt Nam thì như thế nào? Đa số chúng ta, ai cũng biết là tiểu thuyết Việt Nam mình nghèo nàn lắm. Nói vậy có nhiều người sẽ phê bình ngay là không đúng sự thật. Nhưng phải thú thật

là tất cả các bộ tiểu thuyết Việt Nam mình chưa có một bộ nào đồ sộ như một trong các bộ tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung cả. Việt Nam mình tự hào thì nhiều nhưng tự tu, tự học và tự sửa đổi thì hiếm hoi lắm. Đó là chuyện đáng buồn hay đáng vui?

Ở đây xin đơn cử một vài chuyện oan của Việt Nam như sau. Trong đó có chuyện tình "*Lan và Điệp*" và chuyện "*Hồn Bướm Mơ Tiên*".

Chuyện tình Lan và Điệp nó nhạt nhẽo vô ý vị quá. Chuyện kể một người con gái vì yêu không được một người con trai nên mới vào chùa xin xuống tóc xuất gia. Ngày lại tháng qua nàng đã tạm quên đi tình trường nóng bỏng. Nhưng chàng Điệp kia cũng không đành lòng mình được nên đã tìm đến chùa Sư nữ kia để tìm nàng. Trong khi ấy Điệp thấy Lan đang chôn xác bướm xuống mồ nhằm quên đi một mối tình xa xưa cũ. Điệp buồn rầu quá muốn nói lại tình xưa; nhưng nàng đã cự tuyệt. Có bản kịch thì tác giả cho hai người gặp lại nhau như Kim Kiều tái hợp sau 15 năm xa vắng nhưng cũng có bản cải lương thì cho hai người cắt đứt dây chuông rồi chôn vùi cuộc tình của mình về nơi quên lãng.

Chuyện chỉ có thế thôi. Thấy nó vô vị quá mà không biết bao nhiêu đào kép nổi tiếng của Việt Nam đã đóng tuồng này. Nếu người đi tu chỉ vì vấn đề tình phụ thì đâu có gì để xứng đáng mà tuyên dương giáo pháp Phật Đà? Nếu tình đã mất thì đi tìm tình khác chứ cần gì phải vào chùa để làm náo động cảnh thiền môn? Nếu ai đi tu cũng vì chuyện tình như thế cả, hóa ra thiền môn chỉ toàn là những trái tim sắp rụng vì tình à? Xin những nghệ sĩ và văn sĩ Việt Nam hãy điều chỉnh lại dùm cách suy nghĩ và viết lách của mình cho có thêm chất lượng một chút.

Một chuyện khác của Khái Hưng nằm trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn là nhóm mà đa số thanh niên nam nữ thời thập niên 30 đến 60 đều ưa thích. Ưa thích có nhiều lý do dựa vào tính cách thời đại của nó. Việc trọng nam khinh nữ. Việc nam nữ bình quyền. Việc cách mạng, việc hủ tục và tập tục v.v... và v.v... Đây

là tác phẩm đầu tay của Khải Hưng cũng liên quan đến chùa chiền; nhưng cũng không nói lên hết được tính cao thượng của Đạo Phật.

Truyện kể có một sinh viên tên Ngọc, nhân lúc nghỉ hè lên chùa thăm Sư Bác của mình. Tình cờ gặp chú tiểu Lan, một cô gái giả trai đi tu (tại sao phải giả trai như vậy? Đâu thiếu gì chùa nữ lúc bấy giờ?).

Cả một cuốn sách mấy chục trang chỉ nói lên được một ít tính văn chương, còn hoàn toàn ý nghĩa của cốt truyện thì chẳng có gì để đáng lưu tâm cả. Khi còn nhỏ, ai học về văn chương cũng khen là nhóm Tự Lực Văn Đoàn hay; nhưng xét ra từng phần một, nhất là phần đạo giáo, chưa có tác phẩm nào có giá trị cả. Riêng tôi, một nhà tu đã ở chùa 31 năm ăn cơm của đàn na tính thí mòn rãnh, mặc áo, đắp y thay đi thay lại không biết mấy trăm thước vải rồi, không biết sẽ giúp được gì cho Phật Giáo đây? Do đó tôi cố gắng sẽ viết một câu chuyện với nội dung như đầu đề đã chọn.

Tôi không phải là một nhà văn. Vì không tốt nghiệp khóa văn chương nào cả; nhưng tôi thích gởi gắm tâm sự của mình vào câu chuyện của các nhân vật, nên những khó khăn chạm bấp của cuộc đời. Hoặc giả từ đó sẽ rút ra một bài học cho chính mình để sử thế.

Thông thường trước khi viết chuyện người viết phải có một dàn bài chung, và đây chính là nội dung của câu chuyện.

Nam sinh ra trong một gia đình giàu có ở đồng bằng sông Cửu Long, ruộng cò bay thẳng cánh, với vị trí thiên nhiên đó, với tư cách là đứa con một trong gia đình đó, chàng đương nhiên sẽ kế nghiệp cha mẹ để chăm sóc ruộng nương, trở thành một ông chủ miệt vườn nho nhỏ; nhưng một hôm đi thăm vườn về. Nam gặp một vị Du Tăng Khất Sĩ đang đi khất thực, thấy hình ảnh ấy khoan thai, dịu dàng quá, nên nam đã xin cha mẹ đi xuất gia, nhưng vì là con một trong gia đình nên ông bà đã không đồng ý. Cuối cùng rồi Nam cũng trốn ra tận miền Trung để thế phác xuất gia.

Khi tu học tại một chốn già lam nọ, Nam bây giờ có pháp danh là Pháp Tánh đã khám phá ra nhiều điều hay và cũng lắm điều dở trong chốn thiền môn. Đã có lần Pháp Tánh muốn trở lại gia đình để trở thành một chủ điền của miền quê sông Cửu, có tiền của dồi dào hơn là sống chen chúc trong chốn chùa chiền nghèo nàn, ngày hai bữa chỉ đón nhận được sự cúng dường của Đàn Na Tín Thí hoặc chỉ dùng được những món ăn khi đi khát thực nhận được mà thôi.

Một hôm trên đường đi khát thực về, có một thiếu nữ tên Duyên thấy chàng Pháp Tánh sao đẹp trai quá mà đi tu để làm gì? Theo nàng nghĩ thế, nên nàng quyết chí tìm đến chùa để dự lễ, nghe kinh và tìm hiểu làm quen với chú tiểu Pháp Tánh ấy.

Thế rồi hai người quen nhau; nhưng chú Pháp Tánh vẫn không có ý bỏ đạo. Vì chính lúc này, chú lại không muốn ra đời. Đùng một cái miền nam Việt Nam mất, chú sống bao nhiêu năm với chủ nghĩa cộng sản thấy không thích hợp, nên tìm cách ra nước ngoài để tu niệm. Khi đến một đất nước bình yên ở Âu Châu, Thầy Tịnh Thường (là pháp tự của Sư) thấy không thích hợp, nên tìm cách đi đến một nơi tại Mỹ Châu. Nơi đây Thầy Tịnh thường đã trở lại hàng ngũ Tăng Già của mình và cũng chính vì vấn đề vàng, bạc, kim cương hột xoàn v.v... nó đã mang nhà Sư với pháp tự Tịnh Thường đi vào con đường tù tội cả 6,7 năm trời. Và sau đây là vụ án.

## CHƯƠNG BA

### HOA ĐỒNG CỔ NỘI

Ông bà mình thường hay nói: "Sống cái nhà, già cái mồ" thật chẳng sai chút nào! Tại sao ba má Nam khi còn trẻ, ông bà hay đẩy mình vào cuộc sống, còn bây giờ mới tuổi lục tuần đã lo ăn trung thọ và hay nói về sự chết chóc và chọn nghĩa trang làm mồ mà để làm chi cả?

Còn Nam, tuổi mình còn nhỏ, hay thích rong chơi, đánh đu, đá bóng và nhất là thú bắt cá lòng tong, thia thia, không làm sao Nam có thể nghĩ xa hơn được những gì mà cha mẹ Nam đã nghĩ. Một hôm mẹ Nam quả rằng:

Đã lớn tòng ngông như thế mà còn chơi những trò chơi ấy làm gì? Con thấy có được không?

Thưa mẹ. Chứ ở miền quê này, ngoài cây cỏ, hoa lá, cá thia thia ra, đâu có gì nữa để chơi đâu mẹ.

Nam trả lời từng tiếng một, có ý cho mẹ nghe rõ và mẹ của Nam cũng sực nhớ lại tuổi của mình cách đây mấy mươi năm về trước cũng chỉ thế thôi. Và đến khi đi lấy chồng sinh ra Nam là con một, ở đây quanh quần rồi cũng ruộng và vườn, vườn và ruộng, đâu có gì để phải trách con nặng lời như vậy. Chẳng qua là nói cũng chỉ để nói cho có chuyện mà thôi.

Một hôm sau khi đi thăm ruộng về, Nam khoe đủ mọi chuyện với mẹ, trong ấy có một chuyện, mà theo Nam nó hấp dẫn đứa thiếu niên như chàng rất nhiều.

Thưa mẹ! Hôm nay trên đường về nhà, con có gặp một vị Sư Khất Sĩ. Con trông thấy ông ta hiền lành quá và con đã cho ông mấy đồng, nhưng ông ta không lấy.

- Ủ, bậy nè con. Nhà Sư không bao giờ lấy tiền, tại sao con làm thế?

- Con đâu biết; nhưng nếu không có tiền thì nhà Sư sống bằng gì hở mẹ?

- Ông ta sống bằng của tín thí đó mà! hoặc giả khi đi khất thực, như hôm nay con thấy đó, người ta sẽ cúng dương cho ông và ông ta sẽ dùng của dân cúng đó để độ nhật qua ngày.



- Mà mẹ ơi! Khất thực là gì? Tín Thí là gì? và cúng dường là gì vậy? Con đâu hiểu hết những danh từ này, mong mẹ dạy cho con nghe đi.

Đoạn bà ôn tồn bảo con hãy ngồi xuống và nói:

- Theo mẹ nghĩ, con sinh ra trong gia đình mình vốn mấy đời theo Phật, đã làm phước rất nhiều, nhưng ít hiểu biết về Phật Giáo quá. Gần đây quý Thầy có giảng dạy giáo lý ở chùa, mẹ có đi nghe, nên chỉ lại cho con đây.

- Khất thực có nghĩa là đi xin ăn. Mà những người tu ấy đi xin không phải như những người đi xin bình thường đâu. Họ đi có hàng ngũ và chỉ vào những buổi sáng thôi, không có nhà Sư nào đi khất thực vào buổi chiều đâu. Nếu có, đó chỉ là sư giả hiệu vậy. Vì Phật chỉ dùng gạo, và các nhà Sư ấy cũng thế.

- Thưa mẹ, tại sao họ không tự đi làm để nuôi thân được mà phải đi xin vậy?

- A! Vậy! Con nói thế tội chết ! Đâu phải vì nhà họ nghèo mà đi tu đâu! Đâu phải vì họ không làm lụng được mà đi xin đâu. Họ thực hành cái hạnh nhẫn nhục và phá chấp đó. Nhẫn nhục có nghĩa là khi đi xin, gặp người mắng, người nhiếc cũng phải an nhiên tự tại. Còn phá chấp có nghĩa là hạ mình xuống để thấy mình không còn là gì cả. Khó thực hiện lắm con ơi!

Còn tín đồ, tín thí gì mà mẹ mới nói đó, là gì hở mẹ? Con hãy bình tâm nghe mẹ nói đây:

- Đệ tử của Phật có hai hạng là người xuất gia và kẻ tại gia. Người xuất gia sống không có gia đình, luôn cư ngụ tại chùa. Còn người tại gia ở tại nhà như gia đình mình vật thực dâng cúng vào chùa thì gọi những người này là tín thí. Còn tín đồ là người theo tôn giáo đó vậy.

Người xuất gia vì muốn hoá độ chúng sanh và thoát ly sanh tử luân hồi; nên phải tự tu, gia tâm nội lực, dành hết mọi thì giờ cho việc thiền định để mong cầu giải thoát, nên người tại gia như chúng ta đây phải có bốn phận hộ trì những vị ấy, để những vị ấy có đầy đủ thì giờ để tu hành.

- Còn cúng dường là gì hở mẹ?

- Thật sự ra phải nói cho đầy đủ là Cúng Dường Tam Bảo. Có nghĩa là cúng dường 3 ngôi báu là Phật, Pháp và Tăng. Đây chính là những điều mà trong thế gian khó có được; nên chúng ta là Phật Tử cần phải hộ trì.

- Nhưng thưa mẹ! Tại sao nhà Sư lại không nhận tiền?

- Ở xứ ta như con biết đó, có nhiều tông phái Phật Giáo lắm. Có tông phái nhận tiền để sửa sang chùa viện, làm việc bố thí phát chẩn cho dân nghèo, nên gọi là Đại Thừa Phật Giáo. Có phái cũng đi khất thực; nhưng ăn mặn không ăn chay. Và vị Sư mà con thấy đó thuộc về Giáo hội Phật Giáo Khất Sĩ, họ cũng đi xin, nhưng không ăn mặn và không lấy tiền. Phật dạy rằng; Người tu không được kinh doanh, buôn bán, chỉ trừ ra việc làm lợi cho Tam Bảo thì được; vì ấy không lấy là phải. Vì Chùa, Tịnh xá đã có Phật Tử xây cho rồi. Còn miền quê mình, đi đâu quý Sư đi nhờ xe cộ, đâu phải trả tiền mà nhận tiền làm gì hả con?

Mấy lời giải thích của mẹ làm cho Nam hiểu biết thêm nhiều về Đạo Phật ở xứ mình và việc làm của các vị Sư. Kể từ ngày hôm đó trở đi, Nam rất siêng cúng dường mỗi khi quý Sư đi ngang nhà khất thực.

Một hôm Nam đón đường một vị Sư để hỏi:

- Thưa Sư! Con thấy đạo hạnh của Sư con kính phục quá. Con cũng muốn đi tu như Sư nữa, không biết Sư có nhận cho con không?

Sư bảo:

- Việc đi tu không khó; nhưng việc cắt ái ly gia là việc khó. Hơn nữa sống cuộc sống của người tu hành đạm bạc lắm. Con có chịu nổi không?

- Con nghĩ là con chịu được. Vì Sư cũng chịu được mà! Việc ấy đâu có khó khăn gì. Còn việc cắt ái ly gia là gì vậy thưa Sư?

- Cắt ái có nghĩa là cắt bỏ tình thương yêu của cha mẹ. Ở đây con còn nhỏ, chưa có vợ con, chuyện ấy tương đối dễ; nhưng cha mẹ con ở đây chỉ có một mình con. Liệu con có thể được phép đi xuất gia chăng?

- Theo con nghĩ cũng khó, nhưng con sẽ có cách.

- Cách gì?

- Con sẽ trình Sư sau nếu Sư đồng ý với con là nhận con làm đệ tử.

- Việc ấy không khó; nhưng con hãy thưa lại với mẹ cha ý định này đi. Nếu được, hãy vào Tịnh xá cho Sư biết.

Sau khi xin phép với mẹ, mẹ chẳng đồng ý. Xin phép với cha, cha lại còn quở mắng la rầy thêm. Nam buồn quá, chẳng thiết gì nữa. Suốt ngày cứ ở ngoài đồng ruộng bờ đê. Bây giờ Nam không còn thú vui bắt cá, đánh đu nữa, mà Nam hay xa lánh bạn bè, đến đâu là ngồi riêng lẻ ở đó và có vẻ đăm chiêu hơn xưa. Có nhiều bạn hỏi Nam.

- Chắc phải lòng cô nào rồi chứ gì?

- Nam quày quại, chối bai bãi, không phải đâu. Có cô nào đâu mà phải.

- Nhìn vẻ mặt đẹp trai của mày, chắc có nhiều cô phải lụy lắm đấy. Một bạn khác chen vào.

- Không! Không tất cả. Đoạn Nam vồn vã đi xa ra.

Một hôm nghĩ được một kế, mà kế này có thể thổ lộ cho vị Sư nghe, còn cha mẹ và bạn bè thì giấu kín.

Nam tin rằng đó là thượng sách.

Vào một tối 30 trời không có trăng, chỉ có một ít sao không sáng lắm. Chờ cho cha mẹ yên giấc, Nam đã trốn nhà ra đi vào chùa với Sư. Và ngay đêm đó Sư đã thế phác cho Nam, đặt cho pháp danh là Pháp Tánh, cho mặc y áo Sa Di của Khất Sĩ và gọi ra ngoài miền Trung xa xôi, nơi ấy có bạn đồng tu của Sư đặc ý lắm. Vì có 2 điều lợi, Nam xa gia đình sẽ không có cơ hội trở về lại nữa và điều thứ 2, cha mẹ của Nam khó mà tìm cho ra được tông tích của Nam. Nếu có biết được hỏi Sư, thì Sư chỉ trả lời như thể nào đó cho qua chuyện là được rồi.

## CHƯƠNG BỐN

### CUỘC SỐNG CỦA MỘT CHÚ TIỂU SA DI

Ra được miền Trung, khác với miền Nam, nơi chú Pháp Tánh đã sinh sống mười mấy năm qua. Nơi đây đồng lúa cần cỗi hơn. Cuộc sống chật vật hơn, khí hậu nóng bức hơn; nhưng đời sống Tăng chúng có vẻ chặt chẽ hơn.

- Một chú tiểu đẹp trai mới nhập chúng, kìa các chú ơi!

- Đi tu mà đẹp trai quá, cũng khó tu đấy chứ. Đó là lời của một chú tiểu trong nhóm hô to lên.

Ở đây các chú đều thân thiện với nhau như anh em trong một nhà. Có nhiều chú đi tu vì nhiều lý do khác nhau. Có chú vì tình

phụ, có chú vì phụ tình mà đi tu. Có chú vì nhà nghèo quá lại đông con nên mới đi tu. Có chú cũng không muốn ở nhà, vì không muốn đi lính.

Nhưng đa số thì đều có ý chí vững vàng. Một hôm sau khi tìm hiểu ngọn ngành cách sinh hoạt của chốn Già Lam này, chú tiểu Pháp Tánh mới làm quen với một chú khác, pháp danh là Huệ Phước.

- Chú có thể giới thiệu sơ qua về sự tu học ở đây cho Pháp Tánh biết không?

- Ở đây kỷ luật gắt gao lắm, nhất là việc tụng kinh, ngồi thiền và học thuộc lòng các kinh điển.

- Kinh gì khó nhất?

- Dĩ nhiên là kinh Lăng Nghiêm và Thập Chú ấy.

- Chú học bao lâu thì xong?

- Đã hơn một năm rồi; nhưng chưa đâu vào đâu cả.

Chú Huệ Phước trả lời thế.

- Còn Luật thì học những gì?

- Học về oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi cũng như cư xử với những người chung quanh, nhất là nữ giới.

- Còn nam giới thì sao?

- Dĩ nhiên cũng có điều cấm kị như vậy thôi.

- Còn học thêm gì nhiều nữa không?

- Còn nhiều lắm chứ. Nhất là Phật Học Phổ Thông và các bài kệ tụng vẫn xuôi cũng như vẫn vẫn.

Cả hai chú Pháp Tánh và Huệ Phước đã kết bạn cùng nhau, họ sống rất thân mật và đôi khi cũng thổ lộ tình cảm với nhau nữa.

Một hôm nọ hai chú hỏi nhau như sau:

- Tại sao chú đi tu? Chú Huệ Phước hỏi trước.

- Tại vì tôi thấy cuộc sống của người Du Tăng Khất Sĩ đẹp quá. Chú Pháp Tánh trả lời.

- Nhưng chùa này đâu phải hệ phái Du Tăng Khất Sĩ!

- Điều ấy cũng chẳng sao. Miễn rằng tôi trốn cha mẹ một thời gian, rồi hãy tính. Việc thay đổi chùa chiền đâu có gì khó khăn phải không chú?

- Ừ! Nhưng mà lễ học chương trình giữa chừng phải thay đổi thì sao?

- Thì cũng chẳng có sao cả. Miễn mình có chí thì cái gì rồi cũng xong thôi.

Họ đã sống bên nhau như đôi bạn cố tri và họ cũng đã tìm hiểu nhau rất nhiều về mọi mặt của cuộc sống, trong đó kể cả chuyện tình cảm cá nhân và tâm sinh lý của những người trẻ mới ở tuổi trưởng thành nữa.

- Tại sao Pháp Tánh thấy kỳ kỳ?

- Kỳ cái gì vậy chú?

- Hôm qua đang ngủ tự dưng có người chạy qua giường của Pháp Tánh ngủ chung và họ làm những động tác gì nó hơi khác lạ.

- Ừ! Ở đây cũng có nhiều trường hợp ái nam ái nữ ấy mà. Việc ấy trong luật Phật cũng có dạy đấy. Khi gặp đàn ông thì họ có tâm niệm đàn bà. Ngược lại khi gặp đàn bà thì họ lại có tâm niệm đàn ông.

- Như thế là sao hả chú? Xin chú nói rõ cho.

- Nghĩa là có nhiều người mặc dầu mang thân thể là nam nhơn, có căn tánh nam nhơn đàng hoàng; nhưng khi gặp người nam khác vẫn có ý ưa thích. Vì tâm lý nữ nhơn của người ấy nhiều hơn là nam nhơn. Điều ấy cũng dễ hiểu thôi. Nếu giải thích theo Đạo Phật, người ấy mới từ nữ nhơn đầu thai làm nam nhơn, mặc dầu mang thân nam nhơn, nhưng tâm lý còn thường tình nữ nhơn lắm. Cho nên người ta nói ái nam ái nữ là vậy.

- Việc ấy có nhiều không chú? Pháp Tánh hỏi Huệ Phước như vậy.

Chuyện ấy ở đâu lại chẳng có. Nam hay nữ cũng chỉ là chúng sanh thôi. Người tu hay kẻ tục chỉ khác nhau ở tâm thức chứ không khác nhau ở hình tướng. Vì con người, ai cũng cấu tạo giống nhau cả. Nếu tâm mình muốn dừng thì mọi việc sẽ yên ngay. Tâm là chủ của mọi hành động mà. Không tin chú thử nghiệm xem sao! Cũng đừng mặc cảm và hãy thông cảm cho những người ấy. Dĩ nhiên việc ấy là tội lỗi; nhưng nghiệp lực tự mỗi người mang và mỗi người tự trả và chắc rằng không ai tự trả dùm cho mình được cả.

Có lúc cả hai chú Pháp Tánh và Huệ Phước được Sư phụ trụ trì dạy cho những bài học tâm linh thật hay, khiến cho hai chú thấy tinh tấn vô cùng. Chẳng hạn như bài học về Thiên Định.

Sư phụ bảo:

Cuộc sống của chúng ta đầy vọng niệm, giống như một ly nước đầy cát bụi. Nếu chúng ta cứ khuấy động ly nước ấy suốt ngày thì bụi bặm càng nổi lên nhiều hơn. Bụi bặm ở đây chính là

tâm tham, sân, si của con người. Nếu chúng ta để ly nước ấy đứng yên một chỗ; những bụi bặm ấy tức thì lắng đọng xuống. Cũng như nếu chúng ta tự thực tập thiền định và gạn lọc thân tâm của mình, cũng giống như ly nước kia đã gạn lọc được những chất cặn dơ, lúc bấy giờ chỉ còn là một màu trong sáng; nhưng các con hãy coi chừng. Tâm của con người hay thay đổi dữ lắm đó. Nếu không làm chủ được nó, nó sẽ khuấy động lên một lần nữa và rồi thì bụi bặm kia sẽ che phủ tâm thức của mình, trở về lại với vô minh mấy hồi. Chỉ có công phu thực tập thiền định, tụng kinh, niệm Phật, trì giới và sám hối v.vv... Đây chính là những khí cụ sắc bén nhất để làm phiền não được tiêu trừ và trí tuệ từ đó mới phát sanh.

Các con hãy nghĩ xem! Đâu phải vì người mù mà không có mặt trời. Mặt trời bao giờ cũng có thật đấy, sáng chan hòa đấy; nhưng vì người ta mù nên không thấy ánh sáng mặt trời thôi! Cũng như thế đó. Giáo lý Đức Phật là ánh sáng, có mặt khắp mọi nơi, mọi hang cùng ngõ hẻm; nhưng vì con người vô minh và vọng tưởng quá nhiều nên không thâm nhập trí tuệ của Phật đó thôi.

Các con xem đây! "Gương lu vì bụi và trăng mờ vì mây" là ý của các Tổ ta ngày xưa ám chỉ sự mê mờ và giác ngộ đó. Gương ở đây tượng trưng cho tánh sáng bao giờ cũng hiện thật; nhưng nó không sáng được, vì bụi bặm che đậy. Bụi ở đây có nghĩa là vô minh vọng tưởng đó. Và trăng thì bao giờ cũng sáng; nhưng sở dĩ chúng ta không thấy được, vì mây che phủ cả bầu trời. Vậy nhiệm vụ của chúng ta chỉ có một việc làm duy nhất là phải lau bụi đi và phải vén màn mây vô minh đen tối ấy là được.

Cả hai chú nghe Thầy dạy, nghe một cách say sưa; nhưng khi về lại sống trong chúng thì thấy bao nhiêu là chuyện hỗn độn. Có chú suốt ngày chỉ có ăn và ngủ. Có chú suốt ngày chỉ thao thức về chuyện tình và thậm chí có chú chỉ lợi dụng cửa thiền để làm những chuyện không trong sáng mấy.

Cũng vì những lý do trên, nên Pháp Tánh bàn bạc với Huệ Phước là hai người nên đi đến một chùa khác để tu, nhất là nên



theo hạnh của người Du Tăng Khất Sĩ có lẽ đỡ hơn chăng? Hay là phải ra đời để bảo toàn danh dự?

Sư phụ đã đồng ý và tấn đàn truyền giới Tỳ Kheo cho hai người. Bây giờ Pháp Tánh có pháp hiệu là Tịnh Thường và Huệ Phước có pháp hiệu là Tịnh Đạo. Cả hai người sống rất gần nhau và rất hiểu nhau nên cũng dễ chia sẻ cho nhau rất nhiều vấn đề trong cuộc sống.

Cả hai người băng bộ đó đây, cuối cùng rồi cũng trở lại được miền Nam và vào xin tá túc trong một Tịnh Xá của một vị Du Tăng Khất Sĩ khác.

## CHƯƠNG NĂM

### CÂU CHUYỆN TÌNH DƯỚI BÓNG TỪ BI

Việc đạo hay đời gì cũng giống nhau. Nghĩa là mỗi công việc có một đích của nó và một thành quả nhất định nào đó. Cũng giống người ta đầu tư vào một dự án xây cất, nếu biết tính sẽ có lời; nếu tính sai sẽ lỗ vốn.

Người tu cũng thế, nếu biết chọn đường để đi đến đích, tất cả đều do mình cả. Tuy hoàn cảnh chung quanh cũng quyết định một phần nào cho công việc; nhưng đều căng bằng cũng do nơi mình.

Có nhiều người đi tu ba chìm bảy nổi; nhưng cuối cùng rồi họ cũng vượt qua được tất cả mọi thứ cám dỗ của cuộc đời. Ngoài các sự cám dỗ về tiền tài, danh vọng, địa vị, sắc đẹp, ăn uống, ngủ nghỉ ra, có 4,5 chữ "t" nó cũng đeo đuổi theo hoài. Đó là tình, tiền, tu, tội, tu, v.v... ai thoát ra ngoài được mấy chữ "t" này quả là một phước duyên to lớn lắm.

Nghĩ cho cùng Đức Phật ngày xưa cũng còn bị ma nữ dụ dỗ và thử thách, rồi đến Ngài A Nan cũng bị nàng Ma Đăng Già bỏ cho bùa mê, rồi Ngài Nan Đà cũng đã mê tiên, mê tục, ... và suốt

trong một chặng đường dài lịch sử 25 thế kỷ ấy, có biết bao nhiêu chuyện tình đã xảy ra dưới bóng từ bi; nhưng thường là những mẫu chuyện oái oăm, gây cười.

Ở đời cũng có nhiều chuyện cũng trái ngược lắm. Ví dụ như mình không yêu thì hay bị yêu, mình không thích thì hay bị thích. Ngược lại cái gì mình yêu hoặc thích thì nó lại ở ngoài tầm tay của mình.

Khi Phật Giáo truyền vào các nước Á Châu, nhất là Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn và Việt Nam đã không biết bao nhiêu cuộc tình giữa Tăng và Tục ấy. Cao thượng có, thấp hèn có, nhấp nhô như lượn sóng dồn. Như thế vẫn chưa hết. Có những nàng Công chúa vì mé người tu, nên quyết chí ở vậy không đi lấy chồng, trường hợp con gái vua Lương Võ Đế đã thương Ngài Bồ Đề Đạt Ma là một. Cũng có những nàng Công chúa vì mến tài đức của vị chân tu nên đã muốn cận kề suốt đời, như bà Công chúa của Ngài Shinran Shonin suốt đời, như bà Công chúa của Ngài Shinran Shonin (Than Loan Thánh Nhơn) của Nhật Bản chẳng hạn. Nhưng cũng không thiếu những Công chúa, Hoàng tử đã bỏ ngôi để đi tu ở Việt Nam như bao vị vua ở đời Trần hay gần đây là Công chúa con vua Minh Mạng chẳng hạn.

Đó là cuộc tình của vua chúa nơi chốn cung son với những bậc Đại Tăng khai quốc; nhưng cũng có lắm cuộc tình oan trái xảy ra trong chốn thiên môn tịch tịnh ở khắp năm châu, bốn bể trên quả địa cầu này.

Nhiều khi Tịnh Thường và Tịnh Đạo hay nghĩ vẩn vơ, tại sao thiếu gì người để thương, lại không thương. Ở đây đem lòng thương một người không có tóc, đã có ý thoát tục quên đời. Đó cũng là điều lạ. Không biết quý Ni Cô bên các chùa Sư Nữ thì sao, có hay bị các chàng trai đến quấy phá không? Mà ít thấy đề cập đến? Hay quý Cô giữ giới hơn quý Thầy, nên nam nhân ít gần được? Hay vì lẽ chư Tăng quá dễ dãi, nên nữ giới dễ cận kề? Hay nghiệp của người nữ còn quá nặng, nên hay dụ dỗ người nam vào chỗ mê lộ? v.v... và v.v... Thôi thì đủ loại đủ thứ đã hiển hiện ra

trong đầu óc của hai người. Hai người tự hỏi và tự trả lời cho nhau; nhưng câu trả lời nào cũng thấy chưa hài lòng được.

Một hôm Tịnh Không hỏi Tịnh Đạo, rằng Sư huynh có biết bài thơ này không?

- Bài thơ nào đâu? Đệ hãy đọc ra huynh mới hiểu chứ!

- Đây nghe nhé. Bài thơ nhan đề là "Tình yêu".

- Rồi! Lại cũng yêu.

- Đâu có sao. Đâu phải nhất thiết yêu nhau giữa nam nữ mới là yêu, mà người ta còn biết bao nhiêu thứ tình khác nữa chứ bộ.

- Đâu! Đệ kể cho huynh nghe thử xem.

- Đây nhé "Tình yêu quê hương, yêu tổ quốc, yêu thiên nhiên, yêu nghệ thuật, yêu sự sống, yêu..., yêu..."

- Thôi chắc chừng ấy cũng đủ rồi; nhưng bài thơ "Tình yêu" mà đệ vừa nói đó hãy đọc cho huynh nghe đi.

- "*Tôi có tình yêu rất mặn nồng*

*Yêu đời yêu đạo lẫn non sông*

*Tình yêu chan chứa trong hoàn vũ*

*Chẳng phải yêu riêng khách má hồng.*

*Nếu khách má hồng muốn được yêu*

*Thì trong tâm trí phải xoay chiều*

*Quay về phụng sự cho nhân loại*

*Sẽ gặp tình chung trong khói yêu"*

Tịnh Thường vừa dứt lời thơ thì Tịnh Đạo đánh một cái đét thật mạnh vào đùi của bạn, làm cho Tịnh Thường dấy nảy lên la oí oí.

- Cái gì mà ghê vậy?

- Bài thơ chứ cái gì.

- Sao mà hay quá nhỉ? Ai làm vậy?

- Thì đệ muốn hỏi huynh đó mà!

- Ủ! Ủ! Thôi huynh chịu thua, đệ hãy nói thử đi.

- Huynh hãy nghe đây nhé.

Ngày xưa, vào đầu thế kỷ thứ 20 này, có một vị tên là "Đức Huỳnh Phú Sổ", ông ta đi giảng đạo và cứu dân độ thế rất nhiều. Ông đi đến đâu cũng được dân chúng cung kính, dĩ nhiên trong đó cũng có lắm cô gái yêu thầm nhớ trộm Ngài. Một hôm có một nàng con gái đến tỏ tình thiệt với Ngài. Ngài liền tặng cho cô ta bài thơ đó để đời chứ!

- Rồi cô ta sau đó ra sao? Tịnh Đạo hỏi.

- Ai biết được! Có lẽ nàng ôm bài thơ đó để cchết chẳng? Hay là nàng đi tu theo Ngài? Hay nàng đã quyền sinh, chẳng ai biết được.

- Nhưng đúng là con người cao thượng phải không đệ?

- Đúng thế, thì Đức Phật ngày xưa và các vị Tổ Sư đâu phải các Ngài không bị vướng vào đường tình; nhưng cái hay của các Ngài là cho các thứ tình này đi dạo chơi chỗ khác hết, nên các

Ngài mới có đủ tâm trí rảnh rang mà tu hành giác ngộ đấy chứ? Bộ huynh không thấy đó sao? Bây giờ đệ kể cho huynh nghe về một vài mẩu chuyện nho nhỏ nữa nghe, nhưng huynh phải cố gắng thực hành đó, chứ không phải nghe để mà nghe đâu!

- Chưa chắc ai phải thực hành đấy, để chờ xem. Thôi đệ hãy kể tiếp đi.

- Đây là một câu chuyện thiên.

- Thiên cũng có duyên tình sao?

- Sao huynh hỏi gì lạ vậy? Ở đây lại chẳng có tình. Điều quan trọng là mình có chiến thắng được nó hay không chứ.

Câu chuyện được bắt đầu như sau:

Một Thầy, một trò đi hóa duyên về. Trên đường chẳng may gặp mưa bão, nước sông dâng lên nhanh quá, trời đã tối và xa xa bên bờ sông kia có một mỹ nhân đang đứng chờ đò; nhưng đò lại không có. Vị Sư Cả mới hỏi cô ta rằng:

- Cô muốn đi đâu?

- Dạ, tiện nữ muốn sang sông nhưng chẳng có đò.

- Vậy tôi sẽ giúp cô.

- Ngài giúp bằng cách nào?

- Cô hãy leo lên lưng tôi cõng và tôi bơi qua sông.

Trong khi ông Thầy làm động tác xăng quần, đưa tay nài cho đệ tử xách, còn mình thì cõng nàng mỹ nữ ấy qua sông. Người học trò ấy khó chịu quá và muốn cãi; nhưng thấy Thầy đã làm, thôi cứ để cho Thầy mình làm.

Khi qua bên kia bờ sông, vị Sư Cả để nàng cuống, nàng cảm ơn rồi đi tiếp tục. Trong khi đó người đệ tử cứ thắc mắc hoài, tại sao lâu nay Thầy mình giữ giới tinh nghiêm như thế mà bây giờ gặp nữ sắc Ngài lại chẳng xa đi thì chớ, mà còn quá gần nữa. Ôi cha, mô Phật, sao mà nổi da gà quá.

Người đệ tử theo sau Thầy mình cứ mỗi lần muốn hỏi thì bị tiếng tăng háng của Thầy làm át lại, nên lại thôi. Khi về đến chùa, đã ba ngày sau, người đệ tử ăn ngủ không yên. Một hôm gõ cửa xin vào phòng Thầy trình bày điều nghi của mình.

- Được, con cứ nói! Sư phụ ôn tồn bảo.

- Bạch Thầy! Con thấy Thầy lâu nay tu hành tinh tấn chẳng phạm giới nào. Nhưng cách đây 3 hôm sao Thầy cũng người đàn bà đẹp ấy sang sông vậy?

- Thầy bảo. Thầy đã để người đàn bà ấy lại bờ sông bên kia đã ba hôm rồi. Tại sao chú còn cũng người đàn bà ấy về đây làm gì? Tại sao lâu vậy, chú không buông thả cô ta ra?

Người đệ tử nghe Thầy mình trả lời, đâm ra chới với. Quả thật người cũng cô gái ấy, chính là tâm chấp trước của mình, chứ đâu phải của Thầy mình. Trong khi Thầy cũng, như không cũng. Còn mình không cũng mà lại hóa ra cũng mãi.

Người đệ tử quay ra khỏi phòng và tiếp tục suy niệm về lời dạy của Thầy mình.

- Sao mà đệ biết nhiều câu chuyện đạo hay vậy?

- Thì nhờ đọc sách và nhờ Sư phụ ngày xưa kể lại.

- Bậy giờ huynh hỏi đệ nghe. Nếu giả sử có một nàng tín nữ yêu đệ thì đệ nghĩ sao?

- Ai mà biết được; nhưng đó chỉ là giả sử làm sao có thật. Nếu có, đệ sẽ học cách quán chiếu bất tịnh và thực hiện câu:

*"Tợ thanh tợ sắc như thạch thượng tài hoa*

*Kiến lợi kiến danh như nhĩn trung trước tiết"*

Nghĩa là:

Khi nghe âm thanh hay, nhìn thấy sắc đẹp, hãy quán chiếu như là cây trồng trên đá.

Thấy việc lợi, việc danh xem như bụi bay trước mắt.

- Có phải vậy không đó?

- Không tin huynh hãy chờ xem

Hai người nói cho nhau nghe thật nhiều về mọi chuyện, mọi đề tài. Dĩ nhiên là chuyện Phật Pháp hai người cũng đã thảo luận; nhưng đề tài tình cảm bao giờ cũng là một đề tài nóng bỏng, dầu cho là một người tu hành chơn chính đi nữa. Vì họ quan niệm rằng: thế hệ mới của họ, nhất là những người Tăng sĩ trẻ, họ không chạy trốn sự thật mà họ trực diện với mọi vấn đề của thực tế. Dĩ nhiên trong luật Phật đã dạy quá rõ về việc này; nhưng mỗi một hoàn cảnh, một thời đại nó khác nhau nhiều lắm.

Như thường lệ mỗi ngày huynh đệ cùng Tăng chúng trong Tịnh xá đều đi khất thực, chỉ trừ khi nào trời mưa bão, hay đau yếu mới không đi. Họ đi theo thứ lớp tuổi hạ. Người tu lâu, nhiều hạ hơn đi trước, người ít tuổi hạ hơn đi sau, mặc dầu cho người đó 100 tuổi đời cũng không kể. Tăng đoàn của họ sống rất hòa hợp, họ chia phân theo thứ lớp, tón này đi vòng này thì toán kia đi vòng

kia, không dẫm chân lên nhau, họ thực hành đúng luật Phật dạy. Nghĩa là chỉ đi hóa duyên buổi sáng và quá Ngọ trở đi không bao giờ đi khất thực nữa.

Đi đâu thì huynh Tịnh Đạo thường hay đi trước và Tịnh Thường đi sau, đầu cúi xuống, oai nghi chững chạc, không được liếc tới, ngó qua, xoay lại, vóc dáng trang nghiêm. Cũng chính vì cái trang nghiêm đó mà lại có nhiều người lưu ý. Khi nhà sư đi qua, các tín nữ quý xuống dâng lên một ít mễ, đậu hay cơm hoặc trái cây v.v...

Hôm đó Duyên, nàng con gái trong thôn này cũng để bát thay cho cha mẹ mình. Nàng lần lượt cung kính trao từng vắt cơm cho những vị sư rồi xá một xá. Chẳng biết sao, khi đến phần của Sư Tịnh Thường thì Duyên dừng lại lâu hơn và làm những động tác ấy chậm chạp hơn những lần trước, mục đích chỉ để nhìn vị Sư này được lâu hơn. Bỗng nhiên cặp mắt của Sư như bắt gặp một luồng điện khác và chính nàng cũng cảm nhận như vậy. Thế rồi Sư thân nhiên đi qua và các vị Sư khác tiếp tục đi đến.

Khi về lại Tịnh Xá, lòng Sư bỗng nhiên xao xuyến lạ thường. Sư thâm nhủ, không biết mình có nhân duyên tiền kiếp gì với Duyên không? Đây đâu phải là chuyện của Ngọc Lâm Hòa Thượng và Thiên Kim Tiểu Thư tái thế?

Sư Tịnh Thường suy nghĩ vẩn vơ rồi so sánh. Chuyện Ngọc Lâm vì kiếp xưa xấu xí nên mới phát nguyện tụng kinh Dược Sư để sau này được đẹp đẽ và cũng chính vì cái đẹp đó, mà Tiểu Thư con quan Tể Tướng cành vàng lá ngọc kia lại cứ bám theo hoài. Còn mình đây đâu có thể ước với ai đâu. Và lại ta là một vị Sư khất sĩ giới hạnh đôn nghiêm mà, làm sao có thể so sánh như thế được.

Hết ra lại vào nơi đại điện của Tịnh Xá, Sư suy nghĩ bản khoảnh, hay chuyện của ta là chuyện của vị Sư công mỹ nữ qua sông? mà cũng không chắc thế! Vì Duyên cũng đâu phải là mỹ nữ. Chỉ là một cô gái quê mùa mà. Mà cũng lạ, không biết nàng có tơ



tưởng đến ta không? Còn ta tại sao như thế này? Kể từ ngày hôm qua đi khát thực về thấy trong người khác lạ. Sư Tịnh Thường uể oải vương vai đứng thẳng dậy, bên ngoài chiếc y choàng bản còn thẳng nếp. Đoạn, Sư đến trước tấm gương, xem lai dung nhan mình một lần nữa. Sư thấy mình vẫn thế. Chỉ có chút ít đăm chiêu thôi.

Bên ngoài phòng có tiếng gõ cửa, Sư Tịnh Đạo bước vào hỏi lớn:

- Sao hôm nay đệ không đi khát thực?

- Đệ thấy trong người hơi khó chịu quá nên ở nhà thôi.

- Có người mang thức ăn đến cúng dường cho đệ ngoài chánh điện, đệ hãy đến đó để nhận.

- Ai vậy cà?

- Đến đó thì đệ sẽ biết.

Mặt chạm mặt, hai mắt nhìn nhau, như say đắm, như van lơn, như có tiền duyên nghịch cảnh tự bấy nhiêu đời. Không biết đây là nhơn duyên hay nghiệp chướng mà cả hai người không thể nói cho nhau nghe được. Sư Tịnh Thường định quay đi để tìm cách quên lãng, một hình ảnh mà Sư không muốn người con gái ấy ngự trị nơi con tim này. Sư nói nhỏ cho đủ mình nghe. Chỉ có một mình Đức Phật thôi! Một mình Ngài Minh Đăng Quang thôi! Ngoài ra không còn có ai có thể vào đây thay thế được. Chân mặt Sư vội bước đi; nhưng chân trái Sư như có ý bị níu kéo lại. Thôi thì đành nào Sư cũng đã lỡ đối diện rồi, Sư liêu luôn. Duyên mở lời trước:

- Bạch Sư! Hôm nay con mang thức ăn chay lên Sư dùng. Vì con nghe nói Sư không đi khát thực được.

- Việc ấy là việc của tôi mà, cô bận tâm làm gì?

- Tuy là thế; nhưng con cảm thấy không an dạ. Mong Sư đón nhận cho.

Những lời nói như thế, sao như đường mật rót vào tai mình; nên Sư đã lặng, lễ để com canh vào bát và mang đến chốn trai đường, không một tiếng cảm ơn, trong khi Duyên vẫn dõi mắt trông theo không chớp mắt.

Dùng com xong Sư trở lại Tăng phòng, ngay lúc ấy Sư Tịnh Đạo cũng trò tới và hỏi thăm tự sự.

- Sao Sư đệ?

- Mô Phật! Sao là sao Sư huynh?

- Thì câu chuyện hôm qua và bữa nay đó mà?

- Đệ vẫn thấy bình thường đó mà!

- Theo huynh thì chẳng bình thường chút nào mà còn bất thường nữa!

- Huynh nói sao? Cái gì lại bất thường.

- Ừ thì cái đó đó! Cái gì mà không dây nhưng trói được, không hình nhưng vẫn thấy được, không...., không.... thôi.

- Tại sao hôm nay Sư huynh đa sự quá vậy?

- Không phải tại ta, mà chính tại đệ hỏi ta đó mà.

Hai người nói chuyện với nhau một lúc, đoạn ai về phòng nấy. Mỗi người có một suy nghĩ riêng. Câu trả lời là một khoảng không to tướng.

Kể từ ngày ấy Duyên cũng không thấy tới chùa mà Sư Tịnh Thường cũng không đi khất thực nữa. Chẳng ai biết được chuyện gì đã xảy ra cho hai người, ngoại trừ Sư huynh Tịnh Đạo.

Một hôm sau giờ ngọ trai, Sư Tịnh Đạo đi dạo ra ngoài vườn chùa một vòng, đó cũng là thói quen của Sư xưa nay, cốt để cho thoải mái và cơm nước dễ tiêu sau khi đã thọ thực nhân bữa ngọ trai vừa rồi. Sư nhìn xa xa ra trước cổng tam quan thấy một chú bé con nhà ai có vẻ thập thò, nửa như muốn vào chùa, nửa như sợ sệt. Sư vẫy tay vào và tự nhủ, chùa lâu nay đâu có đóng cửa, để như thế cho khách thập phương tiện thể lui tới. Và lại trong chùa cũng chẳng có gì quý giá, nên đóng cửa làm gì, để trống như thế cốt ai cũng có thể tự do vào lễ Phật. Đoạn Sư hỏi chú bé:

- Tại sao con thập thò trước cổng tam quan vậy?

- Vì con muốn gặp Sư Tịnh Thường.

- Con gặp để làm gì?

- Cô con có giao cho con một lá thư tay và bảo con phải trao tận tay người ấy.

- Đâu đưa Sư xem và Sư sẽ trao lại cho Sư ấy. Vì Sư ấy đang nghỉ trưa.

- Nhớ nghe Sư, đừng để con bị la đó.

Sư Tịnh Đạo thấy có cái gì không ổn, nên vội mở thư xem, khi núp vào một bụi cây hoa đại to lớn gần đó che khuất cả thân Sư và chiếc y vàng. Vì Sư cố ý không muốn cho ai biết về việc này.

Bên ngoài bì thư có vẽ hai con chim bồ câu trắng. Khi bóc phong bì ngoài ra thấy mùi nước hoa thoảng nhẹ bên mũi Sư. Lẽ ra Sư không được phép làm việc đó; nhưng Sư muốn cứu Sư đệ của

mình ra khỏi vũng lầy tội lỗi này; nên Sư đã tự cho phép mình làm việc đó. Nghĩa là có quyền xem thư của người khác, trong khi quyền tự do cá nhân, không cho phép làm việc đó. Nhưng Sư cũng nhớ lại rằng: Có lẽ cái quyền ấy đã mất đi từ lâu, nhất là khi người cộng sản từ Bắc vào đây năm 1975. Tất cả đều không có quyền gì riêng tư cả, chỉ có quyền lợi chung của Đảng mà thôi. Vả lại ngày xưa và ngay cả bây giờ các Tu Viện khất khe nam cũng như nữ các thư từ, bưu kiện từ xa gửi tới vẫn thường bị kiểm duyệt, trước khi cho đưng sự xem. Hơn nữa, ta chính là sư huynh của Tịnh Thường, ta có được cái quyền ấy chứ!

Tịnh Đạo cẩn thận mở thư ra và đọc từng chữ một.

Thư rằng:

*"Sóc Trăng, ngày... tháng... năm..."*

*Sư Tịnh Thường kính nhớ!*

*Lần đầu tiên viết thư cho một vị Sư, con không biết phải xưng hô như thế nào đây! nhất là một vị Sư mà mình thương quý. Thôi thì Sư cho phép Duyên xưng bằng tên vậy. Nếu có lỗi đạo. Kính mong Sư tha thứ cho.*

*Thưa Sư! Không biết vì nhân duyên nghiệp lực gì mà kể từ khi để bát cho Sư, lúc về nhà, Duyên đâm ra ngờ ngẩn tinh thần. Nhiều khi lấy tay rờ đến việc gì là việc ấy đổ nát, nhìn đến đâu cũng chỉ thấy bóng dáng của Sư với màu y vàng rực rỡ. Nhìn thấy dáng vẻ đẹp trai hiền từ thùy mị của Sư, Duyên thấy như thế gian này nhỏ lại và xem ra chẳng có ai bằng Sư được. Không biết có phải vì Duyên tương tư Sư hay Sư chính là một vật nam châm đã thu hút linh hồn của Duyên mất rồi?*

*Bây giờ phải tính sao đây? nhờ Sư định liệu. Mong lắm thay. Mong sự hồi âm của Sư trong từng giây từng phút.*

*Duyên*

*Trần Thị Diệu Duyên*

Sư Tịnh Đạo gấp nhẹ lá thư tay làm 4 như đã có lần ranh gấp sẵn và Sư tự nhủ thầm rằng: *Bây giờ phải tính sao đây? nhờ Sư định liệu?...* Sư nói như cho chính mình nghe và còn đang phân vân là có nên đưa cho Sư đệ mình xem không? Cuối cùng rồi Sư đã quyết định. Sư tiến tới bên cửa phòng cửa phòng của Sư Tịnh Thường và gõ cửa, tăng hắng mấy tiếng.

- Sư đệ ơi, huynh đây này! Hôm nay đệ đã khỏe chưa?

- Khỏe thì có khỏe, nhưng lòng dạ sao bồn chồn quá.

- Bồn chồn là phải chứ gì! Vì cô gái qua sông vẫn còn trong tâm đệ chứ gì?

- Sư huynh lại cứ trêu đệ hoài.

- Nói thật với đệ nghe! Nếu huynh lâm vào hoàn cảnh của đệ, chắc cũng chỉ vậy thôi là cùng.

- Vậy thôi là thế nào Sư huynh?

- Là nhớ thương và vương vấn đó.

- Nhưng không, hôm nay huynh đến đây có một vật thật quý mang đến cho đệ.

Sư đệ Tịnh Thường mở to mắt lên và hỏi vội:

- Vật gì vậy Sư huynh?

- Vật này vô giá. Nếu Sư đệ trả lời được câu hỏi ta mới đưa cho.

- Su huynh cứ hỏi.

- "Bây giờ phải tính sao? nhờ Su định liệu".

- Câu hỏi gì kỳ vậy? Tính sao là tính sao?

Su huynh Tịnh Đạo làm thình, không nói một lời, sau đó sờ tay vào túi áo vên trong và lấy ra một bì thư trắng, đưa ngay cho Su đệ Tịnh Thường. Sau khi Su Tịnh Thường đọc xong, mặt mày cắt không còn một giọt máu và than rằng: "Ngờ đâu ta nghĩ chỉ có một mình ta, mà té ra nàng cũng thế. Bây giờ phải tính sao đây Su huynh?"

- Câu trả lời ấy dành cho đệ chứ không phải cho ta.

Chờ lâu quá, đã ba hôm rồi nhưng thư hồi âm vẫn chưa đến, Duyên nóng lòng quá; nên viết vội thêm một bức thư thứ hai với nội dung can đảm hơn lần trước. Lần này thì đưa bé trai tìm cách đưa được đến thẳng phòng của Su Tịnh Thường và nội dung ấy như sau:

*Sóc Trăng, ngày... tháng... năm...*

*Su thương nhớ!*

*Sau khi gởi thư cho Su rồi, em... Duyên này ngỡ rằng sẽ nhận được hồi âm của Su; nhưng vẫn biệt vô âm tín. Bây giờ thì em đã mỗi mòn quá rồi. Mong Su định liệu cho. Nếu việc của chúng ta không thành thì em sẽ quyết định quyên sinh để vẹn tình chung thủy với Su, mặc dầu hai ta chưa có lời hẹn ước. Chỉ có cách đó mới giải quyết được việc của chúng ta. Em đang chờ Su trong sự mòn mỏi.*

*Em Duyên*

Sau khi đọc lá thư này xong, Sư Tịnh Thường vội vã đi tìm Sư huynh của mình để thỉnh ý và nhờ Sư huynh Tịnh Đạo hướng dẫn dùm.

- Theo huynh nghĩ thì việc ấy cũng không khó lắm. Sư đệ cứ viết cho cô ta mấy chữ, bảo rằng tối nay có buổi thuyết pháp công cộng tại Đại Điện, cô ấy nên vào nghe. Dĩ nhiên tâm ý cô ta đâu còn nữa để mà nghe; nhưng nhân cơ hội này, biết đâu cô ta sẽ tìm cách để nhìn lén Sư đệ đó, để đỡ nhớ thương. Đó là tâm lý của người nữa mà.

- Sao Sư huynh rành tâm lý người nữ quá vậy?

- Đó là chuyện bình thường thôi.

- Nhưng ai thuyết pháp, Sư huynh?

- Chính ta. Nhân cơ hội này ta sẽ giảng về bất tịnh, về vô thường, vô ngã... biết đâu cô ta tỉnh ngộ chăng?

Tối hôm đó đèn trên Đại Điện của Tịnh xá sáng trưng như kết hội hoa đăng nhân một lễ lộc gì lớn lao lắm.

Mọi người đã vân tập đầy đủ, ngoại trừ Sư Tịnh Thường. Có người lẹ miệng hỏi:

- Hôm nay Sư vẫn còn bệnh chăng?

- Nghe đâu hôm nay tín nữ Diệu Duyên cũng có đến nghe pháp mà? Một vị Sư khác chen vào như thế.

Xa xa có chiếc y vàng trời tới. Đó chính là Sư Tịnh Thường đi cạnh Sư Tịnh Đạo trong tư thế được chở che. Sau khi Sư Tịnh Đạo an tọa trong tư thế được chở che. Sau khi Sư Tịnh Đạo an tọa trong tư thế kiết già, Người bắt đầu giảng về đề tài như đã được định sẵn.

Bỗng từ xa xa, nơi góc của Đại Điện có một cánh tay giương cao và xin được hỏi.

- Bạch Sư! Con xin lỗi Sư, nếu điều con hỏi có gì phạm thượng kính xin Sư hoan hỷ cho.

- Được, con cứ hỏi.

- Sư đã giảng về bất tịnh, về vô thường, về khổ đau, nãy giờ chúng con nghe đã hiểu, nhưng với Sư. Nếu Sư đứng trước một cô gái đẹp, Sư thấy thế nào? Sư gọi người ấy đẹp hay xấu?

Cả Đại Điện vỗ tay vang rền không ngớt. Không ngờ lại câu hỏi táo bạo như vậy được đặt ra để hỏi một nhà Sư.

Sư Tịnh Đạo đưa mắt qua Sư Tịnh Thường, như có ý bảo Sư Tịnh Thường hãy trả lời thay mình.

Sư Tịnh Thường chậm rãi đáp:

Lẽ ra Sư huynh tôi phải trả lời câu hỏi này của thí chủ kia; nhưng Sư huynh tôi có ý dành câu này cho tôi trả lời, và xin nghe, đây là lời giải đáp.

- Câu trả lời có hai cách. Đối với người giác ngộ thì thấy cũng như không thấy mà không thấy cũng như thấy. Có nghĩa là người giác ngộ vẫn thấy đẹp; nhưng cái đẹp đó không có tồn tại, nó biến đổi theo sự vô thường sanh diệt. Còn đối với người chưa giác ngộ thì vẫn thấy đẹp và còn đắm say vào cái đẹp đó.

Cả Đại Điện cũng vang dội tiếng vỗ tay sau câu trả lời của Sư Tịnh Thường.

Đàng kia lại có cánh tay giương cao lên muốn được hỏi tiếp.

- Mô Phật! Thưa Sư! Vậy Sư ở trong trường hợp nào?



- Cả Đại Điện lại vang lên một tiếng "ồ"!

Sư Tịnh Thường lúng túng quá. Nếu trả lời có cũng khó, mà không cũng khó, nên phải cầu cứu đến Sư huynh mình.

Sư Tịnh Đạo phân tích, thực ra mà nói mỗi người có một hoàn cảnh khác nhau và một tâm sự khác nhau, không thể đem một câu trả lời có hoặc không để phủ định hoặc khẳng định cho một việc làm có tính cách giai đoạn được, mà phải lệ thuộc vào nhân duyên của việc ấy nữa.

Sau buổi giảng hôm ấy ai cũng vừa lòng, chỉ có một vài người hiểu rõ ý của Sư Tịnh Đạo muốn ám chỉ ai và muốn nói gì, còn Duyên thì đã thâm thía cho tìm đời; nên nàng chọn một phương hướng khác. Bây giờ nàng tập cố quên đi mối tình vụng dại ấy mà nàng đã ôm ấp lâu nay và nàng cố gắng giúp đỡ cho Sư Tịnh Thường tinh tấn hơn nữa để tiếp tục đi cho hết con đường còn lại của mình và nàng sẽ làm bất cứ giá nào để biến tình yêu vị kỷ ấy ra thành tình vị tha cao thượng. Nàng nghĩ thế, nhưng nàng chưa biết cách thức thế nào thì một hôm Sư Tịnh Đạo tìm đến nhà Duyên nhờ Duyên một công việc. Đối với Duyên việc này không nặng nhọc lắm nhưng từ chuyện tình cảm cá nhân nó đã bắt đầu bước sang chuyện tiền bạc đổi trao để được một chỗ tốt cho Sư có cơ hội ra ngoại quốc, tìm một tương lai tươi sáng hơn.

## Phần 2

### CHƯƠNG SÁU

#### CHỮ TÀI

Mấy câu cuối của truyện Kiều, Cụ Nguyễn Du đã dịch lại văn xuôi truyện "Thanh Tâm Tài Tử" vào đời nhà Minh bên Tàu thuộc thế kỷ thứ 15 nghĩ cho cùng cũng thâm thía:

*"Đã mang lấy nghiệp vào thân*

*Cũng đừng trách bởi trời gần trời xa  
Thiện căn vốn tại lòng ta  
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"*

Sư Tịnh Thường cứ ngâm đi ngâm lại 4 câu thơ này mãi và ra chiều đắc ý lắm. Sư tự nhủ lấy mình rằng: chữ tình mình đã trải qua, tuy chưa sóng gió lắm, chẳng qua vì nghiệp lực của mình còn nhẹ nên mới dừng ở đây thôi và cách hay nhất là mình phải tìm cách thoát ly nó. Nhưng tiền thì sao? Tìm đâu ra để thoát ly đây.

Sư lo nghĩ nát óc; nhưng chẳng có một phương kế diệu dụng nào. Một hôm nọ Sư tìm đến Sư huynh Tịnh Đạo để xin hiến kế.

- Thưa Sư huynh! Bây giờ phải tính sao đây?

- Có gì đâu mà tính. Cô Duyên đã sẵn sàng đủ cả rồi, đã chuẩn bị cho Sư đệ đầy đủ tiền bạc và ngay cả hột xoàn nữa, để làm kế hộ thân.

- Nhưng người tu đâu cần những thứ ấy.

- Đúng vậy! Nhưng đệ phải luôn nghĩ rằng nó chỉ là phương tiện thôi chứ không phải là cứu cánh đâu nhé. Lần này nếu trót lọt được, chỉ có một mình đệ ở nơi phương trời xa lạ ấy, còn huynh và những người chung quanh không có ai cận kề đâu. Hãy tự quyết định lấy.

Thế là ngày xuống bến cũng đã đến. Sư Tịnh Thường cũng chẳng biết tại sao mình phải ra đi. Ra đi để trốn Duyên, để trốn xã hội đương thời đang vây bủa cuộc sống tinh thần của người Tăng sĩ, hay ra đi để trốn tránh chính mình?

Có lẽ cả 3 đều có lý; nhưng cả 3 cũng không có lý chút nào khi câu chuyện chấm dứt tại đây.

Cái may của Su là khi thuyền nhỏ ra khơi đã được tàu lớn vớt lên liền. Su và một số người khác đã được vớt vào đảo và ở đó Su Tịnh Thường hay sinh hoạt chung với các bạn trẻ trong những giờ văn nghệ cũng như gia chánh. Su có biệt tài kể chuyện rất hay. Câu chuyện đó đầu là một câu chuyện vô ý vị; nhưng Su có thể kể hàng giờ mà người nghe không thấy chán. Quả là Su có biệt tài, nhiều người trẻ đã thán phục Su như thế. Ngoài ra Su có tài nấu chay rất giỏi, phải nói rằng chưa có một người đàn bà nào nấu chay ngon hơn Su đâu.

Đó là chưa kể Su hay nhại những bài cải lương, vọng cổ có vẻ tục lụy ngoài đời thành 6 câu vọng cổ theo ý đạo và chính Su tự đánh đàn, tự ca cũng muôi mẫn lắm chứ.

Một hôm Su thổ lộ cho Sinh, một người Phật Tử vượt biên ở chung khu trại với Su rằng: Sở dĩ mà Su đi được là nhờ có một nữ tín chủ giúp đỡ tiền bạc. Hiện tại Su còn mang theo đây mấy cây vàng và mấy hột xoàn, cũng như mấy chiếc cà rá nữa.

Sinh nghe bùi tai quá, dĩ nhiên không phải có ý tham lam; nhưng Sinh muốn xem cho tận mắt thử cây vàng như thế nào và hột xoàn ra sao. Sinh thưa Su:

- Bạch Su! Su có thể cho con xem cây vàng ra sao không Su?

- Chỉ có con mới được đó nghe! Đặc biệt lắm đó. Đây nè! Một cây vàng gồm có 2 miếng lớn và 1 miếng nhỏ, nên gọi là Một Cây. Đây là vàng thiết đó.

Còn đây là hột xoàn này. Loại này hiếm lắm, tới 6 ly đó. Những loại này Su cẩn thận cất giữ nơi chéo quần trong của Su, vì nơi trại tỵ nạn này có nhiều vấn đề quá.

Sinh sau khi xem được những đồ quý báu ấy của Su thì vui vẻ và đôi khi có dịp lại hay đi khoe khoang với chúng bạn là Su có tài kể chuyện hay, Su đàn hát giỏi và Su có nhiều của quý báu nữa.

Tiếng lành đồn gần, tiếng dữ đồn xa, nên cuối cùng rồi cả trại tạn ai ai cũng biết cả; nhưng vì họ nghĩ Su là một người tu nên cũng im hơi lặng tiếng, không có ý kiến gì thêm về việc này. Thỉnh thoảng Su cũng đem những món đồ quý giá kia sắm sửa và dò ý hỏi một số người về giá trị món hàng ấy nếu tính ra bằng đô-la là bao nhiêu chẳng hạn – Người khen tốt, kẻ chê xấu, loạn cả lên, Su cũng chẳng biết đâu mà lường.

Có một điều Su không lường được. Đó là tai họa về sau này làm cho Su phải vào tù ra tội cũng chính vàng, hột xoàn, kim cương này là thủ phạm. Bởi vậy ngày xưa Phật đã dạy: "*Vàng bạc và sắc đẹp là con rắn độc*" quả chẳng ngoa chút nào.

Sắc đẹp, Su đã vấp phải. Tuy chưa bị nó cắn xé; nhưng tâm tư của Su có hồi cũng đã thất điên bát đảo. Nhớ lại ngày nào nếu không có Su huynh Tịnh Đạo giúp đỡ thì Su cũng đã sa vào vũng lầy tội lỗi rồi. Còn bây giờ tiền bạc ở cõi xa xăm đơn chiếc này quả là điều cần thiết, Su đâu muốn buông xả nó. Nếu Su buông xả thì cuộc đời còn lại của Su phải tính sao đây? Ở đây đâu có đi khát thực được. Và lại "đền nhà ai nấy sáng" mà. Vì thế Su cứ ôm giữ vàng bạc và đá quý trong người chẳng nào khác Su ôm chặt một con rắn độc, nào đâu có biết. Nhiều khi Su tự nghĩ: Phật dạy điều ấy đúng; nhưng chỉ đúng với thời xưa. Còn bây giờ thì cần phải xét lại. Vì mỗi một thời kỳ khác hẳn nhau mà.

Tuy Su biết vậy; nhưng thấy lý luận của mình cũng có thể tự biện minh cho vấn đề của mình đã đặt ra được, nên cũng cảm thấy an tâm. Nhiều đêm thức giấc, Su mơ màng thấy những vật quý kia bị đánh cắp, Su la hoán lên, làm cho mọi người bên cạnh thức giấc bàng hoàng.

Ngày lại tháng qua Su lại được một nước thứ 3 của Âu Châu bóc Su đến đây để định cư và chính nơi đây Su bắt đầu chinh phục mọi người về với mục tiêu của Su như đã dự định.

## CHƯƠNG BẢY

### THI THỐ TÀI NĂNG

Khi đến với xã hội văn minh Tây phương, Sư Tịnh Thường điều đầu tiên là làm quen với khí hậu và ngôn ngữ. Ở đây 2 điều này bất cứ một người ty nạn Việt Nam nào cũng phải đương đầu với nó. Một là giỏi, hai là dở. Cũng có loại lưng chừng; nhưng trường hợp này cũng ít lắm.

Đôi khi ngồi trong phòng nhìn ra từ cửa sổ nhân một lúc tuyết rơi vào mùa đông giá lạnh, Sư cảm thấy nhung nhớ bạn đạo của mình, người đã cru mang mình không biết bao nhiêu thứ nên Sư Tịnh Thường đã viết thư về Việt Nam kể lại như sau:

*"Quê hương thứ hai, ngày... tháng... năm...*

*Sư huynh Tịnh Đạo thân mến,*

*Lâu quá không viết thư về thăm Sư, không biết Sư huynh và các huynh đệ khác cũng như chùa mình có gì thay đổi không? Hôm nay có vài việc vui buồn lẫn lộn, đệ biên về cho huynh đây. Mong huynh đọc và hồi âm cho đệ để đệ đọc cho đỡ nhớ nhung.*

*Khi mới tới đây, cái gì cũng lạ cả, lạ từ cái ăn, cái nói, cái chào, cái hỏi, cái cử chỉ v.v... khiến cho một người tu như đệ cảm thấy khó chịu lạ thường. Ví dụ như ở đây họ ít ăn cơm, mà ăn toàn là bánh mì, uống toàn bằng sữa bò. Rau cải thì rất ít; nhưng thịt cá thì ê hề. Ở đây đâu có chế độ đi khát thực như ở Việt Nam mình. Vì mỗi tháng họ đã cho đủ tiền ăn tiêu rồi, mình phải tự nấu lấy. Đôi khi đệ kêu tụi nhỏ Phật Tử đủ loại đến chơi vào cuối tuần rồi bày đặt nấu nướng và cúng quải cho vui. Chùa chiền ở đây cũng chẳng thấy, chỉ thấy toàn là nhà thờ.*

*Một hôm đệ cảm thấy nhớ nhung cuộc sống của Du Tăng Khát Sĩ mình quá, nên đệ bỏ thí một số Phật Tử thanh niên đi ra*

ngoài phố chờ sẵn ở gần vài ba cửa tiệm. Còn đệ thì y áo chỉnh tề, chân không, hai tay mang bình bát vào thành khát thực. Vì tội nhỏ đã thủ sẵn mọi thứ đồ, nên chỉ đi trong vòng nửa tiếng đồng hồ là đầy bình, mang muốn không nổi, đâu phải đi lâu như ở quê mình.

Mọi người dân địa phương tò mò đến dòm. Có nhiều em giỏi tiếng địa phương đứng ra giải thích; nhưng có người nhún vai, có kẻ nói thêm vài câu gì đó, bọn nhỏ cũng không hiểu hết trọn câu. Thế là Thầy trò, sư đệ kéo về lại trại t□ nạn, đến trước bàn Phật trong phòng đệ để tụng một thời kinh rồi bày ra ăn uống. Tất cả đều vui vẻ cả làng.

Chỉ có ngặt một điều, tội nhỏ này cũng không thuần giống nên kinh kệ nào cũng chẳng thuộc, Đại Thừa cũng không biết, Tiểu Thừa cũng không rành. Còn kinh của chúng ta, tạm gọi là "Trung Thừa" đi, các Phật Tử nhỏ nhỏ này lại càng mù tịt. Đệ biết phải làm sao đây? Nhưng không sao! Đệ đã có cách, thế nào rồi Sư huynh cũng sẽ nhận được tin tức từ đệ về việc này.

Đó là chuyện ăn, chuyện đi hóa đạo. Bây giờ đệ kể cho huynh nghe về chuyện học và chuyện giao tế bên ngoài nghe.

Cái ngôn ngữ gì mà nó khó nuốt muốn chết. Học chữ đầu quên chữ đuôi, được chữ giữa quên tuốt cả hai đầu. Uốn cái lưỡi bên này, dẹo cái cổ bên kia, mỗi cái miệng muốn chết, thế mà khi về nhà rồi vát cái vớ là ai nấy đều lo bu đến bên truyền hình, thế là xong. Mặc dầu xem truyền hình cũng chẳng hiểu gì cả; nhưng ít ra có một ít hình ảnh cũng đỡ chán đi. Tội nhỏ khi nào xem hình, xem cảnh chán thì nghe nhạc, lúc ấy thì đệ rút về phòng để làm một vài công việc nhật nhạnh khác. Ví dụ như chuẩn bị kho một bát tương cho thật thấm thía, tìm một miếng đậu hủ cho thật tươi hay qua bà nhà bên cạnh mượn ít bột ngọt chẳng hạn, để tội nhỏ xem Tivi xong rồi là mình có món chay đãi tội nó, vì thế tội nó hay lui tới với đệ đều đều.

Ăn xong rồi thì nghe kể chuyện. Đủ mọi đề tài. Thường thì đệ hay kể cho chúng nó nghe về chuyện đạo để biết đâu trong bọn

*chún sau này sẽ có một vài đũa đi tu để hạt giống Phật không mất mát.*

*Còn câu chuyện vui vui để kể cho tụi nó nghe, hôm nay xin kể cho Sư huynh nghe tiếp vậy. Ở đây ông già bà cả sống cô đơn lắm, nên họ thường hay nuôi chó, dắt mèo đi khắp đường phố, không phải như ở quê mình đâu, để chó mèo chạy lung tung không có chủ.*

*Đã già 70 hay 80 tuổi gì đó nhưng còn tình tứ lắm, hai ông bà đi cận kề nhau ra trò tâm đắc lắm, lại còn dắt tay nhau nữa chứ, điều này ở quê hương mình chắc họ cười lắm đó và bảo rằng "già mà còn bày đặt", còn ở đây, đó là chuyện thường Sư huynh ơi. Hai ông bà ấy vào tiệm bán thực phẩm mua đồ, để con chó ngoài trời kêu la inh ỏi, rồi từ từ đi vào tiệm mua đồ. Trong ấy cũng đã có sẵn một vài người Việt Nam đang đứng đang sắm sửa chỗ mấy lon đồ hộp có vẽ hình con chó, con bò, con mèo và xem hộp nào thấy cũng rẻ, vì thế cho nên có kẻ đã mua về đánh chén, vì không rành ngôn ngữ, sau này mới biết ra là đồ ăn ấy để dành cho chó và mèo chứ đâu phải cho người.*

*Rồi hai người Việt Nam đi ra, sắp hàng để trả tiền, hai ông bà già kia đi trước. Bên này háp tấp làm sao đó đẩy xe trụng hai ông bà già và có ý xin lỗi bằng tiếng địa phương, nhưng khi nói ra thành tiếng cảm ơn, chứ không phải xin lỗi. Ông bà ngoái lại nhìn. Ông thì phớt tình Ang-lê, còn bà thì nhếch miệng cười, còn người bán hàng thì trừng mắt. Ý bà ta bảo rằng tại sao không xin lỗi, mà lại cảm ơn. Cuối cùng rồi cũng huề cả làng. Vì dân ty nạn mà*  
l□/p>

*Còn khí hậu ở đây thôi khỏi nói. Mỗi năm chỉ có mấy tháng có mặt trời, còn bao nhiêu là âm u, mù tịt chẳng biết khi nào là ngày, khi nào là đêm cả, nếu không có đồng hồ. Đi ra đường vào mùa đông thì phải trùm đầu, quấn cổ, rịt mình, mang giầy, mang vớ, trông như một con nộm nhồi bông. Nếu huynh ở đây mà xem cách ăn mặc này chắc huynh sẽ la oai oai là phạm giới, phạm luật. May mà ở đây họ còn có bán đậu hủ, tương chao, nếu không, chắc để*

*cũng phải ngã mặt, lúc ấy phải "ăn làm sao, nói làm sao bây giờ?"*

*Chuyện thì còn nhiều lắm và dài lắm, viết hoài không hết, kể hoài không chán, không biết huynh muốn nghe chuyện gì? Thôi hẹn thư sau, đệ sẽ viết về những cái hay cái đẹp của xứ người để huynh đọc cho vui. Bây giờ xin cho đệ dùng bút và không quên cầu chúc huynh vui vẻ, hăng say và gặp nhiều thiện duyên trong cuộc sống hằng ngày".*

*Kính thư*

*Bản đệ*

Khoảng 3 tuần sau thì ở Việt Nam Sư Tịnh Đạo đã nhận được thư, sau khi đọc xong Sư đi khoe khắp chùa, cùng xóm. Cuối cùng rồi ai cũng biết. Duy có một điều, có người con gái mang tên Duyên, nàng cũng cố ý lắng tai nghe thử Sư có đề cập gì đến mình chẳng, cuối cùng rồi cũng chẳng thấy. Nàng cũng không có vẻ buồn giận gì, nhưng ngụ ý của nàng muốn làm sao tìm được địa chỉ của Sư để viết thư tâm sự. Bây giờ không phải chuyện tình nữa, mà nàng sẽ kể cho Sư nghe về bao nhiêu chuyện đang xảy ra tại quê hương này, nhất là từ lúc không còn Sư ở đây nữa.

Sau khi xem thư của Sư Tịnh Thường xong, có người khen, kể chê, mỗi người mỗi ý. Có vậy mà cũng đòi ra ngoại quốc làm gì? tốn tiền của. Có tai như điếc, có mắt như đui, có miệng như câm... Nhưng có người cũng tự bênh vực lại cho lập luận đó. Thì đã có sao đâu, thời gian qua đi thì cái gì cũng sẽ trở về với nề nếp của nó. Ví dụ như khí hậu, phong tục, tập quán, ngôn ngữ v.v... rồi cũng quen dần đi thôi.

Trong thời gian ấy Sư Tịnh Thường tìm hiểu thêm về đời sống của người địa phương tại đây cũng như tìm hiểu về cách sinh hoạt của một số chùa chiền khác mà Sư có ý lâu nay là sẽ đến đó để ở chung, hoặc lo tự lập cho tông phái của mình. Sau một thời gian nghiên cứu, Sư thấy khó quá, tin đồ của Phật Giáo Du Tăng Khất



Sĩ quá ít, nên Sư hội nhập về giáo phái Đại Thừa trong cách ăn mặc cho dễ bề hành đạo. Bây giờ Sư không còn ăn một ngày một bữa nữa, mà là 3. Sư không còn đắp y nữa mà là mặc áo nhứt bình, cố ý chinh phục đám tín đồ hỗn tạp này một cách có hệ thống. Nhưng cuối cùng rồi Sư cũng không thực hiện được. Vì lẽ Sư chỉ có thể thích hợp được một số ít nào đó thôi. Phần lớn họ là người đã có gốc gác và đa số là thành phần trí thức, là cựu sinh viên đã đi du học trước năm 1975. Đối với từng lớp này, dù Sư có cho họ ăn ngon, kể chuyện thật hay đi chăng nữa, nhưng khi đi sâu vào vấn đề Sư không đả thông hết cho họ, bên ngoài thì họ cố gắng mô Phật cho đẹp lòng Sư; nhưng với tài đức của Sư chưa đủ để cho họ thán phục mà đứng hẳn về phía mình.

Sau một thời gian khổ công nhọc sức nhưng Sư đã quá mỏi mệt, tiếng tăm không thông, đó là sự khó khăn lúc giao tế. Ngôn ngữ không rành là điều khó khăn lúc giao tế. Ngôn ngữ không rành là điều khổ nạn vô cùng. Khí hậu rồi dần dà mình cũng có thể làm quen đi; nhưng ngôn ngữ chỉ nói tiếng bồi không thì ức quá.

Một hôm sau giờ học, Sư nhận được một lá thư từ Việt Nam gửi tới. Nhìn bì thư và giấy viết thư thấy xấu xa thậm tệ. Sư liếc mắt thấy mấy chữ bên góc trái lá thư đề người gửi: Trần Thị Diệu Duyên... Sóc Tăng... Sư dăm chiêu mang thư về phòng đọc.

Đọc xong thư Sư thở phào nhẹ nhõm, cái nhẹ nhõm ấy lâu nay Sư chưa bao giờ có được, vì ngôn ngữ và khí hậu là hai cái khó nó bó cái khôn của Sư. Bây giờ có thư của Duyên như là một cái phao cứu tử. Trong thư ấy Duyên đã nói gì, xem xong Sư xé bỏ, chỉ có một điều là thấy Sư vui hơn và đang ở trong trạng thái lo lắng xa xăm. Kẻ đoán già, người đoán non, cuối cùng rồi Sư cũng đã tụ tập tụi nhỏ thân thiện trong trại về phòng để dặn dò.

"Sư nói cho tụi con biết nghe! Rồi đây Sư sẽ rời trại này! đi về một phương trời vô định. Ở đó Sư sẽ có đầy đủ điều kiện để sinh hoạt hơn, ví dụ như môi trường sống, ngoại cảnh v.v... Ở đó Sư sẽ không lạc lõng nữa, vì Sư chỉ xử dụng toàn bằng tiếng Việt và cũng tại đó Sư sẽ thực hành hạnh khát sĩ như tại quê hương, vì nơi

đó nắng ấm quanh năm, chứ không phải như cái tú đông lạnh xứ này".

Tất cả đều "ồ" lên một tiếng và đưa hỏi này, đưa hỏi nọ, làm cho Sư trả lời cũng muốn mệt đi được.

- Sư đi đâu Sư? Cho con theo với được không Sư?

- Xứ đó là xứ nào Sư? Tiết lộ cho con biết với?

- Tại sao Sư đi, bỏ lại tụi con ở đây có ai săn sóc, Sư không thương tụi con hay sao Sư?

- Thôi ở đây với tụi con đi Sư, đi đâu cũng vậy, người tu hành cũng phải giúp đỡ chúng sanh thôi.

Hằng trăm câu hỏi dồn dập được đặt ra; nhưng Sư thì chưa trả lời câu nào cả, làm cho tụi nhỏ cũng cụt hứng không muốn hỏi tiếp nữa. Mấy năm ở đây, đứng ra nhờ bát cơm chay Sư nấu ngon và nhờ tài khéo léo kể chuyện của Sư cũng đã thu hút được một số tín đồ đây chứ. Sư lặng cầm nhìn tụi nhỏ cũng hài lòng; nhưng cảm thấy không có tương lai, rồi Sư đổi qua một đề tài khác.

- Tụi con tối này muốn ăn chè gì?

- Chè đậu xanh, Sư! Chè mà Sư cho là ngon nhất đấy.

- Không, con không thích chè đậu xanh, mà con thích đậu hủ bỏ đường và gừng vào cơ.

- Thôi thì Sư nấu cả hai loại. Đứa nào thích thứ nào thì dùng thứ đó.

- Con ăn cả hai thứ có được không Sư?

Thế là những câu hỏi được đặt ra, không có một câu trả lời nào được giải đáp, mà tội nhỏ vì háu ăn nên quên hết mục đích của buổi ban đầu.

Gian phòng của Sư ở trong trại tỵ nạn càng ngày càng trống, vì Sư đã thu gọn vào các chiếc va-ly để ở đầu giường, chỉ còn hình ảnh Đức Di Đà, Đức Quan Âm, Thế Chí và chuông mõ là còn nguyên vẹn. Có lẽ Sư để lại những thứ này chẳng? Sư chấp nhận hay chối từ những gì Sư đã làm xưa nay? Sư thuộc khuynh hướng nào? Đại Thừa? Tiểu Thừa hay Khất Sĩ?

Nhiều lúc tội nhỏ cứ phân vân mãi, nhưng phân tích kỹ mới thấy rằng; những gì tốt đẹp Sư gom về phía Khất Sĩ; những gì thủ cựu Sư dồn qua phía Tiểu Thừa. Còn Đại Thừa thuộc phái quá cái cách, duy tâm. Có lẽ đó đúng là đòn tâm lý và đúng với mục đích của Sư muốn thi thố tài năng tại chốn này.

## CHƯƠNG TÁM

### ANH HÙNG HỘI NGỘ, AN OÁN GIANG HỒ

Cuối cùng rồi Sư Tịnh Thường cũng đến được chốn nắng ấm như ở quê hương mình. Nơi đây khi giao tế, Sư không cần phải dùng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức gì cả, mà chỉ cần nói tiếng Việt là đủ. Ở đây lại có đông người Việt, như một thành phố Sài Gòn nhỏ tại quê hương mình. Đến đây Sư thấy thoải mái hơn nên đã viết thư về cho Sinh bên Âu Châu để tâm sự.

*Thành phố nắng ấm, ngày... tháng... năm...*

*Sinh thân mến,*

*Sư bỏ tội con ra đi, Sư cũng buồn thúi ruột. Dầu sao đi nữa thì Thầy trò mình cũng đã gần gũi hơn hai năm trời. Sư ra đi không biết bao nhiêu lý do cần phải giải bày; nhưng tội con còn nhỏ làm sao hiểu được.*

*Người hiểu Sư rất ít, mà kẻ nhìn lầm Sư lại nhiều. Nên Sư cứ yên lặng như ngày xưa các vị Thiền Sư đã yên lặng vậy thôi và câu trả lời có hay không, chờ thời gian sẽ biết tất cả.*

*Ở đây vui lắm, muốn ăn gì cũng có, muốn mua gì cũng có. Sư đã tập lái xe. Vì bên này không như ở Âu Châu, nơi mà có thể dùng xe Bus hoặc xe điện dễ dàng. Ở đây nhà nào cũng có xe hơi. Có nhà cả 5, 7 chiếc. Vì lẽ cha mẹ con cái đi làm, đi học khác giờ và đi mỗi hướng khác nhau, không ai có thể chờ ai đi được. Ở đây quý Sư cũng phải tự lái xe đi làm hoặc đi học. Không có sự đưa đón như ở quê mình, hoặc ở Âu Châu đâu.*

*Có điều hơi buồn cười là quý Thầy quý Sư ở đây phải đi làm thêm để có tiền chi dụng cho cuộc sống, chứ xã hội đâu có ai giúp lâu dài được! Mà đã đi làm thì đâu có mặc đồ tu. Tuy đâu còn hót ngắn; nhưng đa số đều mặc đồ công nhân để tiện việc đẩy xe cát có. Đây cũng là cái làm của Sư. Sư tưởng rằng sang xứ này vẫn mình hơn, giàu có hơn, tự do hơn, Sư có thể thực hiện chí nguyện của Sư; nhưng điều ấy Sư đã làm.*

*Có Thầy đi làm nhiều năm, có tiền nhiều lắm, đâm ra đòi hỏi đua đòi. Mặc bộ đồ Tây kia xấu, sắm lại bộ khác, đội cái mũ kia không hợp, lại sắm mũ hợp thời trang hơn. Thế rồi tóc ngắn khó coi, tìm cách coi dần lên cho hợp nhãn. Từ từ cái nọ dần cái kia, cuối cùng rồi cũng trở lại con đường luân quần của chốn bụi trần...*

*Sư qua đây cũng nản; nhưng biết sao hơn! Vì đã lỡ chọn con đường này rồi, đành phải chịu vậy. Còn chùa chiến tin đồ thì đa dạng lắm. Ông Thầy ở đây được quan niệm còn kém hơn Ông Từ ở quê hương mình. Đâu phải đi tu để giữ gìn chùa cho Hội đâu? Đi tu là một lý tưởng cao thượng giải thoát mà, nhưng ai có hiểu cho đâu? Ở đây thước đo là bằng cấp, câu nói là so sánh với bạc vàng. Mình người tu thấy lạc lõng ở xứ sở này lắm. Có nhiều chùa mời Thầy tới tụng một thời kinh, mỗi thời tụng xong, trả 50 đô-la, xong xuôi Thầy về phòng Thầy nghỉ, còn Phật thì ngồi một mình tại chùa. Thùng phước sưng có Hội trong coi, mỗi cuối tuần nhận*

nhịp chút đỉnh, rồi nhà ai lại về nhà nấy để chuẩn bị cho tuần làm lễ kế tiếp của mình. Tăng cũng như tục đầu có khác gì. Ở đây sự cứng đờng cũng giới hạn lắm. Có vài chùa làm to lớn, nhưng cũng chưa xong. Có một số Thầy có uy tín tạo được tín tâm cho Phật Tử; nhưng đồng thời sự phá hoại từ chính bên trong Tăng đoàn thì nhiều hơn. Đúng như câu Phật đã dạy: "Chỉ có con vi trùng của sư tử mới ăn thịt được sư tử mà thôi". Dĩ nhiên bên ngoài và các đạo khác vẫn tìm cách phá rối; nhưng người vững vàng tâm đạo thì chúng làm sao phá được. Chỉ điều mình tự phá mình mới là nguy, mà tình trạng ấy ở đây nhan nhản. Mình đức mỏng, tài hèn làm sao có thể độ được những ông Kỹ sư, những bà Tiến sĩ, mà mỗi khi đi chùa là họ có dịp giới thiệu loạn cả lên. Ôi thôi! Đúng là nhân tâm thế sự. Nếu mà Sinh ở đây chắc Sinh cũng sẽ suy nghĩ như Sư vậy. Bây giờ thì đèn nhà ai nấy sáng. Tốt xấu mặc ai, ít có người giúp đỡ cho nhau, ngoại trừ những điều xoi bói thì nhiều. Sư cũng chẳng biết tính sao đây. Nhưng đây là mặt lộ rồi. Tại sao đời của Sư có nhiều lúc chẳng biết tính sao nhiều quá vậy? Câu hỏi nằm ì ở đó mà câu trả lời cứ bỏ trống hoài.

Tất cả mọi thước đo của cuộc sống đều bằng đồng đô-la và địa vị hiện có, mình người tu làm sao có được. Tiền đâu? Sinh biết đó, chút vốn liếng Sư mang từ đảo qua Âu Châu, rồi từ Âu Châu qua đây vẫn còn đó; nhưng để phòng thân chờ khi hữu sự thì xài. Và lại người tu không lẽ mình đem vàng bạc khoe cho họ biết hà; nhưng nếu có biết cũng chẳng thấm thía vào đâu? Còn học vấn? Sư lớn tuổi rồi, chữ u chữ Tây học ở bên nó suốt mấy năm chẳng vô vàn bây giờ chẳng nhớ được chữ nào. Còn ở đây, Sư thấy không cần thiết nữa. Nhưng sao mọi người vẫn đòi hỏi. Đi đâu cũng thấy Thượng Tọa Tiến sĩ, Hòa Thượng Giáo sư Tiến sĩ v.v... trông mà khóp. Ở quê hương mình chắc chẳng bao giờ thấy thứ ấy cả.

Dĩ nhiên cái đẹp cái hay ở đây thì nhiều. Người giỏi, người đức hạnh cũng không thiếu. Nhưng những người ấy họ biệt cư ở tận nơi nào, còn toàn là những trò ném đá giấu tay, ngay cả nơi cửa Thiền cũng thế. Tiện đây Sư kể cho Sinh nghe một vài chuyện xảy ra tại các chùa nơi đây thì Sinh đủ rõ ít nhiều.

Một chùa nọ rất lớn, nằm ở ngoại ô một thành phố. Ban ngày có người qua lại không sao; nhưng đêm đến, nếu trời không trăng sao, trông như một bãi sa mạc tối thui, rùng rợn. Bỗng một đêm khuya có điện thoại reo. Sư trụ trì bốt ống nghe, đầu kia là một giọng nữ nghe quen thuộc, cô ta bảo rằng muốn đi lễ chùa, nhưng bị lỡ đường, kính nhờ Thầy trụ trì mở cửa cho cô vào lễ Phật và xin xăm. Lòng từ bi của Thầy ấy đâu nỡ khép kín, nên lại mở cửa. Sau khi mở cửa cho cô ta vào thì năm bảy tên bịt đầu bịt mũi ủa vào chùa trói thúc ké Thầy lại và tra khảo tiền để ở đâu? Thầy chỉ cho tụi chúng lấy. Chúng thấy ít quá chỉ mấy trăm đô-la thôi, giận quá loi vào hông Thầy mấy loi, không cởi trói và bỏ đi không thương tiếc. Đúng là quý phá nhà chay phải không Sinh?

Sàng hôm sau các tin đồn tới thấy Thầy ấy ra nông nổi như vậy mới đi cởi trói cho Thầy và báo cáo Cảnh sát thì mọi sự đã an bày rồi. Cuối cùng rồi Thầy ấy phải bỏ nơi đó để đi nơi khác.

Còn một chuyện khác nữa tương đối khá hấp dẫn hơn, tiện đây Sư kể cho Sinh nghe để chia xẻ cái khó khăn khi làm việc đạo tại xứ người, với quý Thầy.

Một hôm sau lễ Phật Đản, chùa nào lại chẳng để dành tiền, nhất là sau khi khui thùng phước sương mà bên này lễ lộc thường hay tổ chức vào ngày chủ nhật nữa, ngân hàng đâu có mở cửa vào ngày ấy, do đó tiền thu được phải cất đâu đó, để ngày hôm sau sáng thứ hai đem bỏ vào ngân hàng. Thật sự ra thì ở đây họ cúng cũng ít lắm. Ít có người nào bỏ vào thùng phước sương từ 100 đô-la. Đa số là 20 hoặc 10 đồng. Các cụ già ăn tiền xã hội đâu có nhiều tiền, do đó chỉ cúng 5,3 hay 1,2 đồng cũng là sự thường. Ở đây thấy ai cũng có nhà cao cửa lớn; nhưng nhà cửa ấy là của ngân hàng. Ngay cả chùa chiến cũng thế, nhiều lúc phải treo bảng bán chùa, trông cũng ngộ nghĩnh thật. Thông thường mỗi lễ Phật Đản, Vu Lan hay Tết Nguyên Đán như thế chùa nào đầu khá cũng chỉ mười ngàn đô là nhiều. Đa số chừng 4 hay 5 ngàn đô.

Hôm đó vào một đêm chủ nhật, lễ Phật Đản tổ chức vào buổi sáng đã xong, Sư trụ trì mệt mỏi vào phòng riêng để nghỉ ngơi.

Bống chuông điện thoại reo vang, Sư choàng tỉnh dậy bốt óng nghe. Đầu kia có giọng nói quen thuộc:

- Bạch Sư! Ngoại con bệnh nặng lắm, muốn mời Sư đến hộ niệm dùm. Kính mong Sư đến dùm cho.

- Bây giờ khuya quá rồi. Vả lại Sư suốt ngày này mệt mỏi, ngày mai Sư sẽ đến hộ niệm cho.

- Nếu Sư không tiện lái xe, con đem xe đến đón. Vì ngoại con cần thưa với Sư vài điều trong khi ngoại con còn hấp hối. Nếu Sư ngày mai đến, chắc ngoại con sẽ ra người thiên cổ mất.

Sư nghe vậy rất mùi lòng, nên bảo rằng hãy đến để đón Sư đi. Sau đó Sư dọn dẹp chỗ nghỉ cho ngay ngắn lại, bỏ chuông mõ vào túi xách và chờ.

Chuông gõ được bảm lên, Sư vội vàng ra mở cửa, vừa mở cửa ra, Sư đã bị đẩy lùi mạnh trở vào. Sư có cảm tưởng là lạ. Tại sao có việc ấy? Sư tự nhủ vậy. Bống có 5, 6 người mặc đồ đen, áp sát vào người Sư và dây cáp đầu họ đã chuẩn bị sẵn sàng, trói Sư lại làm nhiều lần trông như một cối xay lúa. Sư hỏi ra tự sự thì mới biết mấy kẻ lạ mặt kia họ muốn tống tiền. Hỏi Sư là tiền lễ Phật Đản thu ngày hôm nay Sư để đâu? Họ thoi vào hông Sư, đập lên đầu lên cổ, chẳng kể ai ra gì hết cả. Sư không chỉ. Vì Sư nghĩ rằng tiền đó là tiền của đàn na tín thí chứ đâu phải của Sư, nên Sư cố nói lảng sang chuyện khác.

"Tôi đâu có ngờ, mấy cậu bảo có người bệnh hấp hối tôi mới mở cửa định đi. Nếu không, tôi không bao giờ mở cửa, để các cậu cứ tông vào ăn cướp thì còi báo động đã báo lên, cảnh sát sẽ đến ngay, các cậu có chạy đàng trời cũng không khỏi".

*Sư càng nói bao nhiêu, càng bị bọn chúng tra tấn dồn dập bấy nhiêu. Cuối cùng rồi 5 ngàn đô-la tiền cúng dường ngày Phật Đản hôm ấy Sư cũng phải đưa hết cho bọn chúng mới được mở trói ra.*

*Sau khi mở trói chúng còn hỏi Sư: Sư có biết tội con là ai không? Làm sao Sư biết nổi! Đám áo đen kia trả lời rằng: Tội con đi chùa hoài mà Sư. Sư như bắt tinh nhân sự chẳng biết đâu mà tìm.*

*Sau khi tỉnh lại, Sư còn biết được rằng không những Sư bị mất tiền mất của mà những người cận sự trong chùa cũng đều bị chúng hốt hết, lột hết nữ trang, tiền của của các bà làm công quả tại chùa...*

*Đó là chuyện đạo tại xứ này. Còn nhiều chuyện lâm ly bi đát hơn nữa, tiện thể Sư kể cho Sinh nghe đây:*

*Cũng một nhà Sư, rất giỏi dang ở mọi phương diện và rất tin người. Mà ai chẳng vậy phải không Sinh? Đã là người tu, mình đâu có nghi ngờ ai làm gì?*

*Sư kia có mua một miếng đất để làm chùa. Trị giá khoảng 400 ngàn đô-la. Dĩ nhiên là tiền cúng dường của các Phật Tử, Sư đã dành dụm được và tiền mượn ngân hàng. Nhưng chẳng may đất ấy không được xây chùa. Sư treo bảng bán. Đã hơn một năm trời rồi, đâu có ai để ý tới miếng đất này. Hôm đó có một người Phật Tử thân tín đến thưa với Sư rằng:*

*- Bạch Sư, miếng đất ấy Sư muốn bán bao nhiêu?*

*- Thì ít nhất là lấy lại vốn, có lời chút đỉnh thì tốt thôi. Vì lâu nay bỏ tiền vào đó giống như đóng hụi chết vậy. Biết làm sao đây? Con có quen nơi nào giới thiệu cho Sư bán miếng đất ấy đi, để Sư còn làm chuyện khác nữa chứ.*

*- Con làm địa ốc mà Sư! Thôi Sư bán cho con đi.*



- Giá bao nhiêu Sư?

- Hồi Sư mua 400 ngàn. Bây giờ con ngả giá đó.

- Con sẽ chồng cho Sư 450 ngàn đô nghe Sư. Ngày mai con sẽ tới làm giấy tờ.

Sư nghe mừng rỡ quá. Lâu nay treo bảng bán, mà đâu có ai dòm ngó đến. Bây giờ tự nhiên mình lại có thêm 50 ngàn để làm những Phật sự khác. Điều ấy tốt thôi.

Suốt đêm đó Sư không ngủ được, chờ đợi ngày mai thân tài đến gõ cửa.

Đúng 8 giờ sáng mai, quả thật như vậy, người Phật Tử hôm qua trở lại, đặt lên bàn một túi tiền mặt 50 ngàn đô-la, và thưa rằng:

- Bạch Sư lẽ ra con mang hết 450 ngàn đô-la tiền mặt đến chồng cho Sư cũng được; nhưng ở Mỹ người ta trả Check nhiều hơn, vả lại nặng nề quá; nên con chỉ mang 50 ngàn tiền mặt, còn 400 ngàn kia thì con sẽ chuyển qua ngân hàng cho Sư vậy.

Sư nghe thế yên tâm, nhận 50 ngàn đô-la tiền mặt và trong lòng cảm động và thâm cảm ơn người Phật Tử kia. Đoạn Phật Tử kia tiếp lời:

- Thưa Sư, bây giờ miếng đất ấy xem như đã thuộc về con rồi. Xin Sư ký giấy ủy quyền cho con là chủ nhân của miếng đất ấy, để thế chân cho ngân hàng và một tuần sau là trong tài khoản của Sư sẽ có 400.000 ngay. Xin Sư lẹ cho, vì con phải lo những vấn đề to lớn khác nữa.

Sư đặt bút xuống ký và cứ đinh ninh là một tuần sau mình sẽ có số tiền kia. Nào ngờ, 1 tuần, rồi 2 tuần, 3 tuần cho đến 1 tháng vẫn chẳng thấy có tiền gì cả. Dem sự việc hỏi các người hiểu biết

*khác thì họ cho Sư biết là Sư đã bị lừa, mất đi 350.000 vốn, xem như miếng đất giờ chỉ còn trị giá có 50.000 đô-la tiền mặt. Còn kế ước, người Phật Tử kia đã nắm giữ chữ ký của Sư rồi, họ đã cao bay xa chạy...*

*Ôi đời là thế đó. Ở đây người tu vì quá hiền lành nên cứ bị phỉnh gạt dài dài, chuyện kể hoài không hết. Khi nào khỏe Sư sẽ viết cho Sinh nhiều hơn nữa. Cầu chúc Sinh vạn sự an lành và hẹn Sinh vào một thư sau.*

*Sư của Sinh*

*Tịnh Thường*

Đùng, Đùng, Đùng, ba tiếng gõ cửa vang lên không bình thường chút nào, Sư Tịnh Thường ra mở cửa. Bỗng Sư hoa mắt lên vì hình ảnh dữ tợn của một người tu. Sư chưa kịp chào hỏi gì ráo thì vị Sư kia đã tông thẳng vào phòng và nói năng ra điều anh chị lắm. Hắt hàm hỏi Sư rằng:

- Sư có biết tôi là ai không?

- Là một vị Sư! Ngoài ra tôi không biết gì cả.

- Thời gian mới 3,4 năm làm sao Sư vội quên thế? Sư có nhớ vụ nhà máy xay lúa ở Sóc Trăng chẳng? Và cuộc tình vụng trộm của Sư với một nàng con gái tên Duyên. Chắc Sư còn nhớ?

- À té ra là Sư Chơn Nghĩa! Lâu nay sao Sư, có mạnh khỏe không?

- Mạnh thì có mạnh, nhưng không khỏe được. Vì chuyện xưa chưa giải quyết rõ ràng.

- Vậy bây giờ Sư muốn giải quyết sao đây?

Và đây là câu chuyện: Ngày xưa khi còn ở tỉnh Sóc Trăng, hai Sư ở trong hai đoàn Khất sĩ khác nhau, họ không thân lắm nhưng họ cùng chung một mục đích là tu học để cầu đạo giải thoát. Mục đích tuy cao đẹp; nhưng mỗi người đều có một phương tiện khác nhau. Người thì lấy phương tiện tình cảm, người thì lấy tiền bạc làm cứu cánh. Vì thế cho nên đã có nhiều lần Sư Tịnh Thường tuyên bố cho các Phật Tử đây đó nghe rằng: Với tôi chỉ có tiền là tất cả. Còn Sư Chơn Nghĩa thì nghĩ khác. Tình cảm sẽ dễ đưa con người đến chỗ dễ thông cảm hơn và từ đó mình sẽ đưa họ vào đạo. Kể ra thì mục đích cũng không đến nỗi dở lắm; nhưng phương tiện của hai Sư làm chỉ có hai Sư mới biết mà thôi.

Người chủ trương chỉ có tiền mới là cứu cánh thì cứ lao vào tiền. Sư Tịnh Thường cũng đã nhiều lần gọi ý hỏi thăm Sư Tịnh Đạo, nhờ Sư Tịnh Đạo giới thiệu cho cô Diệu Duyên để vay mượn bạc vàng để làm vốn và hùn phần vào hợp tác xã xay lúa tại Sóc Trăng trước khi Sư đi vượt biên. Miền Nam là vựa lúa của cả nước. Riêng khu vực này cây trái, sông nước, lúa gạo chẳng thiếu gì, dễ làm giàu to. Vì vậy cho nên việc vay mượn ấy đã thấu đến tai Sư Chơn Nghĩa. Sư thì không thích Sư Tịnh Thường, vì cô Diệu Duyên này có ý thích Sư Tịnh Thường hơn, trong khi bao nhiêu tình cảm tốt đẹp của Sư Chơn Nghĩa dành cho cô Diệu Duyên thì cô không đoái hoài đến.

Ở miệt này đa số dân Việt gốc Miên, mà dân Việt gốc Miên thì trọng các Sư lắm. Dầu cho họ có không tu đi nữa, ra đời lấy vợ cũng được trọng vọng như thường, lúc làm Ông Lục, lúc làm Ông Cả trong làng cũng oai lắm chứ. Nhưng đó là phía bên Nguyên Thủy kia, còn đây Sư thuộc hệ phái Du Tăng Khất Sĩ mà, chỉ có Việt Nam mình mới có, chứ trên thế giới không có phái này. Và lại người dân quê thì không cần phân biệt làm gì. Miễn là đắp y vàng đầu cạo nhẵn, đi khất thực, tức là Sư rồi.

Bên Nam Tông họ quan niệm rằng chư Tăng mặc áo nhà tu tức thay Phật rồi, họ kính Tăng như kính Phật, vì thế đã có không biết bao nhiêu chuyện trắng đen xảy ra làm cho cửa Thiền bị dính

bụi. Thật ra Đạo không xấu, chỉ có con người làm cho xấu đạo mà thôi. Ở đây hai Sư Tịnh Thường và Sư Chơn Nghĩa là điển hình.

Họ cũng không ngờ là nay họ có dịp gặp lại trên đất nước văn minh tự do này. Tuy cảnh có khác; nhưng con người của họ thì không khác. Vì vậy họ cố ăn thua đủ với nhau từng lời nói và từng cử chỉ. Âu đây cũng là một trong bát khổ mà. Đó là oán tắng hội khổ. Nghĩa là ghét nhau mà phải gần nhau, quả là khổ. Trời đất có bao la thật đấy; nhưng tội lỗi khó dung. Không biết rồi đây ai sẽ thắng và ai sẽ bại; nhưng dầu thắng hay bại gì cũng cốt chi để cho nhân thế chê cười mà thôi. Tại sao tu hành lại ra nông nổi ấy? Giới luật đâu? Giáo hội đâu? Ôi thôi! Dữ thứ sao nhưc đầu quá, chẳng ai giải quyết gì ráo trọi vậy cả? Đó là những lời bàn tán xon xao của bà con Phật Tử.

Giới luật ư? Nếu họ đã hiểu phạm giới là điều tối k□ phải tự xả giới ra đời, nếu phạm những giới nặng. Vì khi đi tu không ai ép mình đi, thì khi trở về lại với thế tục hãy tự mình làm việc ấy; nhưng đâu phải ai cũng có tâm cao thượng như vậy. Nhiều người mượn đạo tạo đời để được cúng dường, để được cung kính. Dễ gì ở đời mà được thế. Phải học thành ông này bà nọ hoặc lên lão làng rồi mới được "ăn trên ngồi trước" được. Còn ở đây chỉ cần thuộc hai thời công phu sáng chiều, hiểu lơ mơ mấy bài giáo lý đã được quý cụ, quý bà xá xá lạy lạy và đưa Sư lên ngồi hàng đầu chứng minh cho mọi nghi lễ. Đúng là ăn trên ngồi trước mà. Có nhiều người tu hám danh, thích điều này lắm chứ.

Có nhiều vị trưởng lão đạo cao đức trọng, khi Tăng chúng đánh lễ hay ngay cả cư sĩ tại gia lễ bái cũng đều tránh không cho lạy ngay ở chính mình mà thường hay để cho họ lạy tượng Phật cốt để cho mình đỡ tổn phước, còn bọn phàm tăng thì thôi khỏi nói, nhiều khi ngồi đó, nhưng biết đâu họ sẽ chỉ chỏ xì xạo với nhau sao không lạy mình mà lạy gì mà không lạy cho sát đất, chỉ xá xá mấy cái vậy? Làm như họ là thánh Hoàng Thánh Mẫu cũng không bằng! Họ có biết đâu rằng nếu không có đủ đức, người lạy

vẫn được phước; nhưng kẻ bị lạy thì càng ngày phước càng giảm, sẽ đền bù bằng tội lỗi nữa.

Còn nữa. Nếu là Sư to, Sư lớn sẽ được đặc biệt cung phụng đón tiếp cúng dường. Ví dụ có ai ở miệt vườn thu hoạch được trái cây nào thơm ngon đều đem đến chùa để dâng cúng các Sư. Vì thế các Sư tha hồ hưởng lộc, đâu có đổ mồ hôi nước mắt mà lo cho mệt, chỉ cố gắng làm sao giữ chiếc áo và cái đầu cân đối là được rồi.

Giáo Hội ư? Ra đây rồi có cũng như không, không cũng như có. Mỗi người một cõi, ai lại không lập Hội Đoàn và Giáo Hội được, nếu tổ chức ấy có đủ 7 người trở lên. Nghĩ cho cùng thì đời Đức Phật cũng thế. Nếu Tăng chúng không đồng ý phép Yết Ma chung, có 4 người khác cùng chí hướng, họ tập hợp lại để làm phép Yết Ma, thế là họ hợp thức. Nhưng nếu nhìn từ cái nhìn của chánh pháp thì chính nhóm này là thể hiện của sự đúng trên sự sai, và cứ thế nếu nhiều người sai, hợp lại nhau tạo thêm nhiều sự sai trái nữa. Chắc ngày xưa Đức Phật cũng mệt lắm thì phải? Suốt ngày cứ phải đi xử những vụ kiện tụng của nhóm này nhóm nọ, tốn hết thì giờ. Cho nên cũng đã có lần Phật vào tận rừng sâu, không muốn trở về nữa. Khiến cho những đại đệ tử của Phật như Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên phải vào tận rừng sâu thưa thỉnh nhiều lần Phật mới trở về.

Ngày xưa đã vậy, bây giờ lại còn tệ hại hơn nhiều. Ngày xưa Phật không chế giới trong 12 năm đầu. Vì toàn chỉ các bậc Thánh Tăng chẳng ai phạm cả. Sau đó Phật phải chế vì Tăng chúng hết phải lỗi này đến phạm lỗi khác, nên Phật cứ chế giới hoài. Nếu bây giờ mà Phật còn tại thế, chắc là Ngài phải thêm cho nhiều giới lắm. Ví dụ có vị Tỳ Kheo thời Phật sau khi có vợ rồi mới đi xuất gia; nhưng lúc bấy giờ làm gì có vấn đề ly dị. Bà vợ ở lại nhà với mẹ chồng. Khi người tu ấy về thăm lại nhà, bà già ép con trai của mình đã tu, ngủ chung với vợ cũ. Việc ấy Tăng chúng hay được bạch lên với Phật; nên Phật đã chế, người đi tu phải đoạn hẳn tà dâm.

Còn bây giờ nhan nhân ra đó. Công khai như ở Nhật, thì con vợ ở đùm đê trong chùa đâu có ai đề cập đến? Nghe đi tu là nghề cha truyền con nối mà! Còn ở Việt Nam mình mấy ông Thầy cúng có vợ có con, ăn mặn, giấu giếm chỗ này chỗ kia mà cũng còn làm ăn được kia mà! Cho đến nhiều bậc danh Tăng vẫn còn làm được điều đó thì làm sao những phàm Tăng và tục Tăng có thể ngồi đó chịu đựng được?

Họ nói không có vợ; nhưng vợ không chính thức thì thiếu gì. Họ nói không tích chứa tài sản; Nhưng của cải để riêng không ít. Cho nên thời này đâu có ai tu chứng được mấy người. Toàn là một xã hội tu hành hỗn độn. Có nhiều người đã ra đời rồi, có vợ có con. Sau đó vào tu lại, điều ấy cũng chẳng sao, giới luật cho phép mà; nhưng vợ nhà vẫn không từ bỏ vẫn còn tìm đủ cách để đi ngỗ trước ngỗ sau, quả thật tội lỗi, tội lỗi. Nếu có ai đó đựng thẳng đên vấn đề là có chuyện lớn.

Ở đây thêm chuyện nam nữ bình quyền nữa. Nhiều khi Tăng nói Ni không nghe, mà ngược lại mấy cô Ni còn chê là mấy ông Tăng không xứng đáng nữa. Mặc dầu Phật có cho người nữ đi tu và đê được giác ngộ, thành Phật phải qua một số điều kiện căn bản; nhưng bây giờ họ đâu có cần. Chùa chiền như thế, Tăng sĩ như vậy làm sao Sư sĩ họ nể và phục cho được. Nhiều khi có những hạt Tử tu tại gia mà còn cao siêu hơn mấy ông Thầy nhiều. Bởi thế việc Sư Tịnh Thường và Sư Chơn Nghĩa đã nêu trên cũng chỉ là một sự thật mà thôi.

Cũng nên biết thêm một số sự thật tốt đẹp hơn là có những nhà Sư suốt đời chỉ lo cho Đạo, không chịu sự lễ bái của tín đồ, không tích chứa của cải, không cống cao ngã mạng, mặc dầu học vị là Tiên sĩ, Thạc sĩ. Các vị này thường hay ẩn nấu tu hành. Giống như hoa sen mọc trong chôn bùn như chứ còn gì nữa? Đã không bị mùi bùn làm vẩn đục mà còn tỏa ra hương thơm ngát dịu dàng. Phật Tử quý trọng lắm; nhưng các vị lại ít xuất đầu lộ diện, chỉ toàn là đám phàm Tăng múa may quay cuồng trong thời mạt pháp này. Quả thật là khó xử.

Cũng vì mỗi hiềm khích về tiền về tình có nguyên nhân sâu xa khó hiểu đó, nên hai nhà Sư này đã không có thiện cảm với nhau, mà chắc rằng họ không giữ được phép lục hòa, nên mới ra nông nỗi ấy. Bây giờ ở xứ này mà còn tìm cách để sát phạt nhau, biết đâu sau này lên thượng giới, nỗi ưu sầu chưa hết, chắc họ cũng còn phải gây gỗ nữa và nhờ Phật cũng như Bồ Tát ra xử hộ chăng?

Vì thế thái nhân tình! Thật khó nghĩ. Kể từ khi hai Sư gặp nhau, Sư Tịnh Thường ít nói, hình như đang hàm tính một vấn đề gì, không ai có thể biết được. Hay đi tối về khuya, một mình thui thủi trong bóng đêm, đôi khi lại nghe tiếng thờ dài sùu sọt.

Còn Sư Chơn Nghĩa trở về lại Tịnh xá của mình cũng bày mưu tính kế, phải làm sao hạ cho được tình địch của mình mới hả giận. Vì thế Sư cũng đã lập mưu. Nhưng ở đây, nếu chỉ có hai Sư thì không hấp dẫn, phải kéo thêm những tay chân bộ hạ bên ngoài vào, câu chuyện mới trở nên gay cấn hấp dẫn chớ. Vì vậy, cả hai đều có những ý nghĩ và những hành động khác nhau, chắc chắn trong Chương sau sẽ hiện nguyên hình.

## CHƯƠNG CHÍN

### NGUYÊN NHÂN CỦA MỌI NGUYÊN NHÂN

**K**hi Sư Tịnh Thường mới đến đây đã ở chung trong một Tịnh xá với quý Sư khác. Nói là một Tịnh xá chứ thật ra chỉ là một ngôi nhà không hơn không kém. Gian chính giữa trước đây là phòng khách, quý Sư đã đập tường và làm thành chánh điện, nơi đây dung chứa chừng 50 người. Hai gian tả hữu có hai phòng ở để cho hai Sư lớn. Có nhà bếp và hai cầu tiêu, còn Sư thì tạm trú nơi garage (nhà xe).

Ở đây nói cái Chùa, hay Tịnh xá, Tịnh xá cho nó xôm tụ vậy thôi, chứ thật ra Tịnh xá ấy không có đường nét gì tượng trưng cho chùa chiền cả. Chỉ thượng lên đó một tấm bảng đề tên Chùa, Tịnh xá A, B, vậy thôi. Một điều mà ở Việt Nam chúng ta đều

không có là chùa phải đi vay tiền ngân hàng mới mua được nhà. Chủ nhà có chừng 10 đến 20 phần trăm số tiền phải mua là ngân hàng đã cho vay rồi. Phải trả tiền lời lẫn vốn trong vòng 15 hay 20 năm. Nếu trong 20 năm ấy có 3 tháng liên tiếp không trả tiền nhà, thì xem như nhà kia, chùa kia bị treo bảng bán đấu giá và người chủ kia chẳng có quyền hạn gì nữa. Quyền ở đây là quyền định đoạt của giấy tờ và của ngân hàng.

Có nhiều người mới ra ngoại quốc chừng một vài năm, đứng trước một biệt thự nào đó sang trọng để chụp hình bên cạnh chiếc xe hơi láng bóng rồi gọi về Việt Nam, bảo rằng đây là nhà và xe mới mua. Chỉ nói có vậy thôi; nên ai cũng nghĩ rằng ra ngoại quốc ai cũng có thể lượm được vàng, đô-la một cách dễ dàng. Điều ấy vì thiếu sự giải thích, mà nếu có giải thích đi chẳng nữa, ở nhà đâu có ai chịu hiểu cho. Thôi thì sẵn trốn viết thư về tả cảnh cho nó vui miệng vậy thôi. Nào ngờ nó có một tác động tâm lý đảo đẽ.

Cũng vì vậy mà đã có biết bao nhiêu người bán hết tài sản để tìm đường vượt biên để tìm vàng. Cho nên có nhiều lúc những người lãnh đạo đương thời tại Việt Nam mình bảo họ đi tỵ nạn kinh tế; nhưng đâu có ai có thể biết được rằng với tài sản đó, với của cải đó, ở Việt Nam suốt cả cuộc đời họ ăn, xài có hết đâu. Họ đi có lẽ một phần cũng vì cái hào nhoáng bên ngoài khoe khoang gọi hình ảnh về của thân nhân, mà phần khác chính đáng hơn là họ thấy nơi quê hương của họ không được thoải mái ở mọi phương diện, nhất là vấn đề tư tưởng, nên họ mới ra đi. Ở đâu thì cũng thế; nhưng có lừa mới có khói chứ?

Nhiều nhà Sư cũng thế, khi qua đến đảo họ tự đóng cho mình mỗi người một cái khung để họ ngồi trọn vào trong đó. Khi đến một nước thứ 3 định cư, họ thấy nó không giống như thế nên mới đâm ra khổ đau và trách trời, giận người. Khi ở Việt Nam thì muốn đi cho khỏi nước; nhưng khi đến đất nước tự do rồi lại muốn trở về Việt Nam. Quả thật, đời là một sự lẩn quẩn không lối thoát.

Đa số họ muốn có tiền cho thật nhiều, cho thật lẹ; nhưng họ đâu có ngờ người địa phương cũng phải đầu tắt mặt tối đi làm mỗi



ngày 2 xuất mới có thể dành dụm để mua trả góp chiếc xe, cái nhà trong vòng mấy chục năm. Ai biết cho họ điều đó. Còn mình ở đây khi đi tìm việc, muốn làm việc nhẹ; nhưng thiên thì muốn kiếm cho nhiều. Quả thật, người Việt Nam mình muốn những điều mà thiên hạ ở đây khó muốn được như thế lắm.

Có nhiều nhà Sư ra ngoại quốc khoe khoang đủ điều, nói rằng ở Việt Nam đã học y khoa năm cuối, đi làm việc trong bệnh viện, con cháu đế vương. Khi về lại nước để thăm chơi, nói rằng mình là giám đốc ngân hàng, sáng lập chùa này chùa nọ và đậu Y khoa Bác sĩ tại Đại Học đường kia. Đúng là bệnh giả tưởng của thời đại. Không biết giới thứ 4 trong 5 giới, vị Sư này đã hành trì chưa?

Sư Sãi, Thượng Tọa, Đại Đức đã như vậy thì còn nói gì đến Phật Tử hay người thường. Dĩ nhiên cũng có nhiều người Phật Tử khá hơn Sư nữa; nhưng họ đâu có khoe trương bằng cấp. Họ là Tiến sĩ, Kỹ sư; nhưng với họ, nó chẳng có ý nghĩa gì. Còn ở đây người tu, bảo người ta hãy phá chấp, còn mình thì chấp chặt nặng nề.

Bởi vậy đã có nhiều người Tăng Sĩ tự thú rằng: Khi còn là Cư sĩ, đang mặc áo cư sĩ; nhưng tâm luôn hướng đến cuộc sống tâm linh của một người tu. Còn bây giờ, đã được làm Tăng Sĩ rồi, mình mặc chiếc áo Tăng sĩ; nhưng tâm tư lại hướng về cư sĩ. Câu nói ấy tuy nó nhẹ nhàng bình dị đây; nhưng nó có giá trị rất nhiều trong hiện tại. Nếu ai là Tăng sĩ hãy tự nhiệm lại xem có đúng phần nào chăng?

Cũng vì thấy cách thức sinh hoạt trong chùa viện nơi đây có khác xa ở Việt Nam và những nơi khác trên thế giới; nên Sư Tịnh Thường muốn ở riêng. Mà muốn ở riêng thì phải có vốn liếng và tín chủ. Riêng về phần vốn liếng, Sư đã có ít nhiều, mang theo từ Việt Nam sang đây. Còn nghề nghiệp thì chẳng có gì ngoại trừ nghề chuyên môn là hốt thuốc Bắc và chân mạch cho thuốc.

Ở đây tương đối họ cũng dễ dãi, cho bà con Á Châu mình nhập cảng thuốc Bắc; nên nhân cơ hội này Sư Tịnh Thường đã

được nhiều nữ tín đồ tin tưởng và nhờ Sư hốt thuốc cho. Thật sự ra ở Việt Nam Sư cũng đã chẳng học nghề thuốc. Nhưng vì hoàn cảnh đẩy đưa, sau năm 1975 nhà nước cho dùng thuốc Nam, đa số dùng toàn cây cỏ. Mà nhà chùa chính là nơi dân chúng hay tin tưởng, nên đến đó hốt thuốc trị bệnh và cũng chính vì lý do này cho nên Sư đã biết được chút ít về tên gọi của các cỏ cây trong toa thuốc. Từ thuốc Nam chuyển sang thuốc Bắc cũng không khó gì. Thuốc Nam ở đây ý nói là thuốc của phương Nam hay thuốc của nước Việt Nam, còn thuốc Bắc là thuốc thuộc phương Bắc hay thuốc Tàu.

Trong những người tín chủ hay đến với Sư, có nhiều nhà giàu có và có máu mặt ở thành phố này. Họ cũng giàu lòng từ thiện, nên đó cũng là cái phao để Sư có thể bám vào. Dĩ nhiên không phải là để đào mỏ; nhưng ít ra nơi đó cũng là một cái thể dựa vững chắc, khi cần đến.

Sư còn thêm một biệt tài là đoán tướng bàn mộng nữa; nên nhiều bà đã tin Sư rất nhiều. Sư kể chuyện đã hấp dẫn lôi cuốn người nghe thì việc thêm mắm dặm muối vào có khó gì đâu. Ở đời người ta nói đây là người sành tâm lý mà.

Một hôm Sư tâm sự với một Phật Tử rằng:

- Tâm Chơn xem này! Khi thấy một người ăn bận lôi thôi, nét mặt nhăn nhoe, bàn tay sần sù, dáng đi mệt nhọc, phải biết ngay là người lao động cực nhọc, cứ thế mà nói về gia đạo, tình duyên, con cái, tiền bạc v.v...

Nếu nhìn một người sáng sủa, trên mặt không lộ vẻ ưu tư phiền muộn; dài các, vàng trán cao, đi xe đẹp, thì phải biết ngay là dân có tiền, cứ thế mà đoán tới, thế nào cũng đúng trên 50 phần trăm. Mà thông thường người đi xem tướng chỉ tìm hiểu ở điều đúng, ít để ý tới điều sai; nên hay quên đi cái nhỏ và thổi phồng cái lớn, thế là mình nổi tiếng nhanh thôi.

Nếu nhìn một anh mặt mày sáng sủa, đẹp đẽ, ăn mặc đàng hoàng, phải biết người đó thuộc hạng Kỹ sư, Công chức hay Bác sĩ, Giám đốc gì đó, thế là mình cứ tự nhiên phẫn tới để đoán ái tình, tiền bạc, gia đạo v.v... là trúng boong hà.

- Bạch Sư! Làm thế có tội không Sư?

Nghe hỏi câu hỏi này, Sư không thoải mái chút nào; nhưng Sư cũng cố gắng trả lời:

- Mặc dầu điều ấy Phật đã cấm, không cho người tu đoán mộng, xem tướng; nhưng họ cần mình, chứ mình có nài nỉ họ đâu?

- Sư nói vậy chẳng khác nào, không làm y sĩ mà treo bảng chữa bệnh; nếu phước chủ may Thầy bệnh lành thì Sư tiếp tục chẩn đoán, còn lỡ tay làm chết con bệnh thì Sư chạy tội sao?

- Ủ! Thì Tâm Chơn có lý đấy; nhưng trong cuộc sống này, Tâm Chơn không biết rằng tất cả chỉ là phương tiện sao?

Một hôm có một bà Phật Tử tới nhờ Sư hốt dùm một thang thuốc, vì ăn chẳng thấy ngon, ngủ cũng không yên: Đầu tiên Sư bắt mạch và đứng thế thấy mạch nhảy không đều, chứng tỏ rằng bệnh nhân lo nghĩ nhiều quá. Sẵn đà Sư hỏi tới và bà ta tâm sự với Sư:

- Sư thấy đó nhà con có hai tiệm vàng. Con cái thì năm bảy đứa, đứa nào cũng tranh quyền và tranh của, làm con khổ đau quá. Không biết là chia cho đứa nào nhiều đứa nào ít. Còn chồng con thì cũng mới mất đây thôi; nên cũng khó xử quá. Phải chi ông còn sống thì con đỡ lo về vấn đề này.

Sư nghe câu chuyện, như bắt được đường dây, nên dò hỏi tiếp:

- Bà thí chủ nói vậy, con cái ở đây khó dạy bảo lắm sao?

Được lời như cởi tấm lòng, thế là bà ta kể có dây có nợ, như sau:

- Sư thấy đó, ở Việt Nam mình là cha mẹ nó, chứ qua đây nó là cha mẹ mình. Ở Việt Nam con cái lớn lên, cha mẹ dựng vợ gả chồng. Còn ở đây khi chúng nó lớn lên mình chẳng có quyền gì cả. Lâu lâu nó dẫn về một thằng "bò" địa phương hay con "bò" địa phương, con trông mà phát ghét, đầu cổ tóc tai thấy chẳng giống ai hết, ăn nói vô lễ, không dạ không thưa trong khi miệng nhai bồm bẻm kẹo cao su...

Rồi tiền bạc, sự nghiệp cũng thế. Ở đây cứ đủ 18 tuổi là chúng đòi ra riêng, đòi có xe hơi, nhà cửa, máy móc v.v... Cái gì cũng riêng hết trội, làm cho con nhưr đầu quá không biết tính sao, nên quên ăn mất ngủ cũng vì cái lũ con này. Không biết Sư có diệu kế gì không giúp con với?

Đó là những gì bà Phật Tử này thổ lộ, mà Sư cũng đã nghe hàng ngàn câu chuyện giống nhau như thế thôi, chỉ có nhân vật là thay đổi chút đỉnh, còn nội dung cũng tợ tợ như thế, cha mẹ thì không hài lòng về con cái, còn con cái thì bảo cha mẹ rằng:

- Sư coi đó, mấy ông bà này già rồi, cổ lỗ xỉ lảm. Việc hôn nhân là chuyện riêng của tụi con chứ đâu phải của ông bà, mà ông bà cứ xía vô hoại? Tụi con có tự do của tụi con chứ. Tụi con đã lớn rồi đâu phải còn trẻ nhỏ nữa đâu?

Sư nghe bên nào cũng có lý hết, Sư chẳng biết tính sao đây? Nhưng với Sư, đây là một diệu kế để mình có thể chinh phục cả hai phía về một mối. Mối nào cũng được, miễn sao mọi chuyện êm xuôi là được.

Sư là người tu hành, Sư muốn mọi chuyện êm xuôi là được rồi. Và lại nếu có, thì chủ lo lắng cho Sư chút đỉnh cũng tốt rồi. Dĩ nhiên là Sư không có bụng xấu để hại ai cả, dầu cho kẻ đó là thân hay sơ. Sư học về pháp vô thường, xem mọi vật trên thế gian này không có gì là bền chắc cả; nhưng nhiều lúc cái cuộc sống ở xứ sở

này nó không cho phép Sư dừng dừng như vậy được. Nên cũng phải chấp nhận một số hình thức nào đó.

Có được một bà thí chủ như vậy kể ra ở xứ này cũng khó thật đấy. Vì thế, lúc nào Bà Bảy, pháp danh Diệu Đạo cần gì là Sư giúp ngay... Ví dụ như đau ốm, bệnh tật, nhà có chuyện buồn và tụng kinh cầu nguyện v.v... huống gì ở đây, bà mới mất chồng, con cái không nghe lời mẹ, bà buồn lắm, bà cứ tâm sự với Sư hoài.

- Bạch Sư! Chủ nhật này con sẽ lên Tịnh Xá để kinh kệ, sau đó mời Sư về nhà con cúng đèn tuần thất thứ 6 cho ông nhà con, mong Sư hứa khả cho.

- Tại sao Bà Bảy không cúng ở Chùa? Ở đây có đông chư Tăng mà? Sư hỏi thế.

- Bà im lặng một hồi lâu mới tiếp. Sư thấy đó, ở đây dụ cho tụi nhỏ đi chùa lễ Phật, nghe kinh, nghe thuyết pháp muốn rã cả hơi. Mục đích của con là tụi nó có hồi tâm hướng thiện chút nào không? Nhưng đâu có đũa nào tới. Con cái ra cái xứ này rồi, nó trở thành mẹ cha của mình, sai không muốn nổi. Ngược lại nó cứ sai mình hoài. Vì lý do ấy nên con muốn mời Sư về nhà để cúng cho ba nó và dụ cho tụi nó nghe kinh, vì thế cho nên không cúng ở chùa.

Bà Diệu Đạo còn muốn bày tỏ nhiều hơn nữa; nhưng nhìn đồng hồ đã trưa nên lại thôi.

Sau khi lễ Phật ở chùa xong, sư đưa bà về nhà. Ở đây kể cũng lạ. Sư nào, Thầy nào, Cô nào rồi cũng phải học lái xe hết. Già, trẻ gì cũng phải học ráo. Vì ở đây không ai giúp ai được. Chỉ có mấy bà già đành chịu trận, phải đi xe nhờ, không phải nhờ con, mà họa hoằn lắm nó mới rảnh để đưa mình đi chùa. Nếu bữa nào đó nhằm ngày chủ nhật, mà phải lựa lúc nó thật vui kia, mới dám nhờ nó đưa đến chùa. Mới vừa đến cổng chùa nó đã thả mình đó và cũng không buồn hỏi là mấy giờ con đến đón má về. Vì thế nên Bà Bảy cũng đã nhiều lần, sau lễ đi ké với người này, người kia về nhà.

Nếu đi ké không được, bắt đắc dĩ lắm bà mới phone về nhà cho con cái đến đón. Nhìn cái mặt nó chẳng ưa chút nào, bà tự nghĩ:

- Hồi nhỏ mình nuôi nó đâu có kể gì khó khăn, tội lỗi. Việc gì miễn nó vui là mình làm cho nó liền. Bây giờ niềm vui vừa mình chỉ có đi chùa đi chiền, nhờ nó mới có một chút chuyện, nó đã giận hờn rồi. Hay là đời trước mình bất hiếu với cha mẹ, nên đời này con cái nó bất hiếu với mình như thế? Thế rồi bà suy nghĩ mông lung...

Nhiều lúc bực quá, tự đi đến chùa bằng xe Bus và lúc đi về cũng vậy; nhưng bà đâu có biết hỏi ai và đi bao nhiêu trạm thì dừng mới tới nhà và tới chùa, chung quanh bà toàn là Tây đen, Tây trắng, mình nói nó chẳng hiểu mà nó nói bà cũng chẳng hiểu. Một hôm nọ bà hỏi bà bạn thường hay đi chùa bằng xe Bus rằng:

- Chị Ba, từ nhà tui đi đến chùa mấy trạm vậy chị?

- Ủ! Để coi này! Một, hai, ba... 15 trạm chị Bảy. Cứ đếm đúng 15 lần dừng là xuống xe. Đó là chùa, chùa nằm ngay trước mặt đường này này.

Nghe lời bà Ba, một hôm bà Bảy cũng lên xe Bus, bấm thẻ rồi bắt đầu đếm. Bà hồi hộp lắm. Bà đếm tới lần thứ 13 rồi thì bà đứng lên và đến lần thứ 15, thì bà xuống, khi xuống xe chẳng thấy chùa đâu cả, mà thấy toàn đắm Tây đen chỉ chỏ mình. Bà sợ quá, bỗng đâu có người da trắng đi qua, bà đưa số điện thoại, nhờ quý Sư ra đón bà vào. Khi đến được chùa bà mừng quá, kể huyền thuyền và có ý trách bà Ba.

- Chị Ba ơi! Sao chị bảo tôi đếm đúng 15 trạm thì xuống xe. Tôi đếm có sai đâu, mà sao khi xuống xe chẳng thấy chùa gì cả, may mà nhờ thằng Tây trắng chứ không thì chẳng biết làm sao.

- Chị đếm sao đâu chị Bảy?

- Thì 1, 2, 3, 4 ... chứ sao?

- Không phải! Đếm là đếm trạm dừng xe kia, chứ đâu phải mỗi khi xe dừng đèn đỏ đèn xanh, chắc chị cũng đếm tuốt luốt, nên chưa tới chùa đã vội xuống xe rồi chứ gì? Thôi để em chỉ chị cái này để nhớ hơn nghe.

- Trước chùa mình có tấm bảng quảng cáo đó. Trên đó có dán hình thằg Tây cỡi ngựa. Chị không cần đếm trạm nữa, hễ cứ thấy cái bảng quảng cáo có thằg Tây cỡi ngựa là xuống xe vào chùa gọn bậ hà!

Bà Bảy Diệu Đạo nghe lời vậy thấy dễ dàng quá và bà tập đi, đi một mình cho bõ ghét để khỏi phải nhờ đến tụi con cái khó dạy nữa. Hôm đó bà ngồi trên xe Bus, mắt cứ đạo bên này, trong bên kia, nhìn hoài các tấm bảng quảng cáo; nhưng chẳng thấy hình thằg cao bồi cỡi ngựa nữa, bà thấy không tiện nên đã xuống xe, hỏi thăm một người Việt đi qua đường mới biết là bà đã đi lố 10 trạm rồi, may mà người ấy chở dùm bà đến chùa, chứ không thì rõ khổ.

Đến đây bà Bảy phân trần với bà Ba nữa.

- Tại sao chị biểu tôi đi đến chỗ có bảng quảng cáo thằg cao bồi cỡi ngựa gì đó thì xuống, tôi hôm nay đi hoài có thấy chi mô?

- Thế là họ đổi bảng mới rồi đó. Thông thường cũng một, hai tháng nó mới đổi quảng cáo một lần, sao hôm nay đổi lẹ vậy cà? Thế rồi cả hai bà ôm nhau cười ra nước mắt.

Bây giờ thì bà đã rành đường hơn xưa khá nhiều; nhưng nếu Sư chở được về nhà thì còn gì quý bằng, nhanh hơn, vả lại cũng tiện hơn. Còn Sư thì cũng hoan hỷ nữa. Đây cũng là dịch vụ mới của Sư, đưa đón quý bà, quý cô, dĩ nhiên là không có thú lao chi, lâu lâu, khi nào hết xăng, có ai đi trên xe đồ dùm thì cũng đỡ cho Sư chút ít vậy mà.

Khi về đến nhà, bà Bảy phải hâm lại đồ ăn cho nóng, lên đèn nhang và sửa lại mấy đĩa quả cũng như bình bông để cúng ông nhà. Tụi nhỏ, nói là nhỏ; nhưng tụi nó đã có con lớn hết rồi, uể oải đi đến chỗ cúng, vái vái lạy lạy cho có chuyện, trông xong cho mau để tụi nó còn có nhiều đề mục khác trong ngày chủ nhật nữa.

Hôm đó Sư giảng về vô thường, về khổ, không và vô ngã, hay lắm so với bình thường; nhưng nhìn mặt mấy người con, người nào cũng nhăn nhó khó chịu; nên Sư lại ngưng, trong khi bà Diệu Đạo tiếc nuôi vô cùng.

Đây cũng là cơ hội để làm quen với gia đình, nên Sư đã hỏi tên từng người một, con cháu v.v... Sư có biệt tài nhớ dai và kể chuyện hay, nên không mấy chốc Sư đã chinh phục được mấy đứa nhỏ, cháu nội và cháu ngoại của bà. Sư đem chuyện Tề Thiên Đại Thánh, Tề Công Hòa Thượng, Đạt Ma Sư Tổ, quan Âm Thị Kính v.v... kể cho tụi nhỏ nghe, chúng say sưa theo dõi. Người lớn cũng thế, dần dà rồi cũng làm quen với Sư một cách dễ dàng.

Sau bữa cúng tuần hôm ấy về chùa, Sư cảm thấy vui vẻ hơn xưa và cũng có ý đem những thành quả ấy khoe với các Sư trong chùa nữa. Hôm ấy tình cờ lại có Sư Chơn Nghĩa, mà Sư này thì không ưa Sư Tịnh Thường mấy; nhưng chẳng có sao, vì vui miệng nên Sư kể đủ điều.

Nào là bà này giàu có lắm, có cả hai tiệm vàng và con cái, đứa nào đứa này cũng đẹp trai, học giỏi v.v... và v.v... thế là Sư cứ thao thao bất tuyệt về gia đình này.

Một hôm giữa mùa hè nóng bức, Sư đang đọc thư từ viết Nam gửi sang, bỗng nhiên có điện thoại reo. Sư nhắc phone và nghe đầu kia là giọng nói của bà Bảy Diệu Đạo.

- Bà hôm nay khỏe không?

- Vì không khỏe con mới kêu Sư đây chứ!



- Bà có chuyện gì vậy?

- Mấy bữa nay lo lắng hơi nhiều nên tim con nó mệt quá, Su ghé tiệm con để xem mạch dùm cho con đi.

- Khoảng 20 phút nữa Su tới.

Sau khi chẩn mạch xong, Su đi đến một tiệm thuốc Bắc gần đó để bốc thuốc, Su định đi thẳng lại tiệm; nhưng Su chợt nhớ mình còn quên một điều là nhờ Bà Diệu Đạo xem lại dùm mấy hột mình mang theo lúc đi t□ạn, cũng như mấy cây vàng. Nếu được giá thì mình bán, lấy tiền đó để mua nhà làm chùa. Nghĩ vậy nên Su trở về lại chùa cùng với gói thuốc Bắc và sau khi soạn những đồ quý giá ấy xong, bỏ vào trong túi đựng y áo và lái xe chạy đến nhà của bà.

Trời hôm đó sao mà nóng thế. Su có cảm tưởng như mình đang ở tại một lò thiêu, mặc dầu trong xe mở máy lạnh. Nhìn lên trời thấy một bầy quạ đen đang bay lượn tứ tung, thỉnh thoảng lại kêu lên những giọng ai oán. Thông thường Su đã đoán già đoán non cho sự việc sắp tới; nhưng hôm nay, chẳng biết sao Su không để ý gì mà còn vui vẻ, đi về hướng cửa tiệm của bà Bảy Diệu Đạo nữa.

Bước vào cửa tiệm lúc bấy giờ vắng hoe, không có một người khách hàng và thường ngày người con trai ngồi bán chung với bà Bảy, bây giờ cũng chẳng thấy đâu, chỉ thấy một tiệm vàng to tướng nhưng chỉ có một bà già. Sau khi đưa thang thuốc cho bà Bảy, Su chỉ cách sắc thuốc và pha chế xong, Su ngồi xuống một ghế của khách hàng thường hay ngồi, đối diện với bà Bảy và đem những món nữ trang ra để hỏi bà.

- Bà Tín thí ời! Hôm nay tôi mang mấy món nữ trang nhờ bà xem dùm đó. Đoạn Su từ từ lấy mấy món đồ quý giá ấy ra mà lâu nay Su ấp ủ nó, không khác gì người thân của mình và nhất là những món ấy có liên hệ với cô Trần thị Diệu Duyên nữa. Tuy Su không có tình ý gì với cô ấy mặn nồng lắm; nhưng cô đã tận tụy lo

cho Sur, Sur cũng phải nhớ đến ơn của vị nữ tín chủ này chứ. Có nhiều lúc Sur sẫm se, nhìn ngấm như để hồi tưởng lại một quá khứ xa xăm nào đó; nhưng hôm nay và có thể trong thời gian tới, những món trân bảo này không còn ở với Sur nữa. Sur đã nhọc công mang nó từ Việt Nam qua đảo và từ đảo qua Âu Châu, rồi từ Âu Châu qua để tận xứ này và cũng đã nhiều lần Sur đã đem khoe cho nhiều người biết. Có người thì khen Sur, sao mà rành quá vậy. Có kẻ thì chê Sur, tại sao đi tu mà còn ham những của cải ấy làm gì?

Bây giờ đây trước mặt Sur là một tiệm bàng, một bà chủ có tín tâm, sư cũng đâu có ngại ngần gì để trình bày hơn thiệt với bà.

- Bà Bảy Diệu Đạo ơi! Tôi khổ công lắm đó, mới giữ đến ngày hôm nay được, nhờ bà đánh giá dùm đi nghe.

Nếu được tôi nhờ bà lấy dùm, để có tiền còn đóng tiền thế chun mua chùa nữa chứ.

- Sur đưa cho con xem đi. Á! Đây là loại cà rá 6 ly nè. Đây là mấy cây vàng thê; nhưng sao nó không lên nước vậy Sur?

- Như bà biết đó! Nó ba chìm bảy nổi theo tôi như vận nước trôi mà, hết đi chỗ này đến chốn nọ, nhất là qua cả một đại dương lúc đi t□ạn, với sóng to gió lớn, có lẽ vì nước biển ăn vào, phải không bà?

- Nhưng không sao Sur, con còn thấy rõ mấy chữ "Vàng Kim Thành" đây rồi. Sur biết không? Bây giờ người mua họ kén chọn lắm mình chỉ cần sơ hở một chút là mất đi mấy phần trăm liền hà?

Còn hột này cũng khá cũ, cạnh cũng không còn sắc bén nữa, màu đã ngả từ trắng sang đục. Không biết con có lo cho Sur được mấy hột này không?

Bỗng đâu Sur nghe một cái giáng như trời đánh áy xuống bả vai mình và động tác phản xạ tự nhiên của Sur là thâu hết mấy loại

nữ trang ấy bỏ vào trong túi (đây) đựng y áo trở lại, rồi như búa bổ tiếp tục nện lên đầu lên cổ Sư, Sư chẳng còn biết ngày đêm năm tháng gì hết.

Sư thấy trong người đau nhức lạ thường và cố cựa quậy cho thật mạnh, nhưng nhấc cái tay không muốn lên và khi tỉnh ra thì thấy mình đang ở trong phòng vệ sinh, cận kề sát cái nhà tắm. Máu me đầm dề, Sư cố gượng ngồi dậy thì một bóng đen từ ngoài chạy vào, thấy Sư la oí oí, hấn ta nện luôn cho Sư mấy đòn chí tử, rồi hình như nó lấy cái búa của y thị đang cầm, bổ xối xả vào tay vào đầu và lưng của Sư, nhất là hai bàn tay của Sư giờ đây như bằm dập hết. Sư đau nhức quá nhưng biết kêu ai bây giờ. Sư nghĩ là bà Bảy ở bên ngoài chắc cũng không thoát khỏi những khó khăn với người lạ mặt. Sư nằm yên đó trên vũng máu, có lẽ chừng một tiếng đồng hồ sau, không còn nghe tiếng động tĩnh gì phía bên trên tiệm vàng nữa, nên Sư đã cố gắng mở vòi nước lạnh cho nước đổ xối xả vào đầu vào cổ mình. Lúc ấy Sư mới thật sự tỉnh táo lại đôi chút. Đoạn Sư nghe tiếng rên phều phào nhỏ, Sư cố hết sức mình và lấy hai tay gân nát như tương của mình chống vào tường, vào cầu và men theo tiếng rên la để đi đến, thì hỡi ơi! Nơi đây bà Diệu Đạo đã nằm sóng sượt ra đó, bà nghe tiếng động, nên kêu lên: Sư ơi! Sư cứu con với, Sư cứu con với !!!

Lúc bấy giờ đầu óc Sư như bán loạn, biết tính sao đây. Điều căn bản là phải gọi cảnh sát; nhưng tiếng tăm thì Sư không rành, vì mới qua xứ này mà. Thôi thì cứ cứu người trước đã. Và lại, đây cũng là việc làm của một người thầy thuốc nữa. Hơn nữa, Sư còn là một tu sĩ nữa. Sư không đang tâm nhìn bà tín chủ của mình ở trong trạng thái hấp hối ấy. Thế là Sư ra tay nghĩa hiệp cúi xuống đỡ bà ngồi dậy; nhưng nào bà có ngồi nổi dậy đâu. Sư quan sát thật kỹ, cổ bà đã bị cắt, bị chừa nhiều vết thương đang còn tuông xối xả máu me, trông khiếp quá. Trong khi đó bà Bảy phập phều nói với Sư làm cho cả mặt Sư và nhất là trên hai vàng kính trắng Sư đang đeo, bị dính máu nhầy nhụa. Thế rồi, Sư kiệt lực quá mới thả bà xuống và lúc bấy giờ Sư cố gượng hết sức để chạy ra phía trước cửa đề tri hô lên là cướp của giết người. Lúc ấy giữa trưa, thanh vắng lắm. Người hàng xóm bên cạnh có lẽ đã thấy và nghe

cảnh tượng hãi hùng ấy, nên mới đi báo cáo cho cảnh sát hay, chẳng mấy phút cảnh sát đã có mặt đầy đủ.

Lúc bấy giờ Sư chỉ thấy hấp thoáng bóng xe Hồng Thất Tự chở mình và bà Bảy vào nhà thương và tự nhiên Sư cảm thấy lạnh, vì tất cả đồ nhà tu, gồm có chiếc áo nhứt bình, đôi kiếng trắng v.v... không còn trên mình Sư nữa, thay vào đó là một bộ đồ của nhà thương.

Đêm đó có người thông dịch báo cho Sư biết là bà Bảy đã qua đời rồi. Còn Sư thì mặt mày tê húp, đau nhức vô cùng và số phận của Sư từ đây trở đi mới bắt đầu bước vào con đường lao lý.

Các nhà tu đồng đạo của Sư đã đón Sư về lại trụ xứ?

Nhà tù đã đón Sư để chờ pháp luật xử phân?

Đó là một câu hỏi có liên quan đến: *Vụ Án Một Người Tu.*

## CHƯƠNG MƯỜI

### MIÈNG LƯỠI THẾ GIAN

**Đ**úng là: "*lưỡi không xương nhiều đường lắt léo*". Ai biết cho đâu là sự thật và đâu là mặt trái của vấn đề. Thường thì vấn đề đôi khi nó có cả ba hay bốn mặt chứ không phải chỉ trắng hoặc đen, có hoặc không như bao nhiêu người tưởng. Còn ở đây, vụ tiếm vàng bà Bảy Diệu Đạo bị mất cắp, thanh toán giữa ban ngày, mà kẻ giết người không ai khác hơn là một nhà Sư. Nghe rùng rợn quá, khủng khiếp quá! Tại sao nhà Sư lại đi làm việc đó? Sư đi tu rồi cần vàng bạc để làm gì? v.v... và v.v...

Báo chí lúc bấy giờ ở xứ tự do này thôi thì tha hồ thù dật găm hoa, tờ nào bán cũng chạy còn hơn tôm tươi nữa, vì vụ án ly

kỳ và hấp dẫn quá. Chắc trong lịch sử chưa bao giờ có sự kiện như vậy.

Có nhiều tờ báo diễn tả lại hết tất cả những sự kiện đã xảy ra và đi đến hiện trường để quan sát, tìm thân nhân để phỏng vấn và đi đến kết luận xác thực rằng. Chính Sur là người đã ăn cướp và giết người, vì hai lý do sơ khởi đã được tìm thấy. Đó là vàng bạc và hột xoàn đã tìm thấy trong đống đồ đạc của Sur. Nếu không phải Sur lấy của tiệm, vừa định bỏ chạy thì bị một toán cướp khác vào ăn thua đủ với Sur, nên Sur mới để lại hiện vật này và điều thứ hai làm cho chúng có càng rõ rệt hơn là: cả chiếc áo nhựt bình của Sur đều dính máu và dấu tay của Sur in đầy dẫy khắp mình của nạn nhân. Ngoài ra máu cũng đã dính trên cặp kính trắng của Sur. Chứng tỏ Sur là một tay lực sĩ đặc lực, nên mới có thể hành hung bà chủ tiệm vàng đến thế.

Họ đi đến kết luận là Sur đã giết người. Thế là họ tiếp tục khai thác, họ tìm đến chùa, tìm đến thân nhân để tiếp tục tìm theo dấu vết thuộc về sự kiện này.

Khi đến Tịnh xá phỏng vấn, các Sur đều có ý e dè, không muốn trả lời; nhưng Sur Chơn Nghĩa thì sẵn sàng lên tiếng, dẫn nhà báo vào phòng của Sur ở, chụp hình, tra cứu lung tung và lục lọi trên giường dưới gầm tủ v.v... chẳng lục lọi được gì cả, ngoại trừ một chiếc búa. Thế là báo chí lại có đề tài để tiếp tục phanh phui sự việc ra to lớn hơn nữa.

Những câu hỏi được đặt ra là: Nhà Sur tu hành nhưng cất búa dưới gầm giường để làm gì? Để thanh toán đồng bọn? Họ có hiềm khích nhau trong một ngôi chùa? Hay chính Sur đã chuẩn bị một màn kịch lâm ly bi đát, mà đạo diễn chính, ấy là Sur? Không biết cái búa tạ đập vào đầu bà Bảy Diệu Đạo có liên quan gì với cái búa này không? v.v... và v.v...

Cũng có nhà báo tò mò tìm đến phỏng vấn các vị Sur trưởng thượng của môn phái mà Sur đang phụng thờ; nhưng quý vị này cũng có hai, ba khuynh hướng khác nhau. Có người bênh vực Sur;

nhưng đa số vì sợ liên quan đến pháp luật; nên lại rụt rè không trả lời. Có nhiều nhà Sư hung hăng hơn, nói với báo chí rằng: Chính Sư Tịnh Thường là thủ phạm. Vì tu hành gì mà giữ dao búa để làm gì? Và lại trong thời gian ở chùa lúc nào Sư cũng nói đến chuyện tiền bạc và luôn luôn khoe khoang là người có của. Đúng là vàng bạc nó đã hại Sư rồi. Ai bảo đi tu mà còn ham của quý. Phật đã chẳng dạy rằng: Vàng bạc là con rắn độc sao?

Thôi thì đủ loại, đủ kiểu, miệng lưỡi của thế gian mà, một thêm mười. Mười thành trăm. Cứ thế mà câu chuyện càng hấp dẫn, đi vào chỗ lâm ly bi đát.

Khuynh hướng bênh vực cho Sư cũng có nhưng yếu lắm. Đại thể có vài tờ báo đạo và có vài người Phật Tử thuần thành bênh vực cho lý lẽ này. Họ nói rằng:

Không thể nào có được việc ấy. Một nhà tu nhất là đã tu hành mấy mươi năm, con kiến còn không muốn giết, đi khát hực tiền bạc không lấy và gặp thịt thà không ăn. Một người tu có lòng thương đến chúng sanh như thế, làm sao có thể giết được một mạng người, mà người ấy chính là tín chủ của mình. Còn cái búa ư? Đó chưa phải là một tang chứng cụ thể. Biết đâu trong chùa có ai ganh ghét với Sư nên mới bày ra diệu kế đó?

Có người bảo rằng: Đi tu đâu có cần tiền bạc để làm gì? Nếu có cũng chỉ để xây chùa cho Phật Tử lễ bái mà thôi. Nếu lỡ Sư có chuyện nào đó thì mình cũng phải minh oan cho Sư chứ? Đây là khuynh hướng thứ ba.

Còn có một khuynh hướng khác mạnh dạn hơn, đi vận động chữ ký để tranh thủ nhân tâm thế sự về cho Sư, chứng minh rằng Sư hoàn toàn vô tội và đóng tiền bạc để cho Sư được tại ngoại hầu tra. Đề xướng thì như vậy; Nhưng người làm thì không ai dám hy sinh. Vì sợ miệng đời, mà cũng sợ gia đình nạn nhân nữa.

Còn phía gia đình nạn nhân thì sao?

Sau khi bà cụ bị chết oan uổng như thế, dĩ nhiên là con cái phải buồn rầu rồi. Nhưng đa số, ai trong gia đình cũng đều kết tội cho Sư Tịnh Thường chính là nguyên nhân của thủ phạm và đã dẫn đến cái chết tai hại cho bà, cho mẹ của gia đình họ, mặc dầu trước đây không lâu, trong đám dâu con họ đã có cảm tình với Sư. Đúng là "*lòng người đen bạc, thế sự nhiều nhương*". Nào ai biết được lòng người! "*Ở sao cho vừa lòng người, ở rộng người cười, ở hẹp người chê*".

Một hôm nọ có hai bà Phật Tử đi chùa và xì xầm với nhau rằng:

- Chị có biết không? Cái ông Sư Chơn Nghĩa ấy ác lắm! Người ta đã thọ nạn, mà còn thêm mắm giặm muối nữa, để cho Sư Tịnh Thường không có ngày ra.

- Nhưng tại sao vậy chị?

- Nghe đâu chuyện tình, chuyện tiền gì đó?

- Mình đi chùa, nghe quý Thầy giảng về chuyện này rất nhiều. Bây giờ chính quý Thầy là những người bị mắc nạn đó.

- Thì quý Thầy, quý Sư cũng người vậy thôi, chứ bộ là Thánh đâu mà không bị nạn.

- Đúng thế! Phật ngày xưa còn phải bị nạn, và Tam Tạng đi thỉnh kinh còn phải bị thất điên, bát đảo vì yêu nghiệt trong đời. Nhưng nếu không có ma vương, làm gì ý nghĩa thành đạo của Đức Phật được chối lợi như thế? Nếu không có yêu quái và mỹ nữ, ý nghĩa thỉnh kinh của Đường Tăng đi sang Thiên Trúc đâu còn có giá trị gì?

- Chị nói cũng phải; nhưng nói gằn là chuyện của Sư nhà mình đây, theo ý chị thì sao?

- Ừ! Thì cũng khó thiệt; nhưng theo tôi nghĩ sự thật bao giờ cũng là sự thật.

- Nhưng bao giờ sự thật mới được phô bày?

- Chị thấy đó, Quan Âm Thị Kính cứ giữ nổi hàm oan, cho đến cuối đời thì người đời đã rõ đâu là tà, đâu là chánh.

- Nhưng đó là Bồ Tát tái sanh để độ người, còn đây là Sư. Sư nhà mình mà chị?

- Thực là khó xử quá! Phải chi lúc đó có người thứ 3 nữa thì nội vụ đã được sáng sủa rồi.

- Nhưng chị có nghĩ rằng đằng sau đó, nếu chị nghĩ là có nhân chứng thứ 3 đi chẳng nữa, có chuyện gì mờ ám chẳng?

- Có ai tham khó phụ bản? Có ai đứng dưng trước sắc đẹp không chị?

- Không lẽ chị muốn nói đến việc con cái chúng muốn thanh toán nhau để chia của cải à?

- Nhưng tại sao không? Chị thấy đó. Ở xứ này nó xảy ra nhan nhản hằng ngày. Con giết cha, vợ giết chồng, anh em bè bạn thủ tiêu với nhau; nhưng phải qua một bàn tay thứ 3 để tránh tiếng dị nghị với đời.

- Vậy theo chị, chắc có gia đình nhúng tay?

- Điều ấy chưa hẳn thế! Nhưng nghi thì cứ nghi.

- Chị không thấy nghi là một cái tội không?

- Nhưng nghi ai bây giờ, nghi để làm gì?



- Còn Sư, lâu nay Sư có biện bạch gì không chị?

- Tôi thấy êm ru, chẳng có tin tức gì hết. Sư qua đây tứ cố vô thân, không nơi nương nhờ, mới tìm cách ở chung với quý Sư đó cho đỡ tốn kém, rồi bây giờ tìm cách ở riêng nên mới ra nông nỗi này.

- Theo chị thì chị em mình nên tính sao đây?

- Tìm cách đi thăm Sư chứ làm sao nữa!

- Nhưng ai là người vận động việc ấy đây?

- Cũng khó thật; nhưng không lẽ để Sư như vậy à?

Người này nói qua, người kia bàn lại; nhưng rốt cuộc rồi đâu cũng vào đó cả. Bỗng một hôm có một tờ báo loan tin rằng: Vụ án này, phía sau có nhiều nghi vấn. Người ta cố đọc cho hết bài, mà cũng đúng là nghi vấn thật. Chẳng có câu giải đáp nào cả. Nếu có, cũng chỉ nằm trong vấn đề nghi vấn mà thôi.

Trong khi đó tiệm vàng của bà Diệu Đạo sau khi đã niêm phong điều tra, bây giờ luật sư đã giao lại cho con cái của bà cái trách nhiệm thừa kế. Vì lẽ bà Diệu Đạo chưa có di chúc cho đứa con nào cả; nên theo lời đề nghị của luật sư, tài sản đều được chia đều cho con cái trong gia đình; nhưng việc ấy đâu có đơn giản, trong khi người con cả dành phần nhiều về mình và đứa con gái cũng đòi hỏi nam nữ bình quyền, nên trai gái phải chia đều nhau. Từ đó có màn tranh cãi nhau và đây cũng chính là cơ hội để luật sư ăn tiền của thân chủ mình mà thôi. Cuối cùng rồi ngư ông đắc lợi thôi, chỉ có ngao sò là bị thiệt. Điều ấy hẳn đúng, gia phong của bà Diệu Đạo giờ đây sa sút lắm, nhất là khi bà mất đi, anh em tranh giành của cải với nhau, bạn bè đàm tiếu, người đời chê cười, chỉ có lợi cho thị phi nhơn nghĩa mà thôi.

Còn Su? Su cô đơn lắm, kể từ ngày vào nhà thương ấy, bà Diệu Đạo đi vào cõi chết, Su vẫn còn sống đây; nhưng sao như kẻ không hồn. Theo Su, vụ án sẽ được sáng tỏ, chỉ cần một điều duy nhất là bà Diệu Đạo còn sống; nhưng chuyện ấy thì vô lý quá. Người chết đâu có bao giờ sống dậy được? Đặt giả thiết như vậy cũng như là việc đã rồi. Và lại chẳng giải quyết được chuyện gì cả?

Riêng Su, Su chỉ mong thế thôi. Su mong rằng bà Diệu Đạo sẽ về báo mộng cho con mình là đã chết oan và người giết ấy không phải là Su. Chỉ thế đó là đủ. Còn luật pháp, nếu có kết tội Su cũng không sao! Vì tang chứng vẫn còn đó làm sao chối cãi được theo sự biện hộ của công lý bây giờ.

Có nhiều bà Phật Tử đề nghị với Su, hay là bây giờ mình nên cầu cơ, để nhờ cơ giáng bút và mời luật sư tới để cho họ chứng kiến.

Bà khác lại chen vào:

- Chị thấy đó, nội cái vụ cạo gió khi có bệnh của người Việt Nam mình, mà Bác sĩ ở đây còn đòi làm "ăng kết". Còn cái vụ cầu cơ, xin cho em nhờ thôi.

- Chị nói vậy chớ Phật Giáo Tây Tạng, nhất là khi có quốc sự nhiều như, Đức Đạt Lai Lạt Ma vẫn hỏi người cốt đó sao! Người cốt cũng là loại gần giống như đồng bóng ở mình vậy!

- Nhưng ở Tây Tạng và ở Việt Nam hay Trung Hoa khác, còn ở đây là xứ văn minh Âu Mỹ mà! Ai đi tin mấy loại đó?

- Chị nói vậy chứ mấy người Tây, người Mỹ vẫn tin xem bói, tướng như thường.

- Chị thấy không? nội cái chuyện chiêm cứu đó đã thấy khó rồi.

- Ở mình, nếu có đau đầu nhức óc gì đó thì uống thuốc Bắc hoặc đến chùa nhờ Thầy châm cứu là hết ngay. Còn ở đây châm cứu cũng phải có bằng cấp. Thậm chí mấy người hốt rác, mấy người lái Taxi cũng phải có bằng mới làm được những công việc ấy mà.

- Đã đành là vậy, còn nước còn tát. Chứ không lẽ để Sư nằm trong khám hoài như vậy?

- Thiệt là tức, mình thấp cổ bé họng. Tiền đã không có mà thế lực cũng không! bây giờ phải biết làm sao đây? Một bà thốt lên như vậy.

- Người khác bảo, thì mình cứ chấp nhận cho nghiệp lực đã an bày!

- Nhưng thưa bà, mình có thể tự chuyển nghiệp của mình được mà bà?

- Nhưng oan ức không cần biện bạch, cũng là hành động tốt cho đời noi theo thôi.

- Nhưng ở đây chúng ta không muốn thấy Sư khổ!

Bao nhiêu câu hỏi, bấy nhiêu câu trả lời; nhưng tất cả đều im lặng, chờ đợi pháp luật phân minh. Đó cũng là cách làm việc tại xứ này.

## Phần 3

### CHƯƠNG MƯỜI MỘT CÁNH CỬA TÙ ĐÃ MỞ

Sau khi Sư nằm tại nhà thương để điều trị những vết bầm trên thân thể, chân Sư cũng đã bị xiềng rồi. Họ xiềng Sư không phải nghi Sư điên tiết lên, giết thêm mấy mạng người vô tội bên cạnh nữa, mà họ xiềng xích Sư, vì lẽ không cho Sư chạy trốn nơi này. Họ mong Sư mau lành bệnh và sẽ chở Sư vào tù để chờ ngày hầu tòa. Cho đến nay vụ án mạng chưa được rõ ràng, cũng như không thấy ai đóng tiền thế chân cho vụ này để tại ngoại hầu tra cả.

Thời gian cứ thế trôi nhanh, mới đó mà đã 3 tháng rồi. Trong 3 tháng này Sư có đủ thì giờ để suy gẫm về cuộc đời quá khứ của mình, về nhân tình thế thái, về Giáo Hội, về tương lai và về chính bản thân mình. Thật ra Sư cũng không trách ai cả. Vì Sư quan niệm rằng: người nào gây nghiệp, người ấy phải chịu trả quả. Ở đây cái quả của Sư phải trả là việc có liên quan đến bạc vàng. Nếu không có cái chuyện tình lâm cảm ấy. Nếu không có mấy thoi vàng và viên kim cương, hột xoàn ấy thì làm sao Sư phải ra nông nỗi này? Sư xem lại trong cuộc đời mình đã trải qua được mấy chữ "t" rồi. Chữ thứ nhất là chữ "tu", Sư đã bỏ lại cha mẹ già, lén lút ra Trung để tìm Sư học đạo. Rồi trở lại Nam, chẳng may lại vướng vào chuyện tình cảm chẳng đáng dừng với Duyên. Rồi qua đây, vì chuyện tiền tài mà phải mang họa, đến giờ phút này đang nằm trong tù để chờ luận tội. Xem ra 5 chữ "t" chữ nào Sư cũng đã trải qua rồi.

Ở tù, thật sự ra đây không phải là lần đầu. Vì Sư đã trải qua mấy lần rồi. Lần thứ nhất hồi năm 1963, khi tranh đấu chống lại kỳ thị tôn giáo dưới thời chính quyền Ngô Đình Diệm. Rồi đến năm 1966 Sư cũng đã ở tù, vì vấn đề đem Phật ra đường dưới thời ông Thiệu ông Kỳ. Đến sau năm 1975, khi người cộng sản chiếm miền Nam, Sư cũng đã 5 phen 7 lượt tìm đường vượt biên không trót lọt,

cũng đã bị tù. Rồi bây giờ ở xứ tự do này, cũng bị ở tù. Đúng là "*chữ tù liền với chữ tu một vần*" mà. Đã nhiều lần Sư than thở như thế!

Đã làm thân phận tù thì ở đâu cũng như vậy thôi. Bây giờ nằm trong khám đường này, Sư so sánh thử những loại tù để xem sao.

Hồi năm 1963 ở tù tập thể, nhất là sau ngày 20 tháng 8 năm 1963 ấy, tất cả các chùa chiền Sư Sãi đều bị bắt. Sư cũng nằm trong chính sách ấy. Khi vào tù ai cũng nghĩ rằng sẽ bị thộn vào bao bố giữa đêm khuya, rồi sẽ bị thả sông. Họ không phải sợ chết, nhưng sợ cho một kế hoạch tiêu diệt Phật Giáo có hệ thống! Cuối cùng rồi ngày 1 tháng 11 năm 1963 đã đến và mọi người đã ra khỏi đờng nhà tù.

Nhưng đến năm 1966, mục đích tranh đấu có khác đi chăng? Vẫn do Tăng Ni lãnh đạo; nhưng sao có cái gì không ổn. Tuy nhiên mình là con đẻ của Giáo Hội, không lẽ thờ ơ về vấn đề này, nên Sư Tịnh Thường cũng đã tham gia, cuối cùng bị bắt và bị đày vào ngục tối, ở chung với các Phật Tử khác.

Nhà tù là ngục thất, như Cụ Phan Bội Châu và Cụ Phan Chu Trinh đã tả vào thời kỳ cách mạng chống Pháp hồi đầu thế kỷ 20 này. Còn thời ông Thiệu, ông Kỳ nó cũng chỉ thế thôi. Ăn một chỗ ngủ một chỗ, thậm chí đại tiện và tiểu tiện cũng ở đó luôn, chẳng khác thú vật là bao. So ra thì chỉ khác có cái đầu óc biết suy nghĩ. Con vật nuôi sao chịu vậy. Còn con người nếu bị đối xử nghiệt ngã quá thì họ nổi lên đòi hỏi, mặc dầu ở trong tù cũng thế; nhưng đòi hỏi thì đòi hỏi, chứ những cai tù toàn là loại đầu trâu, mặt ngựa đâu có sợ ai mà chống với đối?

Mỗi ngày họ chỉ cho ăn rau muối 2 bữa trưa chiều. Cuối tuần lại được thăm nuôi. Thỉnh thoảng những tin tức cũng được lọt vào trong hoặc ngược lại từ trong ra ngoài qua các cộng rau muống. Đúng là nhiệm màu và "*vỏ quít dày, có móng tay nhọn*" là thế ấy.

Những chuyên viên của sự tranh đấu thì rành rẽ lắm. Nếu khi nào ở ngoài họ muốn cho quý Sư thưởng ấy ở trong tù biết tin tức thì họ tìm cách đưa vào trong bằng nhiều hình thức khác nhau, trong ấy hình thức viết vào giấy rồi cuộn tròn lại, xẻ ống rau muống tươi bỏ vào trong, bó chung lại với những cộng rau muống khác, khi thăm tù, người ta chỉ cầm xem qua loa, rồi cho qua. Khi trong, quý Sư lật rau muống ra nấu canh, hoặc ăn sống, thế là bắt được tin tức bên ngoài. Còn đưa tin ra ư? Dễ lắm. Mỗi "cà-mên" cơm đều có một từng trống, quý Sư tha hồ để tin tức vào đó rồi mang ra, bọn cai ngục cứ nghĩ rằng xách đã lưng, tức đã lấy đồ ăn rồi là xong. Đâu có ai ngờ trong ấy là những mật mã, chuyên chở tin tức cho bên trong lẫn bên ngoài biết.

Còn nhiều cách khác nhau mà thưởng bấy giờ Sư cũng như nhiều Thầy, Cô khác đã trải qua mùi cay đắng trong chốn bụi trần.

Rồi những ngày vượt biên bị bắt, hình phạt cũng đâu có kém hơn xưa. So ra còn tệ hại hơn nữa. Ngày trước bọn tù nhân còn đòi hỏi yêu sách về ăn uống, đôi khi giám thị còn nể tình và mở lượng từ bi, cho thêm chút rau, chút cháo. Còn ở tù sau 1975 thì khỏi chê. Mỗi tháng đi tắm được 4 lần. Mỗi lần được 15 phút. Mình mấy ai cũng bị ghẻ lác, trong như con chó bị chủ ruồng bỏ vậy? Còn áo quần ư? Nhiều lúc đói quá, có kẻ đã gặm nhấm đến sờn hết tất cả các cánh áo và khuy áo.

Ăn mỗi ngày chỉ được một bữa, húp một chút nước muối, đôi khi còn bị tra tấn nặng đòn; nhưng đâu dám thở than. Vì mình có tội mà. Có tội phản bội lại Tổ Quốc nên mới vượt biên, tìm đường sinh kế. Đâu có ai biết cho mình là mỗi loài sinh vật trên quả đất này đều cần đến một loại dưỡng khí khác nhau để sinh sống!

Ở đây càng chật chội hơn, mỗi người là một xà-lim và tiêu tiểu cũng đó, nhiều lúc hôi hám vô cùng; nhưng khi vào đây rồi mới thấy ý nghĩa của việc quán bất tịnh là thâm thía và thực tế nhất. Thông thường ta chỉ học qua sách vở và có tính cách lý thuyết vậy thôi; nhưng ở đây đã chứng thật thực tế rồi thì ai cũng ngộ. Ngộ ở đây là ngộ cái chân lý tuyệt diệu ấy. Chân lý ấy là:

Phân là người. Người là phân. Người từ phân mà đến, rồi người cũng trở lại làm phân. Cây cỏ cung cấp đời sống cho con người. Con người thừa trả ra chất dơ để cung cấp cho cây cỏ, rồi người lại ăn cây cỏ để sống và tiếp tục, khi già khi chết thân người sẽ cung cấp cho cây cỏ những chất dưỡng sinh. Đời là thế và Đạo cũng vậy. Chân lý ấy Đức Phật đã được chứng thật, còn chúng sanh như chúng ta vẫn còn hờ hững với điều này.

Cuối cùng rồi Sư Tịnh Thường cũng đã được ra khỏi khám đường vì bên ngoài có Sư Tịnh Đạo và cô Diệu Duyên lo lắng sao đó với công an phường và với cai tù nên đã được trả tự do. Còn ở đây, kể từ khi Sư vào đây mới chỉ có vài ba bà Phật Tử có gan tới thăm, còn tông phong của Sư, bạn hữu của Sư đâu có thấy ai đâu.

Có lúc Sư tự giải thích cho quý Phật Tử thăm nuôi nghe rằng:

- Ở đây tự do lắm. Ở tù mà như sống ở cõi tiên. Trong này có trường học, có dạy nghề, có truyền hình màu. Ăn ngày 3 bữa đàng hoàng. Riêng Sư thì mỗi tuần có 2 lần đi dạy giáo lý cho mấy người bạn tù nữa. Về dọn dẹp, vệ sinh đã có người lo, còn tù chẳng làm gì cả.

Có bà nghe như vậy nên hỏi Sư:

- Bạch Sư, nghe Sư nói như vậy chắc ở đây sung sướng hơn ở ngoài sao? Trên thực tế, thường nhật, mọi người phải tranh đấu với nhau dữ lắm mới có chỗ làm, có miếng ăn và để tránh sự mất mát công ăn việc làm, đôi khi phải làm hai xuất trong ngày để kiếm thêm tiền và bảo đảm cho cuộc sống. Theo con nghĩ và như Sư đã giới thiệu, chắc ở đây sung sướng hơn nhiều?

Một bà Phật Tử khác bấm nhẹ tay bà này và tiếp:

- Chị không thấy ở đây vẫn minh đó sao? Khi vào thăm tù họ đã đóng lên tay mình một con dấu dạ quang và khi vào đây nói chuyện tự do thoải mái mà?

- Đúng là vậy! Nhưng họ đóng dấu vào tay mình làm gì thế hở chị?

- Tôi cũng không rành lắm; nhưng nghe đâu để họ kiểm soát người mình và tù đấy chứ!

- Kiểm soát là kiểm như thế nào?

- Nếu người nào có ý gian lận tráo đổi tù nhân, thì tù nhân đi ra, không có con dấu dạ quang trên tay, tức là có vấn đề không ngay thẳng và bị bắt lại.

- Lỡ mình rửa mất dấu thì sao?

- Như chị thấy đó! Dấu này phải rửa bằng một loại xà phòng đặc biệt mới sạch được. Lúc ra khỏi cổng tù, chị sẽ nhận được xà phòng ấy.

Bà Phật Tử kia đã thông hiểu và hỏi Sư tiếp:

- Bạch Sư! Nghe nói Sư có dạy cho mấy người tù trong này, vậy Sư xử dụng ngôn ngữ gì vậy Sư?

- Có khó gì đâu! Tụng kinh và ngồi thiền. Tụng kinh thì bắt họ đọc theo tiếng Việt Nam. Còn ngồi thiền đâu có cần gì đến ngôn ngữ?

- Việc của Sư đã có kết quả gì chưa?

- Sao hồ sơ của tôi bị chìm hoai, chưa thấy động tĩnh gì ráo! Thôi thì ở đâu cũng tu vậy mà. Quý bà thí chủ cứ an tâm và về nhà cầu nguyện cho Sư đi.

Nhiều bà cảm động lắm; nhưng cũng chẳng biết giúp Sư được gì hơn nữa! Thôi cứ để vậy mà chờ đợi. Lẽ ra bên bị can cũng phải



có một Luật sư để biện hộ; nhưng ai cũng sợ bị liên lụy nên không dám đứng ra công khai vận động, nên mới ra nông nỗi này.

## CHƯƠNG MƯỜI HAI

### BÍ MẬT LẠI ĐƯỢC BẬT MÍ

Bây giờ vào năm trong tù rồi, tính đến nay cũng đã hơn 6 tháng, Sư Tịnh Thường có đủ thì giờ để kiểm điểm lại những gì đã xảy ra trong cái chết oan uổng của bà Bảy Diệu Đạo, người nữ thí chủ mà Sư vẫn thường quý mến. Bao nhiêu câu hỏi, bấy nhiêu câu trả lời cũng chỉ để đó mà thôi chứ chưa có gì sáng tỏ cả. Một hôm Sư nhận được giấy hầu tòa; nên Sư phải chuẩn bị để đi. Bên nạn nhân dĩ nhiên là đã có con cái của bà và ngay cả nhân chứng nữa, là ông hàng xóm bên cạnh đã kêu dùm cảnh sát lúc án mạng xảy ra. Còn bên Sư, lẽ ra phải thuê một Luật sư biện hộ; nhưng chẳng có ai lo cho vấn đề này cả. Sư cứ phó thác cho cuộc đời nên chính phủ đã cử một Luật sư làm thiện nguyện ra tranh cãi vụ này. Dĩ nhiên, khi họ không lãnh thù lao, chỉ làm với tư cách thiện nguyện thì họ đâu có hết mình. Nếu bên bị cáo tiền bạc và thân nhân lo liệu cũng đỡ đi đôi chút.

Hôm đó là ngày 15 tháng 6, cũng là ngày sinh nhật của Sư, một nhà tu mặc áo nhà tù màu xanh nước biển đã đến trước vành móng ngựa.

Ông Biện lý cuộc mở tập hồ sơ dày cộm với đầy đủ tang chứng và đồng dặc hỏi bị cáo:

- Trần Văn Nam, tại sao ông có hành động sát nhân như thế (Trần Văn Nam là tên thế tục của cha mẹ Sư đã đặt).

- Thưa không! Tôi đã không làm việc ấy.

- Tang chứng và nhân chứng đã rõ ràng, tại sao ông chối điều đó?

Đây là dấu tay của ông đã sờ vào cổ, vào người của bà chủ tiệm. Ngoài ra máu me của bà ta cũng còn sót lại nơi mặt kính của ông đang đeo lúc ấy. Còn nữa. Chiếc áo nhứt bình mà ông mặc đã dính máu của Bà Bảy. Đó là tất cả những tang chứng. Ngoài ra còn một vấn đề quan trọng nữa, trong túi ông đã có một số hột xoàn, đã lấy được và chuẩn bị tẩu thoát, thì có sự giằng co của Bà Bảy, nên Cảnh sát đã hay tin qua người hàng xóm; nên đã đến kịp thời, có phải thế không, nhân chứng?

- Đúng vậy! Chính tôi đã nghe thấy tiếng động và thấy nhà Sư này với máu me đầy mình nên kêu Cảnh sát. Ngay lúc ấy tại cửa tiệm vàng không còn thấy ai nữa hết.

Thưa ông Biện lý cuộc, lời của Luật sư thiện nguyện đứng về phía bị cáo nói rằng:

- Thật ra những tang chứng này chưa có đủ điều kiện để buộc bị cáo là sát nhân, vì lẽ theo luật pháp ở xứ này, khi xảy ra án mạng, nạn nhân hay nhân chứng phải kêu Cảnh sát ngay và không được lấy tay chạm vào bất cứ nơi đâu cả, đằng này vì không biết luật pháp sở tại, hai nữa vì tình thương của một nhà tu nên ông ta mới đến đỡ bà chủ tiệm vàng dậy, do đó dấu tay ấy chứng tỏ không phải là dấu tay bóp cổ bà chủ. Còn những giọt máu còn đọng lại trên kính của nhà Sư kia cũng thế thôi. Đó chỉ là một sự ngẫu nhiên, khi đỡ nạn nhân lên, trong tiếng nói thì thào, bà ta đã thổi mạnh vào mặt kiếng. Còn vàng bạc và kim cương hiện có trong túi (đây) đựng y áo của ông ta, theo ông ta nói, đó là đồ để dành đã mang từ Việt Nam sang và nhờ bà chủ xem hộ để đón giá.

Cả hội trường ở dưới nhao nhao lên và kẻ thì thu tay lại đâm vào hư không, người thì lấy tay chỉ trở vào bị cáo. Nói lớn lên rằng: Hãy giết nó, hãy cho nó một án tử hình. Vì chính nó là kẻ sát nhân. Rồi từng tảng khua tay múa mỏ liên tiếp như vậy được thốt ra.

Sư lắng lặng nghe như điếng hết cả người. Những tiếng nói ấy chẳng ai khác hơn là con cái của Bà Bảy. Lúc bấy giờ Sư mới

thăm thía cho tình đời nghĩa đạo. Su nhìn quanh quần gian phòng xử án hôm đó, chẳng có ai là đại diện cho mình để đi tham dự phiên tòa này cả. Su nhìn vị Luật sư trẻ kia để thăm cảm ơn ông ta. Mặc dầu Su không hiểu hết được những gì ông ta đã biện hộ dùm; nhưng Su tin chắc là những lời nói vừa rồi của ông ta không phải là những lời kết án mà là những lời bênh vực cho Su, nên bên nạn nhân mới to tiếng cãi lại như thế, làm cho ông Biện lý cuộc phải lấy búa gõ đập vào bàn mấy cái, cả hội trường mới yên lặng lại như cũ. Đoạn ông tuyên bố:

- Tòa cần 30 phút để nghị án. Mong quý vị trở lại phòng này đúng giờ như đã quy định.

Sau 30 phút, mọi người đã trở lại hội trường xử án. Lúc bấy giờ ai cũng chờ đợi một phán quyết từ quan tòa; nhưng cuối cùng rồi ông Biện lý cuộc đã tuyên bố rằng:

- Thật sự ra vụ án này còn nhiều uẩn khúc lắm! Chưa thể kết tội bị can ngay lúc này được. Bản tòa phải cần thêm nhân chứng và nhất là thời gian, ít nhất là 6 tháng mới tái xử lại vụ án này. Đến đây xem như phiên tòa thứ nhất được kết thúc.

Ai nẩy ra vẻ; nhưng không vui vẻ mấy. Còn Su được hai người Cảnh sát còng tay lại và chở về nhà tù, nơi Su đã ở bấy lâu nay.

Ở trong tù, Su học thêm tiếng địa phương để còn bập bẹ với cai tù hoặc bạn tù nữa; nên mỗi ngày Su đã học được 4 tiếng. Thời gian còn lại Su xem truyền hình, chơi bóng bàn. Thịnh thoàng cũng dọn dẹp vệ sinh và đôi khi cũng có người từ phương xa đến thăm Su; nên Su phải tiếp khách.

Ở đây việc thăm viếng cũng dễ, nó tự do như bao sự tự do khác ở bên ngoài; nhưng tất cả đều được theo dõi kỹ càng. Tất cả những cuộc nói chuyện đều được thâu băng lại, mà cả người thăm lẫn người tù đều không biết. Vì vậy không ai dám nói sự thật cho

nhau nghe gì cả. Chỉ thăm hỏi qua loa về vấn đề sức khỏe và nhiều lắm là cho người thân một ít tiền bạc để tiêu vật thôi.

Sư cũng còn được một ít an ủi là thỉnh thoảng có bạn bè ở xa tới thăm. Nhìn họ mà Sư chừa chan hai hàng lệ, muốn phân trần với bạn bè thật nhiều; nhưng Sư thấy cũng không đi đến đâu; nên Sư lại thôi.

Một hôm có một nạn nhân mới được nhốt vào ở chung trong phòng giam với Sư, may quá chàng ta là người Việt, nên Sư có cơ hội để nói tiếng mẹ đẻ của mình mà giải bày tâm sự tất cả xưa nay những gì Sư đã gặp phải. Mục đích không phải minh oan; nhưng để giải bày tâm sự.

- Nhưng sao cậu phải vào đây? Sư hỏi thế.

- Con hả Sư? Có nhiều lý do lắm. Vì thiếu tiền cho nên phải đi ăn cướp, ăn trộm. Đời con chỉ cần tiền mà thôi. Vì vậy cho nên tiền nó đã hại con và con cũng chẳng màng gì hơn.

*"Núi bốn bề là nhà của lũ thú*

*Chốn lao tù là quán trọ của đời tôi"*

Sau khi Sư nghe cậu ta ngâm hai câu thơ như vậy. Sư hỏi tiếp.

- Vậy cậu ở tù mấy lần rồi?

- Như com bữa mà Sư. Bị bắt vào lại được thả ra; nhưng chắc lần này thì khó lắm. Vì liên quan đến một án mạng. Còn Sư, tại sao Sư lại vào đây?. Mới đầu con cũng không tin là một nhà Sư; nhưng con nhìn cung cách và việc ăn chay của Sư trong trại này nên con nghi là như vậy. Thực ra không phải con mới bị bắt vào đây đâu; nhưng đã vào ra đây nhiều lần rồi.

Su hả? Ừ! Thì Su cũng liên quan đến một vụ án mạng. Nạn nhân là một chủ tiệm vàng.

- Ở đâu vậy Su?

- Ở nơi đông cư dân Việt Nam mình ở đó.

Bỗng nét mặt của hắn ta sa sầm xuống và lăm bắm những gì không biết nữa. Bên này Su Tịnh Thường tiếp tục kể lể những gì đã xảy ra cho hắn ta nghe.

Một hôm Su đi tắm, lúc trở về thấy thư từ sách vở ở đầu giường mình có gì không bình thường, nên Su kiểm điểm lại một lần thử xem sao. Đúng ra là có ai đã lục lạo gì đây rồi. Su không dám nghi là cậu Việt Nam này; nhưng có lẽ cũng đúng thôi. Vì chỉ có cậu mới đọc được tiếng Việt, còn tất cả những người bị giam trong phòng này đâu có ai hiểu mô tê ắt giáp gì đến ngôn ngữ này đâu.

Su cũng định hỏi cậu kia; nhưng lại thôi. Rồi một đêm tối trời, sau khi ngồi Thiền, Su mới duỗi lưng dài ra để nằm ngủ, thì cậu Việt Nam kia trờ tới bên Su và nói rằng:

- Su ơi! Con có điều muốn nói với Su.

- Việc gì vậy? Để mai nói cũng được mà.

- Không đâu Su! Con muốn tâm sự cùng Su.

- Cậu cứ nói:

- Thật ra thì tâm can con cần rút lắm, nhất là khi đã gặp được Su ở đây và đã hiểu biết về án mạng ấy.

Su hồi hộp quá hỏi tiếp:

- Nhưng cậu là ai? Và tại sao cậu lại hiểu rành rẽ về vấn đề này vậy?

- Con là ai, Su không cần hiểu đến. Con cũng chỉ là một tú chiến giang hồ thôi. Nhưng kẻ cướp như con cũng còn có lương tâm mà Su. Lương tâm ấy là một lời sám hối với Su đây. Nói xong cậu ta sụp lạy Su ba lạy, trong khi nước mắt lại ràn rụa chảy dài trên gương mặt còn non nớt độ chừng 25 tuổi ấy.

Su tự trấn an mình và hỏi tiếp:

- Thế nào? Cậu cho tôi biết rõ hơn đi.

- Thật ra, án mạng hôm đó có con và con là một trong những người đã hành động ấy. Việc làm của tụi con cũng chỉ vì vấn đề tiền thôi.

- Ai đã thuê cậu làm điều đó?

- Việc ấy vẫn còn trong vòng bí mật mà Su.

- Nhưng tôi tin rằng một ngày mai sẽ được sáng tỏ.

- Lúc ấy chưa biết bao giờ; nhưng có nhiều người liên lụy lắm đấy Su.

Còn Su? Su muốn trắng án?

- Việc ấy chẳng cần thiết; nhưng tôi chỉ muốn biết là ai đã chủ mưu vụ này và điều khác, mong rằng linh hồn Bà Bảy sớm siêu thoát nơi thế giới cực lạc của Đức Phật A Di Đà.

- Lâu nay con chẳng tin nhân quả là gì; nhưng sao vụ án này con thấy lương tâm con nó áy náy quá. Nếu con khai ra thì đồng bọn con sẽ bị bắt cả lũ, mà chắc chắn điều đó Su cũng không muốn; nhưng phải khai với Su, thật tình mà nói con cũng không

biết gì hơn nữa, ngoại trừ việc sám hối với Sư là hôm đó con đã có mặt nơi hiện trường và chính con... chính con là người đã hành xử không phải với Sư mà thôi. Ngoài ra còn nhiều tai to mặt lớn khác góp mặt vào vấn đề này, khó nói lắm Sư ơi! Bút đây sẽ động rùng. Con xin Sư.

Sau khi nghe câu chuyện ấy, Sư ôm đầu suy nghĩ. Chuyện đâu mà rắc rối thế. Sư tự nghĩ rằng. Hay mình hãy nhận tội là mình đã giết Bà Bảy để câu chuyện được kết thúc nơi đây và mình sẽ nhận một án tử hình là đủ, rồi mọi việc sẽ trôi vào quên lãng. Rồi Sư suy nghĩ lung tung.

Ai đã chủ mưu cà? Có phải người hàng xóm bên cạnh đã thuê bọn cướp vào cướp của giết người rồi phi tang? Hay con cái của bà ta chủ mưu vụ này? Nghĩ đến đây Sư rùng mình, không dám nghĩ tiếp nữa. Mặc dầu ở đây việc ấy xảy ra nhan nhản hằng ngày. Sư nghĩ rằng gia đình này là một gia đình gia giáo, nề nếp gia phong làm gì có chuyện ấy. Và lại tang cha chưa mãn, tang mẹ đã mang, ai có muốn điều đó đâu? Và lại bà ta đã già rồi, trước sau gì rồi cũng chết, tài sản ấy về tay con cái trong gia đình chứ đâu có thuộc về chùa mình mà họ sợ để làm như vậy? Nhưng nếu có chuyện gì đó không vui, nhiều lắm là xí phần chút đỉnh, chứ làm sao gây ra cả một án mạng lạ lùng như vậy, để làm gì? Còn nữa, nếu con cái muốn tiêu xài, thừa với bà ta và xin bà ta 5, 3 cây vàng chắc bà ta cũng không từ chối đâu, tại sao phải làm như vậy?

Sư nghĩ tới rồi nghĩ lui, nghĩ xuôi rồi nghĩ ngược và cuối cùng chẳng có câu giải đáp nào có lý cả.

Thế rồi Sư muốn nói chuyện tiếp với cậu Việt Nam kia và Sư chỉ yêu cầu cậu ta một điều là hãy làm nhân chứng cho Sư khi Sư ra tòa lần tới. Chỉ cần nói cho Luật sư của Sư biết là, chính y thị là nhân chứng có mặt tại hiện trường để cho họ điều tra tiếp tục.

Sau bao nhiêu lần thuyết phục, cậu ta đồng ý; nhưng Sư thì cũng không biết rõ được luật pháp ở xứ này là một người tù có được làm chứng cho một người tù không nữa. Tuy nhiên Sư rất

mừng và hằng đêm vẫn cầu nguyện Đức Quan Thế Âm gia hộ cho Sư được sở cầu như nguyện.

Cuối cùng rồi ngày ra tòa lần thứ hai cũng đã đến sau sáu tháng trước. Bây giờ thì Sư đã vững dạ hơn là có nhân chứng trong vụ án rừng rợn kia. Bây giờ quan tòa bắt đầu xử lại vụ kiện.

Nhà Sư Tịnh Thường thế danh Trần Văn Nam lại ra trước vành móng ngựa lần thứ hai. Lần này thì Sư an tâm hơn lần trước. Vì lần đầu không có kinh nghiệm. Và lại chẳng có chứng nhân. Còn bây giờ thì Sư an ổn trong lòng lắm. Đoạn Luật sư biện lý cuộc nói:

- Đã sáu tháng qua bốn tòa cũng đã nghiên cứu sự kiện và bị cáo hôm nay cũng đã có người làm chứng. Vậy nhân chứng đâu hãy nói lên những sự thật.

Sư đưa mắt thật nhanh và nhìn như có ý khẩn cầu người bạn tù Việt Nam kia; nhưng y thị như bị thôi miên chẳng động đậy gì cả. Khiến quan tòa phải nhắc lại một lần nữa.

- Nhân chứng đâu, xin cứ trình bày.

- Dạ em, dạ con tên là Nguyễn Văn Y, không biết, không nghe, không thấy gì cả về vụ này!

Sư Tịnh Thường mặt mày hớn hờ, bỗng nhiên tái xám đi lúc nào không hay biết. Luật sư thiện nguyện biện hộ cho Sư cũng thất vọng. Không hiểu thế nào là thế nào?

Cuối cùng thì Luật sư của Sư Tịnh Thường có nêu lên vài sự kiện nho nhỏ sư sau:

- Theo tôi, việc này ắt có kẻ thứ ba mới xảy ra án mạng ấy được. Không lẽ một ông Thầy thanh niên đánh lộn với một bà già mà ra nông nổi ấy? Một bà già làm sao có thể đánh nổi một nhà Sư



trong tư thế tự vệ được, khi nhà Sư này còn trai trẻ như vậy? Và một câu hỏi nữa được đặt ra là; Ai đã đánh nhà Sư? Và ai đã làm cho nhà Sư sưng đầu sưng trán?

Ông Biện lý cuộc cứ bóp trán suy nghĩ và có ý nghi ngờ cho phía nhân chứng. Bỗng ông tuyên bố bãi tòa và có ý muốn gặp riêng người thanh niên bạn tù của Sư để hỏi rõ tự sự như thế nào?

Cả hội trường đã vắng, bây giờ chỉ còn một Luật sư của Biện lý cuộc và cậu thanh niên này. Bên ngoài pháp đình có mấy người cảnh sát đang canh giữ.

Ông Biện lý cuộc hỏi:

- Tại sao cậu đã nhận làm nhân chứng? Rồi lúc bấy giờ lại nói không thấy, không nghe, không biết nghĩa là thế nào?

- Thưa ông! Tôi sợ bạn bè của tôi phải vào tù chung với tôi nữa; nên không dám nói hết sự thật, làm cho nhà Sư cũng hụt hẫng quá; nhưng tôi phải nói sao đây khi mà áp lực từ phía bên nạn nhân quá nhiều.

Ông quan tòa lắng lặng nghe từng tiếng một của cậu này nói và ghi sâu vào trí nhớ. Đoạn ông hỏi tiếp:

- Theo cậu nói: áp lực từ phía bên kia nghĩa là thế nào?

- Thưa ông! Nếu tôi nói lên sự thật, ông cũng chỉ để làm tin thôi. Vì tôi không nắm rõ hết mọi nguyên nhân của câu chuyện.

- Được! Cậu cứ nói.

- Tổ chức của chúng tôi đông lắm và người dưới chỉ biết một người trên ra lệnh và người trên biết một người trên nữa thôi. Cứ thế và cứ thế cho đến người cuối cùng trên hết. Vì vậy người ở trên cùng thì biết bộ hạ của mình là ai và gồm bao nhiêu người; nhưng

ngược lại thuộc hạ ở dưới thì tuyệt nhiên không biết ai là kẻ cầm đầu mình. Vì thế những gì tôi kể cho ông Biện lý cuộc hôm nay nghe đây, cũng chỉ để thêm một sự kiện mà thôi.

Theo tôi nghĩ thì có ai đó đã thuê bọn cướp chúng tôi hạ sát bà chủ để tranh giành tiền bạc của cải. Dĩ nhiên, nếu việc êm xuôi, chúng tôi sẽ nhận được một số tiền. Chỉ đơn giản vậy thôi. Không ngờ hôm đó, đúng 12 giờ trưa là giờ hành động, lại có mặt vị Sư này; nên vị Sư này đã bị oan ức đấy thôi. Theo tôi nghĩ thì có nhiều câu hỏi và câu trả lời vậy.

- Đúng thế! Nên việc xử chưa đi đến chỗ chung kết. Bởi vậy chưa tìm ra thủ phạm. Dẫn cho nhà Sư ấy có nhận là thủ phạm đi nữa, bản tòa cũng sẽ còn chờ nhiều phúc trình khác của Cảnh sát, của Luật sư và của dư luận quần chúng nữa. Thôi xin cảm ơn em và em sẽ được trả lại chỗ cũ.

Về lại nhà, đôi khi vợ con của ông cũng có hỏi về công chuyện ở pháp đình. Hôm nay tự dưng ông lại kể câu chuyện trên cho bà vợ của mình nghe. Thông thường thì ông ít làm việc này lắm. Vì nghĩ rằng chuyện công là công và tư là tư, nên đã không làm việc đó.

Nào ngờ đâu bà vợ của ông cũng là một Phật Tử thuần thành, nghe tin một nhà Sư bị nạn như vậy, bà tỏ ý phân bua với chồng:

- Ông thấy đó. Người tu bao giờ cũng chịu hàm oan hết. Tôi hỏi ông, một người tu đã hơn 30 năm rồi. Trong giới luật của Phật chế, con kiến còn không được giết, làm sao giết người? Tuy chúng ta không đồng chủng tộc với bị can; nhưng xin ông hãy thận trọng về vụ án này. Một vụ án vô tiền khoáng hậu tại xứ này chẳng? Chuyện cha có đôi khi có lãng nhãng về việc tình cảm đôi chút. Còn chuyện một nhà Sư mang tội giết người quả là có nhiều nghi vấn.

- Tôi cũng biết vậy; nhưng sự việc chưa rõ ràng thì phải tính sao đây?

Sau bữa ra tòa hôm đó, Sư về lại căn phòng giam của mình, không còn gặp cậu Việt Nam kia nữa, Sư đâm ra lo âu và cứ tự hỏi với mình rằng:

- Hay chính chủ nhân của cái chết đã gài người vào đây để thử lòng dạ mình? Nhưng Sư thì không tin điều đó. Hỏi rồi tự trả lời như thế.

Tại sao người đàn ông kia khả nghi quá. Đã nhận lời mình là sẽ làm nhân chứng tại tòa; nhưng hôm nay lại không? Chuyện gì đã làm cho hắn ta sợ sệt? Bề nào thì hắn ta cũng đã vào tù nhiều lần rồi. Bây giờ đâu có ngán ngấm một ai đâu?

Bao nhiêu câu hỏi, bấy nhiêu câu trả lời. Câu nào rồi Sư thấy cũng có lý cả. Nhưng ai và những gì sẽ là câu trả lời đúng nhất cho việc này?

Ngày lại tháng qua thế mà đã 7 năm rồi. Bảy năm trôi qua một cách tẻ nhạt trong tù. Trong suốt thời gian ấy Sư Tịnh Thường đã học và nói rất khá tiếng địa phương. Thịnh thoảng Sư đến nhà bếp trong nhà tù để trợ tài cho các tù mới, thấy tài của Sư trong việc bếp núc.

Người ta thường nói "*ma cũ ăn hiệp ma mới*"; nhưng Sư thì không. Sư đối xử với mọi người như là những chúng sanh cùng một dòng máu, Sư không phân biệt đen, trắng, đỏ, vàng, nên đã được cảm tình với rất nhiều người và ngay cả cai ngục nữa; nên việc ra vào nhà kho, nhà họp tự do hơn. Nghĩa là Sư muốn đi đâu trong phạm vi của tù, vào bất cứ giờ nào và bất cứ ở nơi đâu, Sư không bị một sự kiểm soát nào cả.

Có đi như vậy Sư mới thấy được hết mọi khổ đau của nhân thế và chính đây là cơ hội để Sư thể hiện tinh thần Bồ Tát Đạo ở chốn Ta Bà này. Ngày xưa khi còn là một Du Tăng Khất Sĩ, Sư phải đi xin để độ nhật. Còn bây giờ chính bây giờ và nơi đây đúng là nơi mà Sư có thể tế độ họ một cách dễ dàng.

Sư han hỏi họ, chăm sóc họ, vỗ về họ. Sư giảng cho họ nghe về khổ đau, tục lụy. Về vô thường, vô ngã, về Niết Bàn tịch tịnh chơn như.. Có nhiều khi Sư thấy nhiều người khóc và cũng có lắm lúc có nhiều người đến thổ lộ riêng với Sư về chuyện gia đình, chồng con, sự nghiệp v.v... Dĩ nhiên Sư cũng có nỗi khổ riêng của Sư; nhưng ở đây Sư thấy họ còn khổ hơn Sư nhiều như thế nữa và từ đó Sư có ý nguyện ở luôn trong tù để chăm sóc những người bất hạnh hơn mình.

Hạnh nguyện thì cao cả thật; nhưng đâu phải ai cũng làm được, ngoại trừ một số người có tâm địa Bồ Tát, muốn cứu độ chúng sanh.

Hình ảnh của một nhà Sư đi ủy lạo những người bạn tù, đi săn sóc vấn đề tâm linh cho những người cùng một cảnh ngộ, đã làm cho nhiều người hoan hỷ, tán thán và chính Sư cũng rất vui khi thực hiện những công việc này.

Rồi một hôm sau 7 năm không động đậy tới chuyện hầu tòa, bỗng nhiên Sư được kêu lên và được biết là sẽ ra tòa lần thứ ba vào ngày thứ hai tuần tới.

Lần này thì Sư chẳng mong gì hơn là xin tòa ở lại trong tù để coi sóc tù nhân. Nhưng Biện lý cuộc đã nói, khi Sư đã đến trước vành móng ngựa:

- Thú thật với mọi người, vụ án này sau 7 năm đã điều tra, không tìm ra được thủ phạm. Tuy có một vài việc đáng nghi ngờ cho ông Sư này là can phạm; nhưng cũng không đủ kết tội vị này là giết người.

Bên kia, vị Luật sư của bị cáo tiếp:

- Thưa ông Biện lý!, ông Biện lý nói điều ấy rất đúng và hôm nay tôi có thêm một số bằng chứng nữa để chứng minh rằng nhà Sư này không có ý vào tiệm để cướp của giết người. Sau khi thu

thập mọi dữ kiện, chúng tôi thấy rằng những nữ trang mà cửa tiệm mất không phải là số nữ trang nằm trong túi (đây) y áo của Su, mà số nữ trang này chính là của riêng Su, mặc dầu những vật này không có chứng từ là từ đâu mang đến.

Còn nữa, bọn cướp của giết người đã cao bay xa chạy. Nếu vụ án này chỉ có một bà già và một thanh niên Tăng như Su đây thì không đến nỗi phải xảy ra án mạng. Và lại, khi tìm hiểu sâu hơn thì đương sự ở đây và kẻ bị giết không có tiền án; mà ngược lại họ đã có một sự liên hệ rất tốt đẹp cho đến ngày cuối cùng khi xảy ra án mạng.

Sau một hồi lâu nghi để nghị án, ông Chánh án, ông Biện lý cuộc và Luật sư của bị can cũng như tất cả mọi người hầu tòa hôm đó đều nghe ông Chánh án đồng dục tuyên bố rằng:

- Nhà Su được tại ngoại; nhưng vụ án chưa kết thúc. Vì Su không phải là kẻ giết người. Chỉ khi nào tìm ra kẻ giết người hoặc kẻ chủ mưu giết người thì Su mới trắng án.

## CHƯƠNG MƯỜI BA

### THỜI GIAN TẠI NGOẠI

Ông bà mình vẫn thường hay nói "*nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại*" đúng quá chừng. Một ngày ở trong tù dẫu được tự do hơn những tù nhân khác; nhưng Su Tịnh Thường vẫn thấy sao mà nó dài thế!

Cứ 6 giờ sáng có kèng tập hợp là mọi người nhao nhao ngồi dậy, kẻ đánh răng, người rửa mặt, súc miệng. Sau đó là tập thể thao, thể dục.

Đúng 8 giờ ăn sáng. 9 giờ đi học nghề, học chữa hoặc làm việc ở trong nhà tù. 12 giờ ăn trưa sau đó nghỉ cho đến 2 giờ và từ 2 giờ đến 5 giờ là giờ học và làm việc. 6 giờ chiều ăn tối. 7 giờ

xem truyền hình công cộng cho đến 9 giờ và 10 giờ đi ngủ. Thời khắc biểu như thế, ai ở trong tù đều phải tuân theo; nếu không, sẽ bị kỷ luật. Sư thấy rằng thời khắc biểu ấy đâu có khác gì thời khắc biểu ở trong chùa mấy; nhưng sao thấy nó dài và lâu hơn gấp vạn lần. Đồi lúc Sư ôn lại những bài học trong tứ thập nhị chương để tự an ủi mình. Trong ấy Đức Phật dạy rằng: "*Người ở tù đâu có bao lâu, hết hạn tù sẽ được ra; nhưng người đã bị mắc vào đường tình ái rồi thì suốt đời không thể ra được*". Đúng như vậy. So sánh cái này với cái kia Sư thấy hữu lý lắm. Nhiều lúc ở trong tù, Sư trông con chim bay trên trời, Sư ao ước được cái tự do của nó quá. Sư nghe tiếng nhạc du dương, Sư ước gì mình sẽ vượt qua được không gian và thời gian ấy. Biết bao nhiêu điều ao ước đơn sơ như vậy nhưng Sư có thực hiện được đâu.

Rồi một hôm, bỗng nhiên Sư được văn phòng giám thị kêu lên giao cho một tờ giấy, trên ấy có ghi mấy chữ: "*Tù nhân Trần Văn Nam được tại ngoại*". Chỉ có mấy chữ vậy thôi. Không biết là nên vui hay nên buồn đây. Vì lẽ chốn tù đầy lâu nay mình cũng đã quen rồi. Bây giờ về lại nơi xưa, không biết có ai dung chứa mình không? hay lại bị xua đuổi nữa. Sư đang suy nghĩ vẩn vơ, bỗng ông Giám thị chìa bản tay ra trước mặt Sư và nói:

-Tôi chúc ông trở về quê quán bình yên.

-Xin cảm ơn ông. Sư miễn cưỡng trả lời thế, đoạn siết chặt tay ông. Sau đó Sư lầm lũi trở về phòng thu xếp mới hành trang và rời trại.

Đồ đạc của Sư chẳng có gì ngoại trừ mấy chiếc áo nhứt bình màu dà, mấy chiếc y màu vàng và một vài dụng cụ cá nhân của mình. Sư lục lạo thật kỹ trong cái bóp, thấy hình ảnh của song thân mình. Sư mũi lòng quá, đem tấm hình ấy áp vào mắt và tự nhiên giọt nước mắt lại lăn tròn qua hai gò má. Sư nghĩ, cha mẹ mình không biết giờ này đã ra sao rồi. Sinh con ra chưa nhờ vả được gì, mình đã xuất gia học đạo, rồi biến biệt nơi chốn thiền môn. Bây giờ ở ngoại quốc lại vào tù. Nếu mà ông bà ở nhà nghe được chắc ông bà thí chủ sẽ buồn lắm.

Chính những lúc cô đơn lạc lõng như thế này con người thường hay tìm về quá khứ và nhất là những người thân. Người đời thì có mái ấm gia đình để tìm về, còn Sư đây, không có ai hết cả. Bạn bè đồng tu ư? Họ đang dừng dung rồi. Giáo Hội ư? Họ đã sợ mang tiếng nên không chớ che gì cả. Phật Tử ư? Ai là người dám chứa mình đây?

Sau khi Sư Tịnh Thường rời công nhà tù, Sư đứng lại và quay về hướng nhà tù vẫy tay chào và nói: *"Thôi tau chào mi. Dầu sao đi nữa mi cũng đã cứu mang tau 7, 8 năm trường. Trong những năm tháng dài dằng dẳng ấy, chính mi là bạn tương đắc của tau, đã che chở nắng mưa cũng như trong sự cô đơn giá lạnh. Xin từ biệt mi"*.

Sư nói mấy lời như thế, rồi Sư quay mặt ra hướng không gian cao rộng nói lớn lên rằng: *"Tự do thật quý hóa; nhất là những người đã mất tự do như tôi. Nhưng ai có lòng từ thiện ở đây? Phật Bồ Tát hay con người? Ai sẽ là người cứu giúp tôi đây?"*. Sư la to lên như thế, bỗng Sư dừng lại và từ từ nhìn khắp thân thể mình từ đầu chí cuối rồi tự nhủ:

Còn ai nữa, chính mình phải tự giúp mình mới mong thoát khỏi cảnh luân hồi sanh tử và chính mình mới có thể cõi trời cho mình mà thôi. Sư thấy có lý và lấy tay xoa vào đầu mình như thăm cảm ơn về những suy nghĩ ấy mà trí óc đã ban cho mình. Sư tự lự – chắc là mình phải đi cạo cái đầu trước khi mặc áo nhà tu trở lại; Nhưng Sư lại thôi và nghĩ rằng: Đi tu đâu phải chỉ để cạo đầu. Vì có biết bao nhiêu kẻ cạo đầu mà họ có tu đâu. Người đi tu cạo cái tâm quan trọng hơn cạo đầu. Sư nghĩ thế rồi mỉm miệng cười. Đúng vậy! Đường còn dài và đời còn lắm chông gai, mình phải phấn đấu lên. Đoạn Sư sờ vào túi áo của mình lấy mấy đồng bạc lẻ để gọi điện thoại.

Ở đâu đây kia một vị Trưởng Lão trả lời:

-Việc ấy chẳng có sao đâu! Thôi cứ về chùa ta mà ở, ta sẽ bảo bọc cho.

-Bạch Ngài! Ngài không sợ miệng lưỡi thế gian trách móc Ngài tại sao che chở cho một người tù à!

-Việc ấy đâu có gì quan hệ. Con sâu, con kiến, người tu còn phải che chở hướng chỉ con người.

Sư cảm ơn Ngài và gác ống điện thoại, ngẩn ngơ một lúc rồi suy nghĩ: "Quả thật thế gian này vẫn còn những con người tốt đẹp như thế, chứ đâu phải tâm ai cũng nhuộm chàm như ta vẫn thường nghĩ đâu! Trong chốn khổ đau vẫn có những người thoát tục. Trong nhiều người gian dối, cũng có lắm kẻ thật thà... Sư bây giờ suy nghĩ nhiều lắm. Mỗi lần suy nghĩ lại gợn lên một vết nhăn trên vầng trán rộng ấy. Nhiều khi Sư tự nhủ rằng: Phải chi ở trong tù sướng hơn, vì thân phận ai cũng giống nhau. Bây giờ về lại thế giới tự do với phương trời cao rộng này thấy khó xử quá.

Một hôm có một bà Phật Tử đến chùa thăm Sư cụ rồi gặp Sư hỏi:

- Con nghe nói rằng Sư đã về; nhưng bản án ấy dành cho ai Sư?

-Án nào bà thí chủ?

- Thì cái án mà Sư đã mang lâu nay đó?

- Chắc bà thí chủ muốn nói đến việc họ cho rằng tôi giết người ấy à?

- Đúng vậy, thưa Sư!

- Nếu tôi là kẻ giết người, tôi phải đền tội trước Pháp luật; nhưng vì bằng chứng không rõ ràng nên tôi được tại ngoại, chỉ đơn giản thế thôi.

- Theo Sư, thì nội vụ ra làm sao?



- Ai mà biết được. Chỉ có người gây ra câu chuyện ấy mới biết mà thôi.

- Nhưng ai đã gây ra?

- Điều ấy còn nằm trong vòng nghi vấn mà.

- Theo con nghĩ là Sư bây giờ có thể kiện lại họ được đó.

- Kiện ai?

- Kiện người đã giam Sư, làm cho Sư mất tự do 7, 8 năm trường và con nghĩ rằng số tiền ấy lớn lắm Sư ơi!

- Theo tôi nghĩ: việc ấy đã đủ cho tôi đón đau rồi. Làm chi cho kẻ khác tan gia bại sản nữa. Và lại chính tôi cũng là người có lỗi nữa. Lý do chính là tại chuyện vàng bạc hết xoàn, mà người đi tu không nên và không bao giờ chứa chấp nó để làm gì. Điều ấy Phật đã dạy; nhưng khi ra xã hội này, chính tôi cũng quên mất đi. Ban đầu tôi nghĩ rằng chính bạc vàng sẽ cứu tôi trong cơn khốn khổ. Nhưng tôi đã lầm. Chính nó là con rắn độc đã hại tôi và bây giờ tôi là một con người chưa được phục hồi danh dự lại như xưa; nên tôi cũng không muốn ai vào tù ngồi thế cho mình cả, khi sự kiện chưa rõ ràng thì mình cũng không dám nghi cho ai nữa. Vì nghi ngờ đã là một cái tội rồi.

Sau khi biết tin Sư được tại ngoại, Sư đã nhận được không biết bao nhiêu cú điện thoại hăm dọa, bảo rằng hãy câm miệng lại không được tiết lộ một chi tiết nào cả trong vụ này. Nếu tiết lộ Sư sẽ bị mất mạng.

Nhiều đêm Sư giật mình tỉnh giấc, nghĩ lại giấc mộng xưa và nay quá hãi hùng. Sư có ý quyết sinh đề cho đời khỏi dị nghị và khỏi nghe những tiếng thị phi to nhỏ của người đời; nhưng Sư cũng tự trấn tĩnh với mình rằng: đã bao nhiêu khó khăn gian khổ trôi qua mà Sư còn gượng sống để xem tấn tuồng đời sẽ tái diễn ra

sao, thì bây giờ và nơi đây, tại sao Sư phải thực hiện điều ấy? Không! đó chỉ là một ý nghĩ điên rồ thôi! Sư tự nêu ra câu hỏi, rồi biện hộ, rồi tự mình trả lời câu hỏi mình đã nêu ra. Điều này Sư đã quen làm như thế. Vì bên cạnh mình chẳng có ai giúp đỡ ý kiến; nên Sư phải làm như thế.

Bỗng một hôm Sư đang ngồi lễ Phật, có một nhà Sư mặc áo vàng trở tới trước Sư. Người ấy mang kính mát và hỏi Sư với giọng điệu lố lăng:

- Tại sao mi đến chùa này với ý đồ gì?

- Mô Phật, người tu hành sao ăn nói gì kỳ vậy?

- Mày bảo ai tu hành? Mày là thằng ăn cướp, mày là thằng giết người. Còn mặt mũi nào mày về đến chùa này để quấy phá Sư Tăng?

Sư nghe như điếng cả hồn mình. Chân tay Sư bủn rủn. Nghiệp duyên nào đã dong rủi mình làm người? Bây giờ đây, mình muốn trở về lại với con người nguyên thủy của mình lại bị chính người đồng môn, đồng cảnh nguyện rửa. Ôi! khổ đau biết dường nào! Nhưng cuối cùng rồi Sư cũng tự cứu được mình bằng cách im lặng. Vì nếu có trả lời, có biện hộ cũng đâu có ai hiểu cho mình được, nên lại thôi. Chỉ có thời gian mới có thể giúp Sư. Còn con người, sao mà lại tệ bạc quá?

Rồi một hôm Sư đi trong một xe Bus, phía trước có hai người đàn bà Việt Nam ngồi nói chuyện mà họ không để ý đến sự hiện diện của Sư.

Một bà kể:

- Chị ơi! Bà có biết vụ án một nhà Sư giết người không?

- Nhà Sư làm sao giết người được?

- Vậy mà chuyện có thật đó.

- Tại sao vậy?

- Tại vì tu không lo tu. Lo đi mua vàng sắm bạc. Buôn bán như người đời, đến khi ăn thua không được với người ta lại cướp của giết người.

- Đời này sao lắm Sư hồ mang thế?

- Ở đâu cũng có loại sâu bọ ấy chị ơi.

- Nếu tôi là người tu ấy thì phải tự sát, hoặc tự treo cổ để chết, mà đời còn chưa hết nguyên rửa nữa.

Sư ngồi đó mà trông như người trên bếp lửa nóng hơ. Bây giờ Sư phải làm sao đây? Tiến tới nơi hai bà kia để phân trần hay ngồi đây để chịu trận nghe tiếp tục nữa? Kế nào cũng không hay bằng đào tẩu là thượng sách. Mặc dầu chưa đến chỗ Sư muốn xuống xe như thường lệ; nhưng Sư đã bấm chuông để tài xế dừng xe lại. Sư xuống xe rồi đi lang thang như người không hồn và suy nghĩ miên man về thế thái nhân tình, về miệng lưỡi thế gian. Sư cũng đâu có độc ác với ai, mà tại sao mọi người lại độc ác với mình đến thế? Và chẳng tại mình tu. Nếu mình không tu, chắc không ai để ý làm gì? mà đúng vậy. Người tu giống như tờ giấy trắng, lỡ dính một chút bụi là thiên hạ thấy liền. Còn người đời, bao nhiêu bụi bặm dính thêm vào chiếc áo trần tục ấy, đâu có sao? Nghĩ vậy nên nhiều lúc Sư cũng muốn ra đời, không nhứt thiết phải đi tu nữa. Nhưng đó cũng chỉ là một ý nghĩ trong muôn ngàn ý nghĩ khác thôi. Sư lại dừng và tự biện hộ cho mình là tại sao suốt 7, 8 năm trường trong nhà tù mình vẫn còn giữ được tư cách của một nhà tu. Còn bây giờ tại sao mình lại buông thả?

Mỗi suy nghĩ đưa Sư về một lối thoát khác nhau; nhưng lối thoát nào Sư cũng thấy không an ổn. Lối thoát duy nhất là cửa thiền; nhưng cửa thiền lại dính bụi. Vì thế bất cứ nơi đâu, và ở đâu

Sư Tịnh Thường cũng thấy lẻ loi vô cùng. Sư đâm ra suy nghĩ vẫn vợ như người không trí, không hồn. Nhiều khi Sư đi suốt ngày không về chùa. Sư bỏ ăn, biếng ngủ và không thiết gì đến hoàn cảnh chung quanh.

Một hôm nọ, vì suy nghĩ vẫn vợ, lúc băng qua đường Sư chẳng để ý là đèn đỏ. Một chiếc xe phía trước trờ tới. Sư gượng lại không kịp, thế là hết, Sư đã nằm sóng sã trước mũi xe, Sư bất tỉnh nhân sự. Chừng 3 phút sau thì xe cứu thương chạy đến, nhân viên cấp cứu khiêng Sư lên xe và hụ còi chạy vào một bệnh viện gần đó.

## CHƯƠNG MƯỜI BỐN

### KHÔNG HẸN MÀ GẶP

**S**ư ể oải trở mình và văng vẳng bên tai có tiếng nói dịu dàng của ai như quen thuộc lắm. Sư từ từ mở mắt ra và nghe tiếng nói ấy thỏ thẻ tiếp:

- Tại sao Sư lại ra nôn nổi này? Đã gần 10 năm rồi còn gì nữa. Giờ đây gặp lại Sư trong hoàn cảnh éo le như thế này, em biết tại sao đây?

Sư cố mở mắt mình to hơn nữa và cố gượng dậy; nhưng cô y tá ấy ra hiệu cho Sư dừng lại vì bác sĩ bảo Sư còn yếu lắm. Hãy tịnh dưỡng vết thương, nhất là vết thương ở đầu vẫn chưa dứt hẳn. Bất chợt Sư nhận ra cô Diệu Duyên, Trần Thị Diệu Duyên. Sư đang mơ hay đang sống trong trạng thái thực tế đây? Sư đang ở cõi này hay ở cõi xa xăm nào đấy chăng? Khi bị xe cán, Sư nghĩ rằng đời mình thế là xong. Không ngờ mình lại được cứu sống và oái oăm thay, lại gặp người xưa. Người mà trong tâm tư của mình đã lắng đọng lại tự thuở nào. Sư không muốn khơi lại chuyện cũ; nhưng cứ hỏi:

- Tại sao cô lại ở chỗ này?

- Tại con... tại em đang làm y tá tại bệnh viện này mà.

- Y tá?

- Vâng, đúng thế, là y tá của bệnh viện.

- Nhưng cô đến xứ này khi nào? Và tại sao lại có nhân duyên này?

- Việc đến xứ này thì con... thì em có thể nói cho Sư biết; nhưng việc tại sao lại gặp Sư ở nơi đây em không trả lời được.

Thưa Sư, cuộc đời em chìm nổi lắm. Kể từ khi Sư ra đi, trong lòng em vẫn nhớ đến Sư và không muốn xa Sư, nên em mới tìm đủ mọi cách để được gần Sư, em dò la tin tức của Sư đã lâu. Cuối cùng biết được Sư ở nước này. Em đã tìm đủ mọi cách để gặp Sư. Nhưng khi đến đây thì em đã biết được rằng Sư đang ở trong tù. Chỉ có thể thôi. Còn em đang làm y tá tại đây, vì em học nghề y tá. Đó là một nghề em thích.

- Đúng là nhân duyên đã an bày.

- Sư nói gì vậy? Nhân duyên? Nhân duyên gì vậy Sư?

- Chuyện của cô và tôi, dĩ nhiên tôi đã quên rồi. Nhưng ai đã xui khiến cho cuộc gặp gỡ này?

- Chắc là duyên nợ?

- Tôi với cô vốn không duyên và không nợ thì gặp gỡ để làm gì?

- Tại sao Sư nói gì mà bi quan lắm vậy?

Em được biết rằng giờ đây Sư tứ cố vô thân không có ai bên cạnh. Nếu Sư cần, em sẽ cận kề bên Sư để lo thuốc men và nhất là nếu tính xa được hơn nữa...

- Cô nói gì tôi nghe không rõ ?

- Nếu chúng ta đi được xa hơn nữa.

Cô Diệu Duyên gần từng tiếng cốt ý cho Sư Tịnh Thường nghe; nhưng Sư như cố ý tránh đi hình ảnh và tiếng nói quen thuộc ấy. Sư cố quên một sự kiện, một tấm lòng quảng đại đang mở ra để đón mời Sư.

- Sao Sư nỡ chối từ lòng tốt của em vậy?

- Theo tôi nghĩ, thế gian này có rất nhiều người tốt bụng như cô; nhưng tôi không thể đi thương riêng một người được. Vì điều ấy Phật đã cấm.

- Giờ này mà Sư còn Phật, Pháp làm gì nữa? Suốt mấy ngày nay, khi Sư vào đây, em đâu có thấy ai là người đồng đạo của Sư và thăm Sư đâu, mà Sư còn quyến luyến với cửa thiền để làm gì ?

- Tuy bên tôi không có người đồng đạo thăm nom; nhưng trong tâm tôi đã có Đức Phật ngự trị. Chính Ngài đã giúp tôi có được nghị lực để sống sót và chính Ngài mới là vị cứu tinh của tôi. Cô biết đó, tất cả mọi người, kể cả cô nữa chỉ là người lợi dụng tôi mà thôi.

- Tại sao Sư nói vậy? Chính em đây là người cứu Sư trong sự sống ngặt nghèo này. Sư chưa trả ơn cho em, nay Sư lại trả oán và gieo vào lòng em một sự ngờ vực sâu đậm như thế chẳng?

- Mọi người và cả loài người đâu có ai tốt với tôi đâu mà bảo tôi phải tốt lại với họ? Đâu có ai thương tôi đâu mà bảo tôi phải rộng lượng đối với họ ?

- Có em đây mà Su! Em đang thương Su đây nè !

- Tình thương của cô nó cũng chỉ là một loại ái tình vị kỷ thể thôi. Cô đem món hàng này cố đổi lấy một món hàng khác vậy thôi và xin nói cho cô biết, tôi không phải là một món hàng để cho cô dễ đem ra đổi chác vậy đâu?

- Su nói như vậy không hẳn đúng! Vì khi người ta thương hay yêu nhau, người ta có thể tha thứ cho nhau và xem nhau như một mà.

- Nhưng loại tình cảm ấy nó ủy m□ lắm. Nó tầm thường lắm. Tôi có thể thương hết mọi người và giúp họ như đã giúp ở trong tù. Chứ tại sao tôi phải chỉ thương có một người thôi?

- Su thấy đó ! Su giúp hết mọi người; nhưng bây giờ có ai giúp được Su đâu? Ngoại trừ chỉ có một mình em bên cạnh Su?

- Việc tôi và cô gặp ở đây nó chỉ là một sự tình cờ thôi, chứ không phải là việc trả ơn trả nghĩa, lại càng không phải để nói về chuyện tình yêu.

Su nói thật nhanh, thật nhiều, đoạn Su thiếp đi lúc nào không hay biết. Có lẽ vết thương ở não vẫn còn hành hạ Su. Bây giờ thì Su cố luên đi tất cả. Dầu cho hình ảnh đó là người thần hay kẻ thù. Dầu cho đó là tiền bạc hay hạnh phúc. Su thấy tất cả đều vô vị.

Một hôm, sau khi tỉnh dậy, Duyên cố đưa Su trở về lại câu chuyện cũ.

- Thưa Su, theo em nghĩ tụi mình sẽ giàu có lắm. Nếu Su trở lại cuộc đời với em và chúng ta sẽ tạo lập hạnh phúc cho nhau và từ đó chúng ta sẽ đâm đơn kiện lại người đã bỏ tù Su. Biết đâu chúng ta sẽ có vài triệu bạc hoạnh tài, chúng ta tha hồ tiêu pha sung sướng.

- Cô□ều làm rồi. Ở đây tôi cần phân định cho cô rõ : Thứ nhất, là cho đến giờ này tôi vẫn không có ý định hoàn tục, mặc dầu mọi người chung quanh tôi đều nguyên rửa tôi; nhưng đó là cái nghiệp riêng của tôi phải chịu mà thôi. Thứ hai, ân tôi trả; nhưng oán thù thì tôi tha thứ, không muốn cái lợi về mình mà kẻ khác phải bị hại. Họ có gia đình vợ con bè bạn. Nếu chẳng may họ phải trả nghiệp như tôi thì gia đình họ tan nát hết. Vợ con họ khổ sở lắm. Còn tôi, chỉ có một thân một mình đâu có để khổ lụy cho ai. Tôi chịu oan cho bao nhiêu người được sung sướng. Tôi chỉ mong một điều là dưới tuổi vàng hay nơi cảnh giải thoát nào đó bà Bảy Diệu Đạo hiểu tôi, không phải là người như con cái họ đã nghĩ cũng như miệng đời mai mỉa là được rồi.

Sư nói rất nhiều, nói như không kịp nghĩ để rồi sau đó mệt lả đi. Cứ mỗi lần như thế khiến cho cô ý tá Diệu Duyên phải khổ nhọc không ít để lau mồ hôi và quạt gió cho Sư.

Dẫu sao đi nữa những giờ phút cận kề như thế cô ta cũng đã thỏa mãn phần nào sự nhớ nhung tê tái mà suốt cuộc hành trình dài trong cuộc sống khổ đau này, cô ta đang muốn được hội ngộ.

Một buổi sáng sớm Duyên trở vào lại giường bệnh đánh thức Sư dậy điễm tâm như thường lệ; nhưng lạ thay chiếc đầu của Sư đã ngoẻo sang một bên và tay chân của Sư như bất tỉnh. Duyên đưa tay vào lỗ mũi thấy không còn động tĩnh gì nữa. Mặt Duyên như cắt không còn một giọt máu, nàng chạy hồi hả đi kêu y tá và bác sĩ vào phòng.

Khi Bác sĩ đặt ống nghe vào ngực thì lắc đầu. Sau khi rọi kiếng đầu, mới biết Sư bị chấn thương chưa lành và bị kích động tâm lý, nên đã xuất huyết não và Sư đã ra người thiên cổ.

Phân Duyên thì ân hận lắm. Chính tại mình mà đã làm cho Sư hết khổ tâm này đến khổ tâm khác, để cuối cùng đi đến trạng thái này. Nàng gục đầu vào xác Sư và khóc lên thành tiếng nã nê.



## CHƯƠNG MƯỜI LĂM

### ĐÁM TANG CỦA SƯ TỊNH THƯỜNG

**A**i sinh ra rồi cũng phải chết. Đó là một định luật mà nhà Phật gọi là vô thường. Nhưng cái chết của Sư Tịnh Thường thì ít có người mong muốn. Dẫu sao câu chuyện bí mật, đằng sau cái chết của bà Bảy Diệu Đạo đã chưa sáng sủa; nay tiếp đến cái chết của Sư làm cho màn bí mật đã từ từ khép kín lại mà công lý cũng phải chịu thua.

Theo sau chiếc áo quan, không kèn không trống, chỉ một thân một mình cô Diệu Duyên từ từ đếm bước và niệm kinh. Cô đành nghĩ về thân phận của mình cũng như cuộc đời vắng số của Sư; nhưng cô cũng chưa yên tâm chút nào. Vì đâu là sự thật? Và ai là người đã giết bà Bảy?

Khi quan tài vừa hạ xuống huyệt, cô Diệu Duyên đã khóc nức nở và quì xuống lạy 2 lạy sau khi đã ném xuống huyệt hai nắm đất để tiễn đưa một người tình, một vị Thầy lần cuối. Duyên ngồi đó thật lâu để suy nghĩ về cuộc đời, về nhân thế và cô Trần Thị Diệu Duyên thấy đời chẳng có gì đáng nói và đáng trách cả. Nếu có chẳng phải tự trách mình, vì chính có sự hiện hữu của mình mà cuộc sống mới lắm khổ đau và nhiều tục lụy. Duyên ý thức được cuộc sống như thế nên lòng cô lại chùn xuống và cũng muốn thế phác quy y, xuất gia đầu Phật để cho tâm trí mình được rảnh rang và biết đâu đó cũng là một hình thức chuộc lại lỗi lầm xưa. Vì cô đã không khích lệ sách tấn Sư Tịnh Thường tiến xa trên đường đạo hạnh mà còn có ý làm cho Sư thoái chí nhụt tâm; nhưng cũng may là Sư Tịnh Thường đã một lòng một dạ cho Phật Pháp, không vì tình riêng mà quên đi mục đích cao cả của mình.

Sau khi đi chôn đám ma của Sư về, Duyên thấy buồn quá; nên đã tìm đến một ngôi chùa gần đó. Cô nghĩ rằng đám ma của Sư đã không có một người đưa tiễn đã đành, lại thiếu tiếng kinh lời kệ làm cho buổi lễ đã tẻ nhạt lại càng sầu thảm nhiều hơn thế nữa. Vì

vậy nên mỗi ngày Duyên đều tìm đến chùa để nhờ 異ý Sư tại đây cầu kinh cho Sư Tịnh Thường. Nàng đi vào chùa cũng như đi từ cõi vô thức trở về. Nàng không biết ai bên cạnh cả.

Một hôm có một vị Sư trở mắt nhìn cô và nhất là sau khi đã nghe được vị Sư trụ trì phục nguyện tánh danh Trần Văn Nam pháp danh Pháp Tánh tự Thích Tịnh Thường đã viên tịch và quay lại hỏi:

- Có phải cô là cô Duyên? Trần Thị Duyên?

- Sao nhà Sư biết tên con? Có lẽ Suy đã nghe tên trong khi phục nguyện?

- Đúng thế ! Nhưng cũng không phải. Chắc cô đã quên tôi rồi?

Nàng nhìn thật kỹ, hoá ra đây là nhà Sư Chơn Nghĩa kia mà. Một nhà Sư mình không ưa, nhưng khi ở Việt Nam lại phải gặp hoài và khi ra ngoại quốc này lại còn bị gặp Sư nữa. Ngược lại nhà Sư Tịnh Thường, một nhà Sư mình muốn luôn luôn gần gũi nhưng có được gần gũi đâu?

Sau đó Sư hỏi cô Duyên về việc ra khỏi tù của Sư Tịnh Thường và cái chết vừa rồi. Cô Diệu Duyên chậm rãi thưa:

- Bạch Sư! Đòi đúng là vô thường thật. Con đâu có ngờ ngày hôm nay lại gặp Sư và con cũng không ngờ rằng con và Sư Tịnh Thường lại gặp nhau trong hoàn cảnh éo le như vậy.

- Theo tôi nghĩ. Mỗi người có một nhân duyên và nghiệp lực khác nhau; nhưng nghiệp ai gây ra nấy trả, đâu có ai trả dùm cho ai mà sợ.

- Đúng vậy! Nhưng sự trả nghiệp ở đây còn có nhiều điều chưa sáng tỏ. Theo ý Sư thì sao?

- Chuyện ấy cũng dễ thôi. Chính ông Sư ấy (ý ám chỉ Sư Tịnh Thường) cứ ham vàng bạc của cải, cuối cùng chính vàng bạc của cải ấy đã hại Sư.

- Điều ấy hẳn đúng và chính Sư đã tự thú tội ấy rồi. Nhưng còn cái án mạng giết người kia?

- Sự thật rồi cũng sẽ trả về cho sự thật thôi.

Sau khi Sư Chọn Nghĩa nói ra câu đó, cảm thấy mình hơi hên điều gì, nên lại đổi đề tài sang chuyện khác và hỏi cô Diệu Duyên.

- Cô Duyên qua đây vui ai?

- Con đi có một mình.

- Hiện đang làm gì ?

- Đang làm y tá và cũng nhờ làm y tá tại bệnh viện gần đây, nên mới gặp được Sư Tịnh Thường trong khi bị tai nạn.

- Và chuyện bây giờ cũng như tương lai nữa ?

- Đòi con là thân gái dặm trường, biết tính sao đây.

Nhưng sau cái chết của Sư Tịnh Thường con thấy đời sao mà mỏng manh quá. Không có gì chắc thật hết; nên con có ý xuất gia đầu Phật để giảm được nghiệp oan mà lâu đời con đã đan kết lại.

- Cô không thấy rằng đi tu như Sư Tịnh Thường cũng đâu có giải được nghiệp, mà còn kết thêm nghiệp nữa kia.

- Mỗi người có nhân duyên và nghiệp lực khác nhau mà Sư. Con khác và Sư Tịnh Thường khác mà.

Sau buổi gặp gỡ tại chùa với Sư Tịnh Thường, Duyên về lại quán trọ và nàng suy nghĩ mông lung, mỗi ngày nàng đều đi ra mộ của Sư, Thỉnh thoảng đặt một cành hoa cúc tại đó sau khi đã đốt 3 nén nhang khấn vái đất trời. Có nhiều khi nàng ngồi thật lâu tại đó để ôn lại quãng đời dĩ vãng đã qua. Hôm nay, sau thất thứ nhứt, đất vẫn còn mới, hoa vẫn còn tươi và các cộng chum nhang bên mộ của Sư vẫn còn đỏ au au màu nhang khói. Nàng nhìn thật kỹ phía dưới, bên kia mấy tàn nhang mà nàng vừa cắm có một mảnh giấy nhỏ, gói rất gọn gàng trong một bọc ni-lông, cốt giữ cho mưa nắng khỏi phai mờ. Nàng trườn người tới và với tay lại, đỡ gói giấy nhỏ ấy lên. Nàng vội vàng mở mấy miếng giấy ra và bắt đầu đọc:

*Lời sám hối*

*Sư ơi! Con thật sự ăn năn. Lẽ ra con phải xuất đầu lộ diện để sám hối với Sư, khi Sư còn sống, nhất là khi Sư đã ở tù về. Nhưng con hèn nhát quá, con không dám đến với Sư. Vì còn sợ khi sự thật đã được phơi bày, thì chính đời con cũng sẽ được kết liễu. Vì thế con không đủ can đảm để đến bên Sư và sám hối với Sư. Con còn vợ, còn con và chính vợ con của con cũng cần sự sống của con; nên bắt buộc con phải sống.*

*Phải chi, khi Sư còn ở trong tù, con xuất đầu lộ diện thì án của Sư đã trắng rồi. Bây giờ thì Sư không còn nữa, biết tính làm sao đây? Dẫu có quan tòa nào bây giờ đến đây để phục hồi danh dự cho Sư đi nữa thì Sư cũng đã không còn. Vì vậy hôm nay con đến đây để quỳ trước mộ Sư và dâng lên một lời sám hối chân tình và để báo cho Sư biết, chính con là tội nhân đã sát hại bà chủ tiệm vàng kia, chứ không phải Sư mà bao nhiêu dư luận búa rìu lâu nay đã giáng lên đầu Sư. Con thành kính xin Sư tha lỗi cho và để sửa đổi những lỗi lầm ấy, con sẽ siêng năng sám hối và làm phước cứu người để tiêu trừ tội lỗi.*

*Bái biệt Sư.  
Nguyễn Văn Nhân*

Duyên vừa gấp miếng giấy lại, lòng nàng thổn thức vô cùng. Chính Sư, Sư là người vô tội. Thế mà có hỏi gì Sư vẫn không nói và một điều đặc biệt là Sư không bao giờ nghi oan giá họa cho ai. Đúng là tư cách của một nhà tu.

Có nhiều vụ án mà cả một cuộc đời đã không tìm ra được tông tích, chỉ khi chết. Đúng thế, chỉ cái chết của một người trong cuộc, sẽ làm cho vụ án rõ ràng hơn và hôm nay vụ án của Sư Tịnh Thường là một. Dĩ nhiên nỗi oan của người không bằng nỗi oan của Thị Kính; nhưng đó cũng là một bài học để cho đời soi chung và cũng phải nhớ rằng mọi việc trên thế gian này, khi nắp quan tài chưa đập lại thì đừng vội kết luận liền.

Nàng suy nghĩ thế và hai tay chấp ngay ngực niệm lớn lên rằng:

"Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật"

## Phần 4

### CHƯƠNG MƯỜI SÁU THẾ PHÁT XUẤT GIA

Sư Chơn Nghĩa đọc mấy câu chú trước khi cạo tóc cho Phật Tử Trần Thị Diệu Duyên có pháp danh là Ngọc Chánh, như sau:

*"Thế trừ tu phát  
Đương nguyện chúng sanh  
Viễn ly phiền não  
Cứu cánh tịch diệt"*

Nghĩa là:

*"Cạo bỏ râu tóc  
Cầu cho chúng sanh"*

*Xa rời phiền não  
Đến chỗ an vui"*

Người đi tu ai cũng phải cạo tóc hết, vì râu tóc tượng trưng cho phiền não; nhưng cạo tóc mới chỉ là hình thức thôi, cạo tâm mới là vấn đề quan trọng; ngày nay cũng có nhiều tông phái không cạo tóc như Tịnh Độ tông ở Nhật và một số chư tăng Việt Nam theo tân học ở ngoại quốc. Họ ăn vận áo quần tây, viện dẫn lý do là đi học có nhiều người chú ý. Đầu họ không cạo nhẵn, bảo rằng chúng bạn hay xoa đầu mình vì không có tóc. Nhưng hôm nay cô Ngọc Chánh chính thức phát nguyện xuất gia và chính thức trở thành một người nữ tu, đã để cho Sư Chơn Nghĩa cắt trọc mái tóc dài gần một thước mà cô đã dưỡng nuôi lâu nay, quả là điều hy hữu.

Đoạn Sư đọc tiếp:

*"Hủy hình thủ chí tiết  
Cắt ái từ sở thân  
Xuất gia hoằng thánh đạo  
Thế độ nhất thế nhân"*

Nghĩa là:

*"Bỏ mình giữ chí tiết  
Cắt ái xa người thân  
Xuất gia làm việc thánh  
Hay độ tất cả người"*

Đúng là ý chí của kẻ trượng phu. Cứ mỗi một chữ, một câu mà Sư Chơn Nghĩa đọc lên là cô Ngọc Chánh cảm động đến rơi nước mắt. Cô biết rằng cái khí tiết của người đi tu trong hiện tại là phải bỏ sự giàu có tạm bợ của thế gian. Xa rời tất cả tình yêu thương vị kỷ kể cả tình thương của gia đình và bè bạn và việc xuất gia hôm nay của mình đây có một ý nghĩa rất cao đẹp là trên đền on Tam Bảo, dưới cứu độ quần sanh. Ngay từ bây giờ Phật Tử

Diệu Duyên hay cô Ngọc Chánh cảm thấy mình như có một trách nhiệm lớn lao đối với bản thân mình cũng như đối với xã hội.

Đoạn Sư đọc tiếp:

*"Thiện tại thiện nữ nơn  
Năng liễu thế vô thường  
Khí tục thú nê hoàn  
Công đức nan tư nghị"*

Nghĩa là:

*"Này cô tín nữ kia  
Hay hiểu đời vô thường  
Xa tục vui Niết Bàn  
Công đức khó nghĩ lường"*

Đúng là tuyệt diệu. Khi Sư Chơn Nghĩa vừa buông cành dương rảy mấy giọt nước vào đầu của cô Ngọc Chánh và trong giờ phút này cô đã ngộ được cái tánh vô thường ấy. Mới ngày nào đó mái tóc mình còn đẹp, còn xinh, duyên dáng mặn mà, bây giờ đây không còn nữa. Niềm vui duy nhất của người tu là cảnh giải thoát và đó mới chính là một công đức to lớn vậy.

Nếu trước kia nàng nghĩ và biết được tất cả những điều như vừa cảm nhận được thì nàng đâu có làm cho Sư Tịnh Thường khổ tâm đến thế. Bây giờ Sư đã chết rồi, và ni cô Ngọc Chánh phải làm sao đây. Cô ân hận lắm và cúi sầm mặt xuống.

Buổi lễ xuất gia cảm động lắm. Tuy không có đông người đến dự nhưng cũng nói lên được ý nghĩa cao thượng của một việc làm. Một người con gái tầm thường yếu đuối, biết hy sinh hạnh phúc cá nhân của mình để quyết chí tu hành và cứu độ quần sanh.

Sau mỗi thời kinh sáng, chiều cô Ngọc Chánh đều hồi hương Tây Phương trang nghiêm Tịnh Độ; nhưng cô thấy hình như sức

mình không đủ để cầu nguyện cho bà Bảy Diệu Đạo và Sư Tịnh Thường; nên một hôm cô Ngọc Chánh đã bàn với Sư Chơn Nghĩa rằng:

- Trước khi đi xuất gia, con có đi làm và để dành được một số tiền. Bây giờ con muốn dùng số tiền ấy để xây mồ mả cho Sư Tịnh Thường và nhất là làm sao phải làm cho được một đàn tràng chiêu mộ cho linh hồn của Sư và của bà Bảy Diệu Đạo.

- Việc ấy đâu có khó khăn gì. Sư sẽ đi cúng thỉnh chư Tăng làm lễ đặng đàn chẩn tế và Sư cũng sẽ cho gia đình của Bà Bảy hay luôn. Nếu họ cùng đến đây để cúng thì hay biết mấy.

Đến ngày rằm tháng bảy năm ấy nhân lễ Vu Lan, Tịnh Xá Ngọc Châu đã làm lễ Chẩn tế cô hồn để cầu siêu độ cho các oan hồn uổng tử, nam nữ thương vong, nhất là hai vong linh của hai người xấu số. Tuy không cùng một cảnh ngộ; nhưng có lẽ họ đã có một nghiệp duyên. Nên cầu nguyện cho họ để biết đâu họ sẽ có cơ hội gặp nhau và giải bày nỗi uẩn khúc.

Cả gia đình bà Diệu Đạo, con dâu rể, cháu chắt hôm đó đều đủ mặt nơi Tịnh Xá Ngọc Châu để cầu nguyện cho hương linh của bà Bảy. Khi nhìn vị sám chủ tự nhiên người con cả của bà Bảy nhón nháo lên và quay cuồng trước bàn thờ Tiêu Diện Đại Sĩ và hô hoán lên rằng:

*"Má ơi! Thôi để con khai! Má đừng hành hạ con nữa. Kể từ ngày má mất đến nay con ăn không ngon, ngủ không yên cũng chính vì công việc của con đã làm. Tuy con không trực tiếp giết má để chia gia tài; nhưng con đã sai người thủ tiêu má. Xin má sống khôn thác thiêng chứng kiến cho lòng con và kể từ nay con xin chừa bỏ và sám hối tội lỗi của mình. Số tiền của ấy con xin dâng cúng và chùa và làm những công việc từ thiện để chuộc lại lỗi lầm xưa".*

Đền nhang trên bàn Phật như rung động. Những vị kinh sư, gia trì đều như nín thở để lắng nghe những lời thổn thức của người con



trường và khiến cho bao nhiêu người dự lễ hôm đó cũng rất ngỡ ngàng. Họ ngỡ ngàng vì gia đình anh cả con bà Bảy lâu nay sống đầm ấm hạnh phúc, đạo đức như vậy, tại sao lại ra nông nỗi ấy. Họ đâm ra thương hại nhà Sư Tịnh Thường và không ngớt lời nguyện rửa thế nhân.

Bây giờ nhà Sư Tịnh Thường cũng đã chết. Nếu Sư còn sống, không biết Sư xử trí như thế nào trong hoàn cảnh này đây.

Sau buổi lễ Chẩn tế hôm đó, cô Ngọc Chánh đã xây bia làm mả cho Sư Tịnh Thường một cách tươm tất và cô đã tìm về lại Việt Nam để thăm quê hương xứ sở cũng như để báo tin cho gia đình của Sư Tịnh Thường về sự kiện đã qua.

Khi về đến Sóc Trăng, cô Ngọc Chánh không biết phải đi tìm ai để báo tin cả. Vì cảnh cũ giờ đây đã thay đổi hẳn, khác xưa rất nhiều. Khi hỏi thăm đến ba mẹ của Sư Tịnh Thường thì mới hay ông bà cũng đã ra người thiên cổ. Cuối cùng cô Ngọc Chánh quyết định tìm đến Tịnh Xá nơi Sư Tịnh Đạo, huynh đệ của Sư Tịnh Thường để báo tin. Mới gặp Sư Tịnh Đạo, cô Ngọc Chánh đã nức nở:

- Bạch Sư! Thế là hết! Không còn gì nữa đâu để mà nói.

- À ! Té ra là Diệu Duyên con đã xuất gia? Và nay pháp danh của con được gọi là gì?

- Bạch Sư! Ngọc Chánh.

- Ai cho con thế phác và ai đã đặt pháp danh cho con?

- Người thế phác cho con chính là Sư Chơn Nghĩa và pháp danh này cũng do người đặt cho.

- Còn Sư Tịnh Thường đâu?

- Cô Ngọc Chánh trả lời: Bạch Sư câu chuyện dài lắm.

Thế rồi cô Ngọc Chánh bù lu bù loa kể hết đầu đuôi câu chuyện cho Sư Tịnh Đạo nghe. Người rất vui lòng và sai đệ tử lên chánh điện để làm lễ cầu siêu cho Sư đệ của mình.

Bây giờ giữa chốn phồn hoa đô hội, biết ai là người chân thật, ai là kẻ giả dối đây? mỗi người hãy tự tu tỉnh bởi chính mình. Hôm nay đốt mấy nén hương này để khấn Sư và cầu nguyện cho Sư đệ của ta được tiêu diêu nơi miền lạc cảnh. Ta không ngờ ngày trùng phùng tao ngộ lại là ngày chảy nước mắt bi thương để nghe qua một tấn thảm kịch hơn là một cuộc gặp mặt huy hoàng.

Đêm đó Sư Tịnh Đạo mơ màng nhớ lại tất cả mọi câu chuyện từ xưa đến nay, nhất là từ khi huynh đệ tu hành. Rồi ngày đó Sư Tịnh Thường ra đi mang một lý tưởng, đồng thời cũng đi trốn chạy một vấn đề, không ngờ vấn đề hôm nay lại có một đáp số như thế. Nghĩa là Sư đã chết, cô Diệu Duyên đã đi tu. Sư Chơn Nghĩa là một tình địch của Sư, bây giờ lại là người thế độ Bồn Sư của cô Ngọc Chánh.

Sư Tịnh Đạo nhắm mắt lim dim chuẩn bị ngủ thì thấy hình ảnh Sư Tịnh Thường lại hiện về trước mặt mình và gọi:

- Sư huynh ơi! Sư đệ Tịnh Thường đây. Đợi đệ với!

- Huynh đang ở đây, chứ có đi đâu mà đợi!

- Huynh làm rồi. Huynh đang ở trong cõi vô hình với đệ đây mà.

Sư Tịnh Đạo nhìn kỹ lên tường thấy hình ảnh của Sư Tịnh Thường đang tọa vị trên một toà sen, mặt mày sáng rõ và có nụ cười thật tươi. Sư Tịnh Đạo choàng mình ngồi dậy, hai tay chấp lại và niệm lớn lên rằng:

"*Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật*".

## CHƯƠNG MƯỜI BẢY

### CÂU CHUYỆN GIỮA ĐƯỜNG

Đường ở đây ai muốn hiểu sao thì hiểu. Đạo cũng được mà đời cũng xong. Nhưng giữa đời và đạo chẳng có gì cách nhau cả, chỉ trong gang tấc cận kề mà thôi.

Khi quý vị đọc quyển sách này thấy có 3 đến 4 Chương không liên quan với nhau, nhất là Chương Một và Chương Hai. Bây giờ đến Chương thứ Mười Bảy này và kể luôn cả Chương Thứ Mười Tám nữa, đúng ra nó không thuộc vào trong mẫu chuyện "*Vụ Án Một Người Tu*"; nhưng ít nhiều cũng liên quan đến sự tu hành và người thế tục, nên tôi tạm cho vào đây, không phải cho dày quyển sách, cốt có được nhiều trang cho quý vị đọc, mà chỉ nhằm một mục đích nói lên những sự thật cho thế nhân biết. Nếu được, mỗi người tự sửa đổi một chút có lẽ sẽ đỡ đi nhiều.

Chuyện xảy ra như vậy:

Khi ra đi tị nạn, mọi người Việt Nam chúng ta, trong đó đa số là Phật Tử cũng đã không mang theo được gì nhiều, ngoại trừ lo chạy cho thoát thân. Đến được đảo, lo sao cho mau mau đi định cư. Sau khi định cư xong, mong sao cho có việc làm. Có việc làm rồi, có tiền chút đỉnh lo tiêu xài hoặc gửi gởi về Việt Nam cho thân nhân bằng hữu. Cuối tuần họp mặt hội hè hoặc cưới hỏi, ma chay... Chính trong những câu chuyện qua lại ấy nhiều người Phật Tử đã nảy sinh ra việc lập hội, làm chùa và thỉnh Thầy về giảng dạy giáo lý.

Có một số nơi, đã có quý Thầy thì đỡ lo. Thầy sẽ đứng ra lo mọi vấn đề và Phật Tử chỉ có việc hỗ trợ cho Thầy để làm chùa, tạo tượng, đúc chuông thì tạm ổn; nhưng có một số nơi thỉnh Thầy

không được, do đó họ tự động kêu gọi xây dựng chùa. Khi chùa chưa có Thầy họ phải tìm mọi cách để đi thỉnh Thầy, thỉnh Cô về trụ trì. Có nhiều người buột miệng nói rằng: Thời buổi này nghề tu sao mà đắt giá quá; nhưng chẳng thấy ai tu. Đúng vậy, người tu quá hiếm người ta mới khổ công đi tìm là vậy. Phật Tử ngày nay thì kén chọn dữ lắm. Họ nghĩ rằng: một người tu thì phải thế này, một người tu phải thế kia, v.v... nếu người tu không hợp với nhãn quan của họ, họ lại mời Sư ra đi.

Sau đây là một số câu chuyện có thật, xin kể để hầu quý vị.

Chuyện xảy ra ở Pháp vào thời điểm 79, 80 gì đó. Có một bà thí chủ rất giàu đạo tâm và giàu cả vật chất. Đi đâu bà cũng khoe là đã ấn tống kinh này, kinh kia nhưng đều để ỏn danh hết. Một hôm nọ bà bảo tôi rằng:

Hồi còn ở Việt Nam con ấn tống kinh đó một triệu đồng, Thầy gỡ ra mấy trang cuối trong phương danh ấn tống thì thấy. Đó là gia đình con. Thầy xem cho biết thôi, đừng nói với ai làm gì.

Bà này Phật Tử theo Nam Tông; nhưng cả Nam lẫn Bắc Tông bà đều thông hiểu.

Bà và Ban Tri Sự một chùa nọ có thỉnh một vị Sư cũng danh tiếng lắm, đã đỗ Tiến sĩ triết học bên Ấn Độ, chứ đâu phải tầm thường. Dân du học mà. Ban đầu khi về chùa đây Thầy trò vui vẻ lắm. Bỗng một hôm chẳng biết chuyện gì đã xảy ra, Thầy trò đối thoại với nhau không nề lời và bà ta nói xẵng giọng:

- Tôi nói cho Sư nghe! Sở dĩ lâu nay tôi lạy Sư là tôi lạy chiếc áo của Sư chứ đâu phải lạy Sư. Chiếc áo tượng trưng cho Đức Phật, nên tôi mới lạy, Sư đừng nghĩ tôi lạy Sư mà lầm.

Ông Thầy cũng chẳng vừa chi. Vì ông ta có học mà.

Ông ta cũng hạ giọng thật lớn:

- Mô Phật! Điều ấy không sai, nhưng không hoàn toàn đúng. Giả sử bây giờ tôi đi tắm, bà đến chùa không thấy tôi, chỉ thấy chiếc y tôi treo ngoài kia kia, bà có đến chiếc y đó để lạy hay không?

Bà Phật Tử cụt hứng chạy vào nhà bếp thu dọn hành lý và quày quả ra đi. Còn Sư chẳng bao lâu sau Sư cũng từ giã xứ Pháp và sang Hoa Kỳ để định cư.

*Lời bàn:*

*Thật ra Phật dạy: Y pháp bất y nhơn rất đúng. Nghĩa là nương vào giáo pháp của Đức Phật để tu, chứ đừng nương vào con người. Vì con người còn có khi sai, khi đúng. Ở đây, bà Phật Tử này quá chấp, nhưng cũng quá thiên về vô vi không coi vị Sư này ra gì, nên mới có cách đối xử như thế. Nếu có Pháp của Phật mà Tăng không hoằng truyền giáo pháp ấy thì giáo pháp kia cũng không phát triển được. Nếu để một chiếc y đó nguyên một chỗ, chiếc y nó cũng chỉ có giá trị một miếng vải không hơn không kém mà thôi. Khi người Tăng sĩ mặc chiếc y ấy vào, thực hành giáo pháp của Đức Phật, chiếc y ấy mới xứng đáng với giá trị của nó chứ. Vì vậy cũng đừng xem nhẹ phương tiện, chỉ nhắm đến mục đích, mà xin nhớ rằng mục đích và phương tiện đôi khi cũng phải tương xứng với nhau.*

Một câu chuyện khác cũng xảy ra tại Âu Châu, như sau:

Nguyên là ở các xứ tự do này, cứ 7 người hợp lại có thể thành lập một đoàn thể, rồi lập ra nội quy, điều lệ, là hợp thức với chính quyền rồi. Ở một nước nọ, Phật Tử còn khan hiếm, làm sao Sư tìm ở đâu cho đủ 7 người mà lập hội. Vì vậy nên khi lập Hội, quý vị Phật Tử có mời Sư giữ chức Hội Trưởng; nhưng Sư từ chối có lý do; "Chữ nghĩa ở đây tôi không biết, làm Hội Trưởng để làm gì? Và lại va chạm với tiền bạc, luật pháp tôi không ham đâu, quý vị làm đi, để tôi chỉ có vấn cho Hội thôi".

Vì tập hạnh hỷ xả nên Sư chẳng màng danh lợi chi. Điều đó cũng đúng với luật lệ của nhà chùa thôi. Nhưng khi có những vấn đề quan trọng ra biểu quyết thì Sư không có quyền. Sư chỉ là cố vấn thôi. Vì vậy Sư cảm thấy mình bị Hội coi thường, có vẻ hắt hủi Sư. Khi ra ngoài, nhiều người thêm mắm giặm muối vào, khiến Sư cũng buồn. Họ bảo rằng:

"Sư ở đó làm gì nữa? Tất cả chức vụ quan trọng Hội đều nắm hết. Sư không có quyền gì ráo trọi. Sư chẳng khác gì một ông Từ giữ chùa. Mà ông Từ giữ chùa còn có hoa quả bánh trái. Còn Sư ở đây không có một quyền lợi gì cả. Vậy Sư ở đây để làm gì? Tiền bạc cũng không có quyền kiểm soát và nhất là thùng phước sương, tại sao Sư không được có chìa khóa để mở v.v... và v.v..."

Sư nghe người nào nói cũng có lý, Sư bèn hỏi ý của một số người khác, bây giờ phải tính sao đây? Lại có người bày Sư phải ra một liên danh khác để bầu cử trong ấy Sư làm Hội Trưởng và tụi con sẽ hỗ trợ Sư. Cuối cùng rồi cũng phải làm theo tính cách dân chủ này; nhưng phía kia có tính cách gian lận, không bầu cử công khai. Sư lần này bị ra rìa và nghe lời xúi giục của những người khác nên Sư lại đi kiện Hội.

Đây là điều làm cho thế nhân dị nghị chê cười.

*Lời bàn:*

*Phàm việc gì thuộc về nội bộ; nên giải quyết trong nội bộ với nhau. Thầy và Hội hay Thầy và Phật Tử cũng giống như cha mẹ đối với con cái. Chuyện gì không phải hãy bàn bạc với nhau cho kỹ lưỡng, không nên đem ra pháp luật và nhờ pháp luật can thiệp. Quả là điều đáng trách cả Hội lẫn Thầy.*

Sống ở xứ này đi làm việc đạo thấy có nhiều điều mà ở trong nước không thể nào tưởng tượng nổi. Ví dụ có một số chùa ở Mỹ và Canada có những việc như sau, xin kể để quý vị nghe và rút kinh nghiệm.

Khi chùa chưa có Thầy thì Phật Tử nằng nặc đòi có Thầy cho được. Sau khi đã coi tướng coi tá ông Thầy xong rồi (Làm như đi coi mắt nàng dâu không bằng). Sau đó mới cung thỉnh. Lễ thỉnh trang trọng lắm., cả Ban Trị Sự đều cúi cung thành kính thỉnh Thầy. Sau khi Thầy về chùa ở, Thầy cũng tâm lý lắm chứ, thu phục hầu hết nhân tâm của Phật Tử, lúc bấy giờ Thầy mới bắt đầu rí tai với mọi người quen biết là Ban Trị Sự khó chịu, không cho Thầy trọn quyền coi sóc việc chùa; nên Thầy muốn ra ở riêng. Khi nghe Thầy nói như vậy, quý Phật Tử thân tín nở nào để Thầy trợ trợ một mình, nên lại phải lạc quyền để xây chùa to Phật lớn cho Thầy để Thầy có toàn quyền. Thế là ngôi chùa cũ vắng tanh như *Chùa Bà Danh* không bằng. Dĩ nhiên Phật Tử thấy chùa có Thầy thì tới, còn chùa không có Thầy làm sao linh bằng; nên chùa cũ vắng vẻ lắm. Tuy nhiên Ban Trị Sự cũ vẫn gồng mình tiếp tục gánh vác công việc chung. Một thời gian sau sóng gió đã tạm yên, công việc chùa tạm ổn thì một số Phật Tử cũ lại lục tục kéo về và hỏi ra mới biết, họ chạy theo Thầy để lo cho Thầy; nhưng Thầy đã phụ lòng họ, nên họ phải trở lại chùa xưa; nên nhiều người đã thốt lên rằng: "Đường đường Tăng tướng, dung mạo khả nghi", khiến ai nấy cũng xót dạ vô cùng. Đòi này sao có nhiều chương duyên quá.

Một chuyện khác cũng xảy ra tại xứ Mỹ.

Có một Thầy có một đệ tử sang ty nạn tại đây và được đón vào trong một chùa đã được xây dựng sẵn để ở. Thời gian đầu giữa Thầy và Ban Trị Sự cũng vui vẻ lắm; nhưng một thời gian sau giữa Thầy và Ban Trị Sự đụng độ với nhau, do đó có một nhóm Phật Tử lại đón Thầy và Cô ra. Nhóm này cũng tận tụy lắm; nhưng sau đó các Phật Tử đề nghị Thầy là nên gởi Sư Cô đi học chỗ khác. Thầy không đồng ý và giữ cô ở lại chùa, thế là bất mãn và Thầy dọn ra làm chùa khác, còn Phật Tử mở thêm một chùa khác nữa.

Lại cũng chuyện tại xứ Mỹ.

Khi Cô chưa đến thì Hội sinh hoạt bình thường. Khi cô đến rồi thì Cô muốn là Hội giao quyền quản trị lại cho Cô và sau đó Cô

bàn với một số quý vị trong Ban Trị Sự làm lễ hiến dâng tài sản ấy cho Giáo Hội. Lúc ấy quý vị trong Ban Trị Sự thấy cũng hữu lý thôi. Vì tài sản đây là tài sản chung mà. Khi làm giấy tờ có Luật sư đứng hoàng; nhưng sau khi giấy tờ đã ký rồi thì một số hội viên phản đối và gởi thư đi tứ tung tố là Cô và Thầy đã cướp chùa của Hội. Vụ này kiện tụng lung tung mà mang tai mang tiếng tại xã hội cờ hoa này không ít.

Bên phía Phật Tử họ cũng không vừa gì. Vì có nhiều nhóm mượn đạo tạo đời nên vào chùa lập vây lập cánh với nhau. Chuyện Đạo chẳng hiểu chữ nhưt một; nhưng đi đâu cũng oang oang tự đắc là ở Việt Nam đã quy y và có ở chùa nữa. Nhưng bên trong thì thâm trầm tổ chức một kế hoạch nhằm thu phục nhân tâm về phe mình. Trong chùa có hai phe phái rõ rệt nhau. Một phía theo Thầy ủng hộ Thầy hết mình. Một phía chống lại phái theo Thầy. Bên phái chống lại Thầy bày ra một màn lừa lướt ngoạn mục như xưa nay chưa từng thấy xảy ra ở cửa thiền. Đó là mỹ nhơn kế.

Phía phá hoại đã rập tâm và cho một cô gái rất đẹp, ăn mặc hở hang vào phòng Thầy thủ sẵn, chờ Thầy về là dở trò ong bướm. Phái này cho máy chụp hình, quay phim sẵn để thu hết vào máy để làm bằng chứng và tổng cổ Thầy ra khỏi chùa vì lăng nhăng nữ sắc và đó cũng là cơ hội tốt để phe này thanh toán phe kia: nhưng may làm sao là hôm đó sau khi đi học về, Thầy không về chùa mà đến nhà một Phật Tử. Phe này chờ đến tối Thầy không về, đành thu hồi chiến lược.

Đúng là Hộ Pháp đã giúp Thầy. Chắc Thầy này còn tu hành tinh tấn. Nếu không! dầu bất cứ dưới hình thức nào Thầy cũng mang họa.

Lời bàn:

Nếu muốn tranh bá đồ vương thì hãy ra chôn sa trường mà quyết ăn thua đủ. Xin đừng lợi dụng cửa chùa để làm cho mang tai mang tiếng ông Thầy bà Cô khổ lắm. Phước đâu không thấy đã thấy tội tày trời. Tội này thì đất cũng chẳng dung mà trời cũng chẳng



tha đâu. Ông Thầy đâu phải là vật hy sinh tế thần mà Phật Tử làm vậy? Tội ấy không nhỏ đâu. Bởi thế nên có nhiều Thầy ví von nói rằng: ngày nay tại ngoại quốc, nhiều nơi đã lập ra Ban Trị Sự chứ không phải lập Ban Trị Sự để làm việc đạo.

Một chuyện nữa cũng xảy ra tại Hoa Kỳ. Vì Hoa Kỳ là nước lớn, có gần một triệu người Việt, nên chuyện xảy ra ở nơi đây cũng rất nhiều.

Có chùa nọ thấy rằng việc đón Sư, mời Thầy về trụ trì thấy nó phức tạp quá, bèn nghĩ ra một cách "thuê Sư". Nếu Sư nào đó đến chùa làm lễ cầu an, cầu siêu và cúng vong sau một tiếng đồng hồ, trả Sư 50 đô-la, rồi Sư về chùa Sư ở, còn chùa này thì Ban Trị Sự ở đây lo.

Nghĩ thế cũng lưỡng lợi cả hai bên. Sư cũng có tiền mà khỏi bị thị phi nhơn nghĩa. Còn Hội cũng có mối lợi thu vào; nhưng cũng khỏi bị Sư chi phối.

*Lời bàn:*

*Người đi tu đâu phải vì bỏ lợi danh và quyền cao chức trọng mà phải đi tụng kinh thuê như vậy. Vì sự nghiệp cũng như nghề nghiệp của Sư đâu có phải là nghề tụng kinh, mà sự nghiệp của Sư là trí tuệ kia mà! "Duy Tuệ Thị Nghiệp". Người đi tu là người cầu giải thoát, chứ không phải cầu tiền tài. Cũng vì vậy cho nên nhiều hội đã cho các Sư ngồi chơi xơi nước và bảo rằng: Quý Sư chỉ lãnh đạo tinh thần thôi. Còn vật chất thì Hội phải lãnh đạo chứ".*

Một chuyện khác cũng khá hấp dẫn và cũng xảy ra tại Hoa Kỳ.

Chùa này không có Thầy; nhưng một bên là Ban Trị Sự và một bên là quần chúng Phật Tử tranh nhau ngôi chùa. Ban Trị Sự đứng về mặt pháp lý họ đầy đủ quyền hành trong việc xây dựng cũng như điều khiển ngôi chùa này. Nhưng quý Phật Tử họ không

đồng ý và nói rằng họ có công có của đóng góp vào đây rất nhiều nên cũng phải có quyền quyết định nữa. Hai bên giằng co hơn thiệt. Câu chuyện cứ kéo dài mãi đến nỗi mỗi chủ nhật cùng một thời điểm, bên trong Ban Trị Sự tụng kinh cầu an thì bên ngoài sân chùa nhóm Phật Tử chỏ miệng vào bên trong tụng kinh cầu siêu. Không khí còn hơn cái chợ. Vì ai cũng lớn tiếng tụng cho át bên kia. Cuối cùng rồi phải nhờ đến Luật sư dàn xếp.

*Lời bàn: Luật sư họ đâu có biết tu, chỉ biết có luật mà quý Phật Tử đã sợ rồi. Trong khi đó giữa Ban Trị Sự và Phật Tử, cả hai đều không biết tu mới ra nông nỗi ấy. Không biết làm như thế có lợi cho ai? Chỉ cốt cho thế gian và ngoại đạo cười cho thôi.*

Ở Mỹ và Canada có nhiều chuyện ngộ nghĩnh lắm mà các xứ Âu Châu ít thấy. Điều ấy cũng dễ hiểu như trên vừa mới trình bày. Nơi nào càng đông dân Việt Nam nơi đó cũng ăn nên làm ra; nhưng chính nơi đó cũng là nơi nhiều chuyện nhất.

Bây giờ sang đến Úc.

Đất Úc là nơi rất rộng và cũng đông dân cư Việt Nam, nên cũng có lắm chuyện.

Nguyên là mấy Thầy và Phật Tử tin tưởng với nhau và cùng chung nhau lại để mua một ngôi nhà làm chùa. Tất cả đều dồn tiền và để một vị trụ trì đứng tên thôi cho đỡ rắc rối về vấn đề luật pháp. Nếu khai báo đây là một ngôi chùa thì phải đầy đủ phương tiện hơn mới được chấp nhận như vệ sinh công cộng, cứu hỏa v.v... cứ thế và cứ thế, tiền vào và lợi danh cũng vào theo, nên Thầy trụ trì manh tâm đoạt chùa và tất cả tài sản của cái đều vào Konto riêng của mình. Còn Hội thì không có gì cả!

Đến khi Thầy trụ trì trở mặt muốn chiếm làm của riêng thì mọi việc đã xong rồi. Lúc bấy giờ cũng đã kiện thua; nhưng tất cả đều quá muộn.

Lại cũng chuyện xảy ra tại Úc.

Một chùa nọ, khi đang xây cất, kêu gọi với tư cách Giáo Hội; nhưng khi xây cất hoàn thành, biến thành của Tông phái mình và nghe đâu còn hạn hẹp hơn nữa là làm di chúc để lại cho gia đình mình nữa.

*Lời bàn: Không biết nửa tháng, ít nhất là trong mùa an cư kiết hạ của mỗi năm chư Tăng có tụng giới Bồ Tát không? Nếu có thì làm sao ra nông nổi ấy được. Vì của cải là những thứ hữu hình hữu hoại mà, chỉ có giới đức mới tồn tại lâu đời chứ. Làm sao lại làm những chuyện mà giới luật không cho phép như thế được?*

\*

Đi đâu cũng nghe Phật Tử than về Thầy mình và ngược lại ông Thầy cũng hay than về Phật Tử cũng không ít. Đại để Phật Tử than về Thầy như sau:

- Tại sao Thầy không hớt cái tóc cho nó ngắn lại dễ coi không?
- Tại sao Thầy mặc đồ tây đi học mà không mặc đồ tu?
- Tại sao Thầy đi cái xe gì mà sang quá vậy?
- Tại sao Thầy chở mấy cô Phật Tử trẻ ấy đi hoài?
- Tại sao sáng Thầy không tụng kinh Lăng Nghiêm?
- Tại sao Thầy ở không mà Thầy không chịu đi học ngoại ngữ?
- Tại sao Thầy vừa ăn chay lại vừa ăn mặn? v.v... và v.v...

Thôi thì có hàng ngàn câu hỏi tại sao và sau đây là hàng ngàn lý do để trả lời:

Sỡ dĩ Thầy không cạo đầu như ở Việt Nam vì ở đây lạnh lắm. Mùa đông trừ 3 đến 40 độ C kia mà, cạo riết nó sung mông óc làm sao? Và lại phải đi vào trường học và đi làm thêm nữa, tội bạn nó thấy đầu mình không có tóc, chúng nó lại trêu chọc nữa. Và lại bên Âu Mỹ này nè, chỉ có người bị tù mới cạo tóc mà thôi.

Còn hỏi tại sao Thầy không mặc đồ tu đi học mà mặc đồ tây – thì đây là câu trả lời - Vì tội Mỹ nó tưởng mình hippy. Đầu cạo nhẵn áo mặc thùng thình nó tưởng mình hippy kiểu mới nên cứ bị trêu chọc hoài.

Còn đi chiếc xe cũ nó hư hoài nên phải đi xe mới cho đỡ bị sửa chữa. Và lại xứ Mỹ, xứ Úc, Canada nó rộng thênh thang, đi xe cũ rủi hư giữa đường thì làm sao mà sửa. Khi đi không lẽ đi một mình, cũng tốn xăng như vậy thôi, nên mấy bà mấy cô mới xin đi ké. Đó là lý do, chứ đâu phải chờ riêng cô nào đâu.

Còn nữa, sáng sớm nào cũng phải đi học, đi làm, chỉ có cuối tuần là rảnh, tụng Lăng Nghiêm thập chú cũng được rồi. Cần gì phải tụng đủ, vì qua đây chắc Phật cũng châm chế mà. Thời đại kim tiền này, thì giờ đâu mà ngồi đó ê a sợ tội Mỹ nó cười cho.

Bây giờ Thầy lớn tuổi rồi học ngoại ngữ sao vô? Thôi thì có chữ nào xài chữ này.

Còn việc chay tịnh thì ở đây khó giữ lắm. Đi làm, đi học giữa đường, giữa chợ, có gì dùng nấy cho nó xong, chấp nhứt làm gì những cái nhỏ nhặt đó.

Ngược lại phía quý Thầy cũng trách quý Phật Tử như sau:

Mấy ông nội đó đâu có biết đạo là gì? Tới chùa xem nhà Sư chẳng ra cái gì hết, như kẻ ăn người ở không bằng! Mấy ông ấy ý

lại vào bằng cấp nên coi người tu không ra gì cả. Còn mấy bà ý có tiền nên xài xể Sư, hoặc giả sai sử Sư, Thầy cũng đâu có khác gì ông Từ? Họ vào chùa ăn xả ra đó, rồi về nhà. Còn mình cong lưng ra dọn chùa để họ tới bắt chân chữ ngũ ngồi nói chuyện thế gian. Còn nữa, có dịp tùm năm, tùm ba lại là nói chuyện hơn thua, bài bạc, tiền của chứ có bao giờ nghe họ nói đến chuyện tu học đâu? v.v... và v.v...

Đây là câu trả lời của họ. Sở dĩ chúng tôi chưa biết đạo cho nên chúng tôi mới đi chùa. Chứ biết rồi thì đi làm gì nữa. Còn bằng cấp, địa vị đâu phải là một cái tội. Nếu có chẳng, chỉ vì mình không biết xử dụng đến nó mà thôi. Chúng tôi không phải đến chùa để khoe bằng cấp, mà vì quen thói ngoài đời nên mới giới thiệu ông nọ bà kia vậy thôi. Nếu chúng tôi có nhờ lời với quý Sư, vì cứ nghĩ quý Sư cũng bằng tuổi con cháu của tôi ở nhà nên mới nhờ bung chén trà, chén nước. Còn chùa chiền dựng lên là để đón khách thập phương. Nên việc coi sóc chùa chiền là của quý Thầy, quý Cô, quý Sư, quý Sãi chứ đâu có phải của tụi tui. Mỗi chiều chủ nhật trông cho lễ xong là phải về nhà để ngày mai còn đi cày nữa chứ. Chỉ quét dọn, sửa soạn có chút xíu là quý Sư đã la hoán lên rồi...

Đại khái, đó là những chuyện bình thường hay xảy ra tại chùa và đây là vài nhận xét.

Nếu đem Luật sư mà tranh cãi, dĩ nhiên có bên thắng bên thua và ở đây, chúng ta phải đem lương tâm của mỗi người ra tự cãi, rồi tự chúng ta xét xử chúng ta mới hay hơn. Vì bên nào cũng cho mình là đúng, là phải nên mới làm việc ấy. Không bên nào tự thấy được rằng cả hai bên đều quan trọng như nhau cả, nếu thiếu một trong hai ắt sẽ không thành. Nếu có vị Thầy giỏi mà không có Phật Tử hỗ trợ, việc ấy ắt cũng sẽ chẳng thành công. Ngược lại có Phật Tử giỏi mà không có Thầy thì công việc cũng không thông suốt. Có một câu chuyện trong Kinh Bách Dụ ngày xưa Đức Phật đã dạy đệ tử của Ngài, xin chép vào đây để làm bài học căn bản.

Câu chuyện được kể về đầu rắn và đuôi rắn.

Một hôm nọ đầu rắn và đuôi rắn cãi nhau. Đuôi rắn cứ giành đi trước, đầu rắn không chịu cứ giằng co nhau mãi. Một hôm đầu rắn đồng ý để cho đuôi rắn đi trước.

Cũng vì đuôi rắn không có mắt nên đi bị sụp hầm.

Câu chuyện chỉ đơn giản vậy thôi; nhưng lời bàn trong Kinh Bách Dụ thì thâm thúy lắm. Đầu rắn ví như cha mẹ, Thầy Tổ, người lãnh đạo một tổ chức. Xòn đuôi rắn giống như con cái, tín đồ v.v... Con cái càng ngày càng lớn cũng như tín đồ càng ngày càng phát triển, cũng muốn chứng tỏ cho cha mẹ mình, cho Thầy Tổ mình biết mình là người đã trưởng thành nên giành quyền lãnh đạo. Cha mẹ vì thương con hoặc cả nể cho nên đã cho con cái mình làm việc ấy. Tuy có khả năng đó; nhưng thiếu kinh nghiệm, nên cuối cùng đã bị sụp hầm.

Từ câu chuyện này chúng ta thấy rằng: một con rắn không thể thiếu đầu hoặc thiếu đuôi được, mà cả đầu lẫn đuôi phải hòa hợp với nhau mới có thể mang cái thân rắn đi đến nơi đến chốn. Từ đó chúng ta nhìn về cách tổ chức của chúng ta cũng vậy. Tuy rằng ông Thầy hay cha mẹ mình già nua rồi, cồ lỗ sĩ lắm rồi; nhưng nếu không có những người này thì chúng ta không thể học hỏi kinh nghiệm được. Chúng ta nên từ cha mẹ mà đi lên, chứ không nên nhận chìm cha mẹ xuống để mình bước lên đài danh vọng trước sau gì rồi cũng bị sụp hầm.

Hai tổ chức, hai đoàn thể đạo đời cũng giống như hai bông hoa đẹp. Nếu để xa nhau đã đẹp rồi, phải đem ghép chung lại vào nhau thì càng đẹp hơn nữa. Còn ở đây mọi người chỉ tự hãnh diện về đóa hoa của mình và chê đóa hoa khác là xấu xí, là dư thừa v.v... Không ai tự thấy rằng hoa nào cũng được trường dưỡng từ những đống phân dơ cả. Phân bón càng dơ, cây cỏ hoa lá càng tốt. Người nào từ chỗ tội lỗi, vượt thoát và vươn lên cao, quả kẻ ấy có ý chí vô cùng. Nếu ai cũng tự nhìn mình và tự hiểu rằng mình từ đống phân mà ra, rồi trở bông sinh trái và hoa chính từ phân, phân chính từ hoa, hoa chính là phân và phân chính là hoa thì hòa hợp biết bao và đẹp để biết bao.

Một câu chuyện khác tôi cũng đã có dịp đề cập trong những quyển sách khác rồi; nhưng thiết tưởng viết lại đây cũng không thừa; nên gởi đến quý vị để làm quà.

Một ông Giáo sư Tâm lý học, một hôm vào lớp không mang sách vở gì cả, chỉ trừ một tờ giấy trắng và một cây bút đen. Sau khi Thầy trò đã chào hỏi nhau, ông ta lấy cây viết đen, chấm lên một chấm nhỏ đậm trên tờ giấy trắng, đoạn ông ta giơ cao lên cho mọi người thấy và bắt đầu hỏi:

- Các anh chị em sinh viên có thấy gì đây không?

- Thưa Thầy, tụi em có thấy.

- Thấy gì?

- Thấy một chấm mực đen.

Ông Thầy chậm rãi xuống giọng và giải thích:

Thật ra mấy anh chị em thấy như thế cũng không sai; nhưng không hoàn toàn đúng. Vì sao vậy? Vì tờ giấy trắng to như vậy tại sao các anh chị em không thấy, mà chỉ thấy một chấm đen? Từ nay các anh chị em nên đổi cách nhìn đi. Tờ giấy trắng cũng như cái hay cái đẹp của người khác mà chúng ta dễ quên đi, hay cố tình quên đi, trong khi chấm mực đen nhỏ có một chút xíu cũng giống như lỗi nhỏ của con người thì chúng ta dễ thấy vô cùng. Nếu chúng ta ai cũng đứng từ quan điểm chấm đen ấy để nhìn và phê phán sự việc, té ra trong tâm chúng ta toàn là những vết đen thì việc nhận xét của chúng ta về một đối tượng nào đó nó mang đầy tính chất thành kiến, làm sao công bình được và mong rằng bài học hôm nay sẽ giúp ích cho các anh chị em về sau này trong cuộc sống hằng ngày.

Bài học ấy cũng chính là bài học của chúng ta ngày hôm nay hay cho cả mai hậu nữa. Thầy chỉ toàn thấy chấm đen của Phật Tử,

ngược lại Phật Tử cũng toàn thấy chấm đen của Thầy. Không ai trong chúng ta tự thấy hoặc báo cho người khác cùng thấy cái hay cái đẹp của Thầy và của các Phật Tử cả. Đó là một sai lầm rất lớn.

Chúng ta phải thấy về Thầy như thế này. Trong cuộc sống đua chen danh lợi như thế, mà Thầy quyết bỏ lại sau lưng, giã từ cha mẹ, người thân vào chùa tu niệm, sống đời khổ hạnh như thế chỉ nhằm tự cứu mình và cứu đời quả là một hạnh nguyện Bồ Tát đáng ca ngợi biết bao.

Từ phía quý Thầy, chúng ta cũng phải ca ngợi quý Phật Tử rảnh. Trong cuộc sống bận rộn như thế, ngoài việc lo sinh kế cho gia đình, bận rộn suốt tuần, chỉ có cuối tuần mấy ngày rảnh lại phải hy sinh hết cho việc chùa, quả là một tấm gương hết sức cao đẹp, chúng ta nên lấy đó tự soi chung. Và còn nhiều cách khác để tán dương hơn nữa. Dĩ nhiên khi chúng ta thấy những điểm tốt của người khác, không có nghĩa là chúng ta bao che những lỗi lầm cho nhau; nhưng nói thể để tăng lòng tin và nói thể để hăng hái trong công việc hằng ngày.

Ở đây có vài điều cũng cần phải lưu ý. Về phía quý Thầy phải tự nỗ lực hơn nữa trong việc tu và việc học. Chúng ta không phải cậy chiếc áo nhà tu để được lợi dưỡng và được cung phụng, mà chúng ta phải chứng minh cho tín đồ thấy rằng chúng ta đã cố gắng hết mình và chúng ta có khả năng để lãnh đạo quần chúng.

Phía tín đồ cũng thế, hãy dừng ngay ở cương vị của mình là một Phật Tử. Không nên đi quá trớn như một "mẹ Sư" thì nguy hiểm vô cùng. Vì Phật Tử tại gia cố gắng trong nhiệm vụ hộ trì Tam Bảo của mình chứ không phải là nhiệm vụ chi phối ngôi Tam Bảo. Nguy hiểm lắm. Phải nhớ là Thầy trò, đệ tử giống như đầu rắn và đuôi rắn bên trên; phải cùng nhau hợp sức lại thì mới tạo dựng được việc to lớn hơn. Nếu không, chúng ta sẽ dẫm chân tại chỗ.



Phải kiên nhẫn hơn nữa để giải quyết sự việc. Phải hạ mình hơn nữa để tự tu thân và hãy tự kiểm điểm mình về mọi phương diện thì mới mong thành công một cách trọn vẹn được.

Gương người xưa còn nhan nhản ở đó, tại sao chúng ta không học hỏi để tự tu luyện mình. Ví dụ chuyện các ông vua bà chúa của xứ ta hay trên thế giới ngày nay cũng vậy. Đâu có ông nào đậu cử nhân, tiến sĩ, mà họ đã cai dân trị nước mấy ngàn năm. Nước thịnh dân cường. Quả nhiên điều ấy không phải chỉ cần tài, mà đức hạnh của ông vua phải nhiều và phải cao rộng mới cảm hóa lòng dân được. Còn ngày nay thế giới này, họ cai trị bằng tài, nhưng thiếu đức. Do vậy nên thế giới chiến tranh loạn lạc triền miên. Thiên tai bão lụt khắp nơi, hạn hán, mất mùa, thiên nhiên bị hủy hoại làm cho con người cũng bị ảnh hưởng lây.

Từ những hình ảnh đơn thuần mộc mạc ấy Tăng Đoàn chúng ta phải củng cố nhiều hơn nữa để trở về lại cương vị của mình, như người con tìm về nơi cố hương với cha mẹ. Xin đừng từ bỏ quê cha đất tổ lâu quá. Còn Phật Tử hãy nỗ lực và tự hạ mình xuống để làm nhiệm vụ của kẻ hộ đạo thì mới mong Phật Giáo được phát triển như các nước tại Á Châu, như Thái Lan, Tây Tạng v.v...

Nói và viết về những việc trên sợ rằng "*bứt dây sẽ động rừng*"; nhưng đây chỉ là một chứng liệu khi làm việc đạo tại xứ người mà thôi. Không nhằm mục đích khiêu khích và nhất là chê bai cá nhân hay đoàn thể nào cả. Vì dẫu sao suốt 20 năm qua chúng ta đã hy sinh quá nhiều rồi. Hy sinh cho dư luận báo chí đục giữa. Hy sinh cho nhiều mưu đồ chính trị khác nhau. Hy sinh cho những sự chống đối vô nghĩa. Chúng ta cũng đã làm vật tế thần cho các tổ chức chính trị nhiều rồi. Vậy mỗi người trong chúng ta hãy tự thức tỉnh mình để trở về vị trí của mỗi người. Có thể mới không hoài công của chư Phật và chư Tổ đã cru mang chúng ta và mong mỗi đón tiếp chúng ta nơi cõi giải thoát kia.

## CHƯƠNG MƯỜI TÁM

### KẾT LUẬN

Tôi bắt đầu viết sách này vào ngày 21 tháng 6 năm 1995 tại thư phòng Chùa Quan Âm tại Montréal, Canada, và cho đến hôm nay là ngày 28 tháng 6 năm 1995, cũng là ngày sinh nhật lần thứ 46 của tôi, tôi cố gắng để hoàn thành làm món quà nho nhỏ cho tất cả quý Phật Tử Chùa Quan Âm tại đây và cũng là món quà gửi về xứ Đức cho chư Tăng Ni và Phật Tử tại đó, nhất là nơi Chùa Viên Giác, nơi chúng tôi đang trụ trì.

Như vậy tác phẩm này gần 300 trang viết tay, nếu đánh máy lại chắc cũng hơn 200 trang. Một cuốn sách như thế cũng vừa. Vì nhiều trang cầm tay cũng nặng và có nhiều người lười đọc.

Tôi phải biết ơn tất cả mọi người nơi đây, nhất là Ban Trị Sự của Chùa Quan Âm, mỗi ngày đều chia phân ra để lo cơm nước cho tôi, lo bút mực cho tôi, lo giặt ngủ cho tôi v.v... Xin cảm ơn tất cả. Nhờ thế mà tôi có thì giờ để mỗi ngày có thể viết liên tục trong 5 tiếng đồng hồ. Vì vậy tác phẩm này đã hoàn thành trong một thời gian kỷ lục chỉ có 6 ngày. Mỗi tiếng đồng hồ tôi viết độ chừng 10 trang giấy. Như vậy trong 300 trang này phải cần 30 tiếng đồng hồ, 30 tiếng đồng hồ ấy giá trị vô ngần. Vì chung quanh tôi, mọi người đều lo lắng cho tôi, để cho tôi được yên mà viết.

Đặc biệt anh Thị Pháp Huỳnh Phước Bằng đã cận kề và lo lắng cho tôi từng tờ giấy, từng cây viết, từng trái cây, từng ly nước, từng tách trà để tôi yên thân mà viết và quý Bác đã chăm sóc từng miếng ăn, thức uống, chỗ nghỉ ngơi, làm việc v.v... mới có thể hoàn thành tác phẩm này.

Cứ mỗi ngày tôi thức dậy lúc 5 giờ 45 phút, sau khi súc miệng rửa mặt, tập thể dục vài phút rồi lên chánh điện. Tại chánh điện tôi ngồi thiền độ 15 phút, sau đó tụng kinh Lăng Nghiêm và kinh hành nhiều Phật. Sau đúng một tiếng đồng hồ tôi xuống tầng phòng, pha

trà uống ba chén. Tiếp đến là cầm bút viết liên tục trong vòng một tiếng đồng hồ đến 8 giờ sáng là giờ điễm tâm.

Giờ điễm tâm cũng là giờ để gặp gỡ mọi người trong chùa, nên tôi ngồi nán lại đến 8 giờ rưỡi hoặc 8 giờ 45 phút. Sau đó đi dạo khắp vườn chùa, xem hồ sen và vườn rau cải cho tâm hồn thanh thoi, xong vào lại thư phòng, uống trà và bắt đầu viết từ 9 giờ đến 10 giờ. Sau đó nghỉ độ 30 phút. 10 giờ 30 viết đến 11 giờ 30 là nghỉ trưa. Vì mấy bữa nay sao trời nóng quá. Đã hơn 15 năm qua tôi đến Canada mỗi năm ít nhất là một lần; nhưng chưa bao giờ đến được vào mùa hè. Năm nay vì việc chùa bên Đức cũng tạm yên, nên tôi có hứa là sẽ đến Canada an cư kiết hạ một tháng. Khi đến đây, máy bay trước khi đáp xuống phi trường Montréal ngày 19.6.95 báo rằng nhiệt độ ở đây 36 độ C. Nghe mà toát mồ hôi. Vì sáng đó tại Đức, từ chùa đến nhà "gare" Hannover để đi phi trường Frankfurt tôi nói tài xế xe hơi phải bật sưởi mới đỡ lạnh được. Bên Đức, nhiệt độ chỉ có 8 độ thôi. Cũng vì lẽ đó tôi mang theo trong va-ly kỳ này toàn là đồ mùa đông nên khi mặc vào, nực nội vô cùng.

Nhưng năm trước tôi đến đây vào mùa thu và mùa Đông. Cũng đã có nhiều lần tôi tả về mùa thu Canada đăng trong Viên Giác và trong quyển *Đường Không Biên Giới* đã làm cho nhiều người thích thú. Bây giờ mùa hè tại Canada nóng quá, không biết có ai thích chăng?

Sau khi dùng trưa vào lúc 12 giờ, tôi lại vào Tăng phòng để ngồi nghỉ. Đúng 2 giờ chiều là dậy tắm rửa và sửa soạn cho giờ viết của buổi chiều. Vì buổi chiều nắng nên tôi bắt đầu viết vào lúc 15 giờ đến 16 giờ thì nghỉ, đi vòng quanh chùa lần thứ 2 cho tâm hồn thoải mái một chút. Nếu cốt chuyện bị bí lối, chính những giờ phút đi dạo như thế này sẽ được khai thông và tìm ra nội dung hay nhân vật mới cho câu chuyện.

16 giờ 30 tôi viết mãi cho đến 17 giờ 30 rồi lại thôi. Như thế là đúng 5 tiếng đồng hồ. Mỗi ngày đều đặn như vậy trong vòng 6 ngày thì xong. 18 giờ dùng cháo đến 18 giờ 30. Đây cũng là thời

gian tôi tiếp khách hoặc trả lời điện thoại. Quý Phật Tử tại địa phương thường hay lui tới để thăm tôi vào giờ này. 19 giờ 30 là giờ lễ kinh Đại Niết Bàn. Tôi có phát nguyện sau khi lễ kinh Pháp Hoa xong (mỗi chữ mỗi lạy), bây giờ đến kinh Đại Bát Niết Bàn cũng thế. Khi tôi lễ quý Phật Tử tại chùa cũng đã lễ theo. Đây là một công đức không thể nào thiếu được trong sự tu hành. Tôi vẫn thường hay nói cho quý Phật Tử nghe rằng: Quý vị cúng dường vào chùa 10 hay 20 đồng mục đích là để tạo phước và kiếp sau sẽ giàu có hơn bây giờ, còn muốn tạo Đức thì phải tu. Nhưng tu như thế nào để có đức, thì đây là những phương pháp gồm: tụng kinh, ngồi thiền, lễ bái và niệm Phật. Ngoài các phương pháp mà chư Tổ ngày xưa đã đặt ra để tự tu cho mình và chứng đạo chắc chắn và quyết rằng không có phương pháp nào hay hơn được.

Lạy chừng 1 tiếng đồng hồ khoảng trên 200 lạy, mỗi đêm liên tục như thế cho đến cuối tuần thì Thọ Bát Quan Trai, thiền trà theo Nhật Bản, v.v...

Khoảng 22 giờ thì đi ngủ. Tôi lịm dần theo nhịp đập của tim rồi trở về với nguyên thi của đất trời vạn vật.

Mỗi năm tại Đức chư Tăng và Phật Tử có lo riêng cho tôi 3 ngày lễ. Tuy không rầm rộ lắm; nhưng cũng nói lên được tình nghĩa Thầy trò, sư đệ. Đó là ngày giỗ của thân mẫu tôi vào ngày 27 tháng 3 âm lịch, ngày giỗ của thân phụ tôi vào ngày mùng 9 tháng 7 âm lịch và ngày sinh nhật của tôi vào ngày 28 tháng 6 dương lịch. Năm 1949 nhằm ngày mùng một tháng 6 âm lịch tôi ra đời và năm nay, chính lúc tôi viết lời kết luận này cũng đúng vào ngày mùng một tháng 6 năm AvHợi. Đúng là một sự ngẫu nhiên.

Trong thời gian một tuần lễ này tôi cũng đã gặp Thầy Huyền Diệu từ Phật quốc bên Ấn Độ qua chiếu phim về việc xây dựng chùa Việt Nam tại đó. Tôi và Thầy có nhiều trao đổi cũng vui vui.

Có nhiều Phật Tử hỏi Thầy tại sao Ấn Độ là nơi phát sinh về Phật Giáo, mà Phật Giáo ngày nay tại đó không còn phát triển nữa?

Thầy trả lời rằng:

"Ví dụ người ở gần bóng đèn thì ít thấy ánh sáng tại chỗ, mà người ở xa mới thấy được ánh sáng ấy và bây giờ chính là lúc chúng ta mang ánh sáng ấy dội lại nơi sản sinh này đây".

Những công trình xây dựng của Thầy ấy tại Bồ Đề Đạo Tràng và tại Lâm Tỳ Ni, nơi Đức Phật Đản Sanh, quả thật không có gì có thể tán dương hết được. Vì công đức ấy to lớn lắm. Đây chính là những đóng góp hữu hạn trong hiện tại; nhưng có giá trị vô hạn trong tương lai.

Năm 1989 khi tôi đến chiêm bái Phật Tích lần đầu cũng là do ý của Thầy Huyền Diệu đốc thúc lúc bấy giờ. Lúc ấy tôi đã do dự không muốn đi, vì đang lúc làm chùa. Không phải chỉ vì lý do tài chánh, mà còn lý do khác là nên ở lại tại chỗ, nếu có điều gì thợ xây cất cần đến mình thì mình góp ý ngay. Nếu đi, sẽ sinh ra trễ nải. Điều ấy tôi đã lắm. Cũng chính vì nhờ đi chiêm bái Phật tích lần ấy mà khi về lại Đức tôi mới có thể hoàn thành ngôi Chùa Viên Giác được. Đạo lực và niềm tin lúc ấy tăng gấp 10 lần sau khi đã đi chiêm bái về.

Trong khi đi chiêm bái lòng tôi xúc động rất nhiều về những thánh tích; nhưng tôi cũng ngao ngán cho cái nghèo khổ, giai cấp, hệ thống hành chánh rườm rà và chậm rì của Ấn Độ, nên sau khi về lại Đức, lúc viết quyển "*Lòng Từ Đức Phật*" tôi nghĩ rằng tôi sẽ không bao giờ đi Ấn Độ nữa.

Thế mà lạ thay, đến năm 1994 sau khi hoàn thành ngôi chùa Viên giác 99% tôi lại có ý định đi Ấn Độ một lần nữa để tạ ơn Tam Bảo. Cuối năm 1994 Ấn Độ bị dịch hạch, nên cuộc hành hương phải dời lại vào tháng 2 năm 1995.

Sau khi đi chuyến hành hương này về tôi lại nghĩ chắc còn phải đi đến lần thứ ba, thứ tư và thứ năm nữa mới thôi. Có lẽ đất Phật là xứ linh thiêng mâu nhiệm. Khi đến được Bồ Đề Đạo Tràng rồi, phải nói rằng đây là chốn cực kỳ linh thiêng. Ai tin tưởng sẽ

thấy rõ điều đó và nhất là nơi đây có ngôi Chùa Việt Nam do Thầy Huyền Diệu xây cất nữa. Ở giữa cánh đồng mạ xanh bát ngát, gió thổi vi vu, mọc lên một cảnh chùa, trong khiêm nhường so với các quốc gia Phật Giáo khác; nhưng đây cũng là một hãnh diện của Phật Giáo Việt Nam mình. Có cây cỏ xanh tươi và khung cảnh thật tuyệt đẹp.

Nếu ai đó đi hành hương vào mùa thu đông sẽ thường thức được lúa gao, rau quả do chùa trồng. Vườn chùa mang lại rau xanh, trái ngọt của quê hương cho người xa xứ. Đây cũng là một niềm vui nho nhỏ khi đến chôn này.

Rồi Lâm Tỳ Ni, nơi Đức Phật đã giáng trần, nơi vua A Dục đã xây trụ đá để kỷ niệm, ngày nay Chùa Việt Nam do Thầy Huyền Diệu dựng xây cũng đã tô điểm thêm cho Phật tích này, một cố gắng vươn lên của Phật Giáo Việt Nam mình. Đúng là:

*"Nước lã mà và nên hồ  
Tay không mà dựng cơ đồ mới ngoan"*

Tất cả mọi công đức ấy có được, dĩ nhiên cũng phải nhờ những học trò Âu Mỹ của Thầy ấy; nhưng người Phật Tử Việt Nam mình ở khắp năm châu bốn bể cũng đã đóng góp vào đây rất nhiều; nên chúng ta rất hãnh diện về việc này.

Hy vọng rồi mai đây nơi Phật tích ấy sẽ còn nhiều ngôi chùa Phật Giáo sẽ được xây dựng nên để kỷ niệm nơi một bậc vĩ nhân của nhân loại, một bậc Đại Giác, một Đấng Giác Ngộ đã ra đời.

Mỗi người sinh ra đời đều do nhân duyên, nghiệp lực mà thành, rồi cũng do nhân duyên nghiệp lực rồi đến, rồi đi, rồi còn, rồi mất. Vì vậy xin kết luận cho quyển sách này với hai chữ "*Như Thị!*" như trong kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật mà Đức Phật đã dạy đầy thôi.

Bây giờ trời đã đổi gió, lá cây chuyển động mạnh, bên ngoài như báo hiệu một trận mưa rào sắp đến, cốt gột rửa bao nhiêu bụi bặm suốt cả một tuần qua đã làm cho đất đai bị khơi động, bây giờ có dịp tắm rửa để trở về trạng thái uyên nguyên của nó.

Nếu duyên sách này, duyên may có ai đọc được, xin hồi hướng phần phước báu ấy về cho đương sự, nếu có được điều hay. Chẳng may vì sự vô tình mà gặp một vài câu chuyện hoặc vài hoàn cảnh giống nhau trong khi tôi không cố ý để viết, kính xin quý vị lượng thứ cho.

Cầu nguyện cho đất nước thật sự an bình, người người đều được an lạc để mang lại niềm tin và sự sống cho nhau và mong một ngày không xa sẽ trở về lại đất mẹ thân yêu để thăm lũy tre làng và con đường mòn dẫn về chốn cũ.

*Viết xong vào lúc 16 giờ ngày 28 tháng 6 năm 1995 tại thư phòng Chùa Quan Âm Montréal – Canada.*

***Thích Như Điển***